

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP	4
1.1. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	4
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	4
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu.....	4
1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.....	5
1.1.4. Vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất sản phẩm.....	7
1.1.5. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu.....	7
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	13
1.2. 1. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	13
1.2.2. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	17
1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	24
CHƯƠNG II THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN-VINASHIN	26
2.1. Khái quát về công ty TNHH Nội thất thủy Sejin-vinashin	26
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	26
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy trình công nghệ chủ yếu.	27
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	29
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty.....	30
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nội thất thủy Sejin-vinashin	36
2.2.1 Đặc điểm công tác quản lý và phân loại nguyên vật liệu tại công ty Sejinvinashin.....	36
2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu.....	38
2.2.3. Thủ tục nhập - xuất nguyên vật liệu.....	40

2.2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Sejinvina.....	43
2.2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty Sejinvina	66
2.3. Tổ chức công tác kiểm kê nguyên vật liệu	72
CHƯƠNG III MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG.....	74
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY	74
SEJIN - VINASHIN	74
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nội thất thủy Sejin-vinashin.....	74
3.1.1 Ưu điểm.....	74
3.1.2. Hạn chế:	78
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nội thất thủy Sejin-Vinashin	79
3.2.1. Sự cần thiết và các yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Sejinvina.	79
3.2.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nội thất thủy Sejin-Vinashin.	80
KẾT LUẬN	99
TÀI LIỆU THAM KHẢO	99

LỜI MỞ ĐẦU

➤ **Tính cấp thiết của đề tài**

Mỗi doanh nghiệp là một tế bào của nền kinh tế. Muốn nền kinh tế nước ta phát triển bền vững trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều biến động, bên cạnh những chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước, bản thân các doanh nghiệp cũng phải liên tục nghiên cứu tìm tòi để hoàn thiện phương thức tổ chức sản xuất kinh doanh của mình. Chỉ có tổ chức sản xuất kinh doanh hiệu quả, khoa học và thích ứng với thị trường, các doanh nghiệp mới có thể đứng vững trong môi trường cạnh tranh khốc liệt trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới của nước nhà, và từ đây khẳng định tên tuổi của doanh nghiệp Việt nam trên trường quốc tế.

Mong muốn đóng góp cho sự phát triển của ngành đóng tàu Việt nam, đồng thời xây dựng một thương hiệu mạnh cho sản phẩm của mình trên thị trường thế giới, đó chính là mục tiêu hoạt động của công ty TNHH Nội thất thủy Sejin-Vinashin (tên giao dịch là Sejinvina)- Một liên doanh giữa tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam Vinashin và công ty Công nghệ kỹ thuật Sejin Hàn Quốc. Trong quá trình 8 năm đi vào hoạt động, Sejinvina đã bám sát mục tiêu hoạt động để từ đó phấn đấu hoàn thiện tổ chức sản xuất kinh doanh của mình. Đối với các doanh nghiệp sản xuất như Sejinvina thì sử dụng nguyên vật liệu hiệu quả chính là một yếu tố then chốt giúp doanh nghiệp sản xuất hiệu quả, nâng cao chất lượng sản phẩm với mức giá thành hợp lý. Với mục tiêu đạt hiệu quả cao trong quản lý và sử dụng nguyên vật liệu, công tác kế toán nguyên vật liệu tại doanh nghiệp sản xuất phải luôn được coi trọng. Đặc biệt đối với Sejinvina-một công ty sản xuất theo các chuẩn mực khắt khe về chất lượng sản phẩm quốc tế nhằm xuất khẩu, một lượng lớn nguyên vật liệu chính đều phải nhập khẩu từ nước ngoài, thì công tác kế toán nguyên vật liệu lại càng trở nên quan trọng, đòi hỏi kỹ năng quản lý và sử dụng khoa học. Đội ngũ kế toán công ty đã làm khá tốt công tác này, tuy nhiên trên thực tế quy trình quản lý, cấp phát và hạch toán kế toán nguyên vật liệu của công ty vẫn chưa hoàn thiện, để thực sự đáp ứng kịp thời được nhu cầu quản lý của các cấp lãnh đạo và tiết kiệm tối đa chi phí nguyên vật liệu của doanh nghiệp. Đề tài này được hình thành từ nhận định trên và hy

vọng sẽ đưa ra được các biện pháp thiết thực hoàn thiện công tác kế toán chi phí nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại công ty Sejinvina.

➤ **Mục đích nghiên cứu của đề tài**

- Khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

- Phản ánh thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Sejinvina, từ đó có những đánh giá, phân tích khách quan.

- Đưa ra một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại công ty Sejinvina.

➤ **Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

- Đối tượng nghiên cứu: công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Sejinvina

- Phạm vi nghiên cứu: Bài nghiên cứu trình bày kết quả nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Sejinvina.

➤ **Phương pháp và thiết bị nghiên cứu của đề tài:**

-Phương pháp tổng hợp so sánh

-Phương pháp thống kê

-Phương pháp liên hệ

-Phương pháp chuyên gia

Các kỹ thuật, nghiệp vụ cơ bản sử dụng trong kế toán quản trị: thiết kế thông tin dưới dạng so sánh được, phân loại chi phí đáp ứng các mục tiêu cụ thể, trình bày thông tin dưới dạng phương trình, mô hình và đồ thị.

➤ **Dự kiến kết quả nghiên cứu của đề tài:**

- Đóng góp về mặt khoa học, phục vụ công tác đào tạo:

Là tài liệu chuyên ngành kế toán và quản trị phục vụ cho các môn học như: kế toán tài chính, kế toán quản trị, quản trị tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh...

- Những đóng góp liên quan đến DN:

Những giải pháp đưa ra trong công trình nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng trong doanh nghiệp.

➤ **Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của đề tài gồm 3 chương:

-Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

-Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Nội thất thuỷ Sejin-Vinashin.

-Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nội thất thuỷ Sejin-Vinashin

Mặc dù, được sự hướng dẫn tận tình của GV Th.S Nguyễn Thị Mai Linh và các anh chị trong phòng kế toán tại Công ty đã giúp em hoàn thành bài luận của mình, song do khả năng còn hạn chế và kinh nghiệm thực tế còn ít ỏi, đề tài của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi sai sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự phê bình đóng góp ý kiến của các thầy, cô để bài nghiên cứu của em được hoàn thiện hơn.

Sinh viên

Nguyễn Thị Thanh Nhân

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Đối với doanh nghiệp sản xuất, yếu tố quan trọng đầu tiên để tiến hành sản xuất là yếu tố đầu vào trong đó quan trọng hơn cả là vật tư mà cụ thể hơn là nguyên vật liệu. Do đó, để quá trình sản xuất diễn ra hiệu quả và chất lượng sản phẩm sản xuất ra không ngừng được nâng cao, mỗi doanh nghiệp sản xuất đều phải quản lý và hạch toán nguyên vật liệu sao cho đảm bảo tốt từ khâu mua sắm, vận chuyển đến bảo quản, sử dụng và dự trữ chúng. Bởi vì nếu doanh nghiệp mua sắm và bảo quản tốt nguyên vật liệu thì trước hết sẽ giúp quá trình sản xuất được thực hiện liên tục, không bị gián đoạn do thiếu vật tư cần thiết hoặc do vật tư không đảm bảo chất lượng.

Bên cạnh đó, mỗi doanh nghiệp cũng cần phải hạch toán nguyên vật liệu bằng thước đo tiền tệ để từ đó đánh giá được hiệu quả kinh doanh của nguyên vật liệu qua mỗi kỳ. Vì có tính giá, có hạch toán chi tiết và tổng hợp nguyên vật liệu thì kế toán mới tính toán và xác định được toàn bộ chi phí bỏ ra có liên quan đến việc tiêu thụ từng loại nguyên vật liệu. Trên cơ sở này, đội ngũ kế toán và ban giám đốc sẽ có những đánh giá chính xác và biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại doanh nghiệp mình.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.
- Đang trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang

- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ

Nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản phẩm được sản xuất.

Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Đặc điểm của nguyên vật liệu là chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định và trong chu kỳ sản xuất đó, nguyên vật liệu sẽ bị tiêu hao toàn bộ hoặc bị biến đổi hình thái vật chất ban đầu để cấu thành thực thể của sản phẩm. Về mặt giá trị, do chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định nên khi tham gia vào sản xuất, giá trị của nguyên vật liệu sẽ được tính hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Do đặc điểm này, nguyên vật liệu được xếp vào tài sản lưu động của doanh nghiệp.

Đồng thời, nguyên vật liệu là một yếu tố chi phí: chi phí nguyên liệu, vật liệu tạo nên thực thể sản phẩm hoàn thành. Xét về góc độ giá trị, nó cấu thành giá thành sản phẩm và giá vốn của hàng xuất bán.

1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp

1.1.3.1. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố không thể thiếu được của quá trình sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp. Vì vậy, quản lý tốt khâu thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu là điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Để thuận lợi trong công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu, trước hết các doanh nghiệp phải xác định được hệ thống danh điểm và đánh số danh

điểm cho nguyên vật liệu. Hệ thống danh điểm và số danh điểm của nguyên vật liệu phải rõ ràng, chính xác tương ứng với quy cách, chủng loại nguyên vật liệu.

Trong doanh nghiệp, nguyên vật liệu luôn được dự trữ ở một mức nhất định, hợp lý, nhằm đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được liên tục. Do vậy, các doanh nghiệp phải xác định mức tồn kho tối đa và tối thiểu cho từng danh điểm nguyên vật liệu, tránh việc dự trữ quá nhiều hoặc quá ít một loại nguyên vật liệu nào đó. Định mức tồn kho của nguyên vật liệu còn là cơ sở để xác định kế hoạch thu mua nguyên vật liệu và kế hoạch tài chính của doanh nghiệp.

Để bảo quản tốt nguyên vật liệu dự trữ, giảm thiểu hư hao, mất mát, các doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống kho tàng, bến bãi đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, bố trí nhân viên thủ kho có đủ phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn để quản lý nguyên vật liệu tồn kho và các nhiệm vụ nhập, xuất kho, tránh việc bố trí, kiêm nhiệm chức năng thủ kho với tiếp liệu và kế toán vật tư.

1.1.3.2. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu

Để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nguyên vật liệu, kế toán nguyên vật liệu cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

(1) Phản ánh chính xác, kịp thời và kiểm tra chặt chẽ tình hình cung cấp nguyên vật liệu trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị và thời gian cung cấp.

(2) Tính toán và phân bổ chính xác, kịp thời giá trị nguyên vật liệu xuất dùng cho các đối tượng khác nhau, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những trường hợp sử dụng nguyên vật liệu sai mục đích, lãng phí.

(3) Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện định mức dự trữ nguyên vật liệu, phát hiện kịp thời các loại nguyên vật liệu ứ đọng, kém phẩm chất, chưa cần dùng và có biện pháp giải phóng để thu hồi vốn nhanh chóng, hạn chế các thiệt hại.

(4) Thực hiện việc kiểm kê nguyên vật liệu theo yêu cầu quản lý, lập các báo cáo về nguyên vật liệu, tham gia công tác phân tích việc thực hiện kế hoạch thu mua, dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu.

1.1.4. Vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất sản phẩm

Nguyên vật liệu có vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất sản phẩm, do đó, việc đảm bảo cung ứng, dự trữ, sử dụng tiết kiệm các loại nguyên vật liệu có tác động mạnh mẽ đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, vì:

- Cung ứng, dự trữ đồng bộ, kịp thời và chính xác nguyên vật liệu là điều kiện có tính chất tiền đề cho sự liên tục của quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đảm bảo cung cấp nguyên vật liệu có chất lượng tốt là điều kiện nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, tăng năng suất lao động.

- Đảm bảo cung ứng, sử dụng tiết kiệm, dự trữ đầy đủ nguyên vật liệu còn ảnh hưởng tích cực đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận, tăng tích lũy cho doanh nghiệp.

Như vậy, doanh nghiệp tổ chức cung cấp nguyên vật liệu một cách hợp lý, đảm bảo đủ số lượng, đồng bộ, đúng phẩm chất và đúng thời gian sẽ là điều kiện chủ yếu để có thể hoàn thành kế hoạch và vượt mức kế hoạch sản xuất.

1.1.5. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu

1.1.5.1. Phân loại nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu sử dụng trong doanh nghiệp bao gồm nhiều loại có công dụng khác nhau, được sử dụng ở nhiều bộ phận khác nhau, có thể được bảo quản, dự trữ trên nhiều địa bàn khác nhau. Do vậy, để thống nhất công tác quản lý nguyên vật liệu giữa các bộ phận có liên quan, phục vụ cho yêu cầu phân tích, đánh giá tình hình cung cấp, sử dụng nguyên vật liệu cần phải có cách phân loại phù hợp, thích ứng.

** Nếu căn cứ vào công dụng chủ yếu của nguyên vật liệu thì nguyên vật liệu được chia thành các loại:*

- Nguyên vật liệu chính: bao gồm các loại nguyên liệu, vật liệu tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất để cấu tạo nên thực thể bản thân của sản phẩm.

- Nguyên vật liệu phụ: bao gồm các loại nguyên vật liệu được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính để nâng cao chất lượng cũng như tính năng, tác dụng của sản phẩm và các loại nguyên vật liệu phục vụ cho công việc lao động của công nhân.

- Nhiên liệu: bao gồm các loại nguyên vật liệu được dùng để tạo ra năng lượng phục vụ cho sự hoạt động của các loại máy móc thiết bị và dùng trực tiếp cho sản xuất (nấu, luyện, sấy ủi, hấp...)

- Phụ tùng thay thế: bao gồm các loại nguyên vật liệu được sử dụng cho việc thay thế, sửa chữa các loại tài sản cố định là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, truyền dẫn.

- Các loại nguyên vật liệu khác: bao gồm các loại nguyên vật liệu không thuộc những loại nguyên vật liệu đã nêu trên như bao bì đóng gói sản phẩm, phế liệu thu hồi trong quá trình sản xuất và thanh lý tài sản.

** Nếu căn cứ vào nguồn cung cấp nguyên vật liệu thì nguyên vật liệu được phân thành 3 loại như sau:*

-Nguyên vật liệu mua ngoài.

-Nguyên vật liệu tự sản xuất.

-Nguyên vật liệu có từ nguồn khác (được cấp, nhận vốn góp...)

Để phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý chặt chẽ và thống nhất các loại nguyên vật liệu ở các bộ phận khác nhau, đặc biệt là phục vụ cho yêu cầu xử lý thông tin trên máy tính thì việc lập bảng (sổ) danh điểm nguyên vật liệu là hết sức cần thiết. Trên cơ sở phân loại nguyên vật liệu theo công dụng nêu trên, tiến hành xác lập danh điểm theo loại, nhóm, thứ nguyên vật liệu. Cần phải quy định thống nhất tên gọi, ký hiệu, mã hiệu quy cách, đơn vị và giá hạch toán của từng thứ nguyên vật liệu.

1.1.5.2. Tính giá nguyên vật liệu

Tính giá nguyên vật liệu là một công tác quan trọng trong việc tổ chức hạch toán nguyên vật liệu. Tính giá nguyên vật liệu là việc dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của nguyên vật liệu theo những nguyên tắc nhất định.

*** Tính giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho**

Theo chuẩn mực kế toán số 02: "Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được". Trong đó:

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được: là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cụ thể:

- Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ khỏi chi phí mua.

- Chi phí chế biến hàng tồn kho bao gồm những chi phí có liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

- Chi phí liên quan trực tiếp khác tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí khác ngoài chi phí thu mua và chi phí chế biến hàng tồn kho.

Chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho, gồm:

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các khoản chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản trong quá trình mua hàng.

- Chi phí bán hàng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Trên thực tế, nguyên vật liệu có thể được nhập từ nhiều nguồn khác nhau, do đó, tùy theo nguồn nhập mà giá thực tế của nguyên vật liệu được xác định như sau:

- *Đối với nguyên vật liệu mua ngoài:*

$$\text{Giá nhập kho} = \text{Giá mua ghi trên hóa đơn} + \text{Chi phí thu mua thực tế} - \text{Khoản giảm giá được hưởng}$$

Nếu nguyên vật liệu mua từ nước ngoài thì thuế nhập khẩu được tính vào giá nhập kho. Khoản thuế GTGT phải nộp khi mua nguyên vật liệu cũng được tính vào giá nhập nếu doanh nghiệp không thuộc diện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- *Đối với nguyên vật liệu tự sản xuất:* giá nhập kho là giá thành thực tế sản xuất nguyên vật liệu.

- *Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài chế biến:*

$$\text{Giá nhập kho} = \text{Giá xuất nguyên vật liệu đem chế biến} + \text{Tiền thuê chế biến} + \text{Chi phí vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu đi và về}$$

- *Đối với nguyên vật liệu được cấp:*

$$\text{Giá nhập kho} = \text{Giá do đơn vị cấp thông báo} + \text{Chi phí vận chuyển, bốc dỡ}$$

- *Đối với nguyên vật liệu nhận vốn góp:* giá nhập kho là giá do hội đồng định giá xác định (được sự chấp nhận của các bên có liên quan)

- *Đối với nguyên vật liệu được biếu tặng:* giá nhập kho là giá thực tế được xác định theo thời giá trên thị trường.

****Tinh giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho***

Nguyên vật liệu được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Do đó, khi xuất kho nguyên vật liệu, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động, yêu cầu, trình độ quản lý và điều kiện phương tiện trang bị phương tiện kỹ thuật tính toán ở từng doanh nghiệp mà lựa chọn một trong bốn phương pháp để xác định giá trị thực tế của nguyên vật liệu xuất kho.

Theo chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho, việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo một trong bốn phương pháp sau: phương pháp tính theo giá đích danh; phương pháp bình quân gia quyền; phương pháp nhập trước, xuất trước; phương pháp nhập sau, xuất trước.

Khi xuất kho kế toán tính toán, xác định giá trị thực tế xuất kho theo đúng phương pháp đã đăng ký áp dụng và phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán.

**Phương pháp tính theo giá đích danh*

Theo phương pháp này, khi xuất kho nguyên vật liệu thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho. Phương pháp này được áp dụng cho những doanh nghiệp có chủng loại nguyên vật liệu ít và nhận diện từng lô hàng. Phương pháp này có ưu điểm: Xác định được chính xác giá vật tư xuất làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại. Nhưng trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng, nhập xuất thường xuyên thì khó theo dõi và công việc của kế toán chi tiết vật liệu sẽ rất phức tạp.

**Phương pháp bình quân gia quyền:*

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua sắm hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho} = \text{Số lượng nguyên vật liệu xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- Đơn giá bình quân thường được tính cho từng thứ nguyên vật liệu.

- Đơn giá bình quân có thể xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ hay đơn giá bình quân cố định. Theo cách tính này, khối lượng tính toán giảm nhưng chỉ tính được trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu vào thời điểm cuối kỳ nên không thể cung cấp thông tin kịp thời.

- Đơn giá bình quân có thể xác định sau mỗi lần nhập được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn hay đơn giá bình quân di động. Theo cách tính này, hàng ngày cung cấp thông tin được kịp thời nhưng khối lượng công việc tính toán sẽ nhiều hơn nên phương pháp này rất thích hợp đối với những doanh nghiệp làm kế toán máy.

**Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*

Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Vậy theo phương pháp này, số nguyên vật liệu nào nhập trước sẽ xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

**Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)*

Phương pháp nhập sau, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

Vậy theo phương pháp này, số nguyên vật liệu nhập sau sẽ được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối

kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.2.1. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

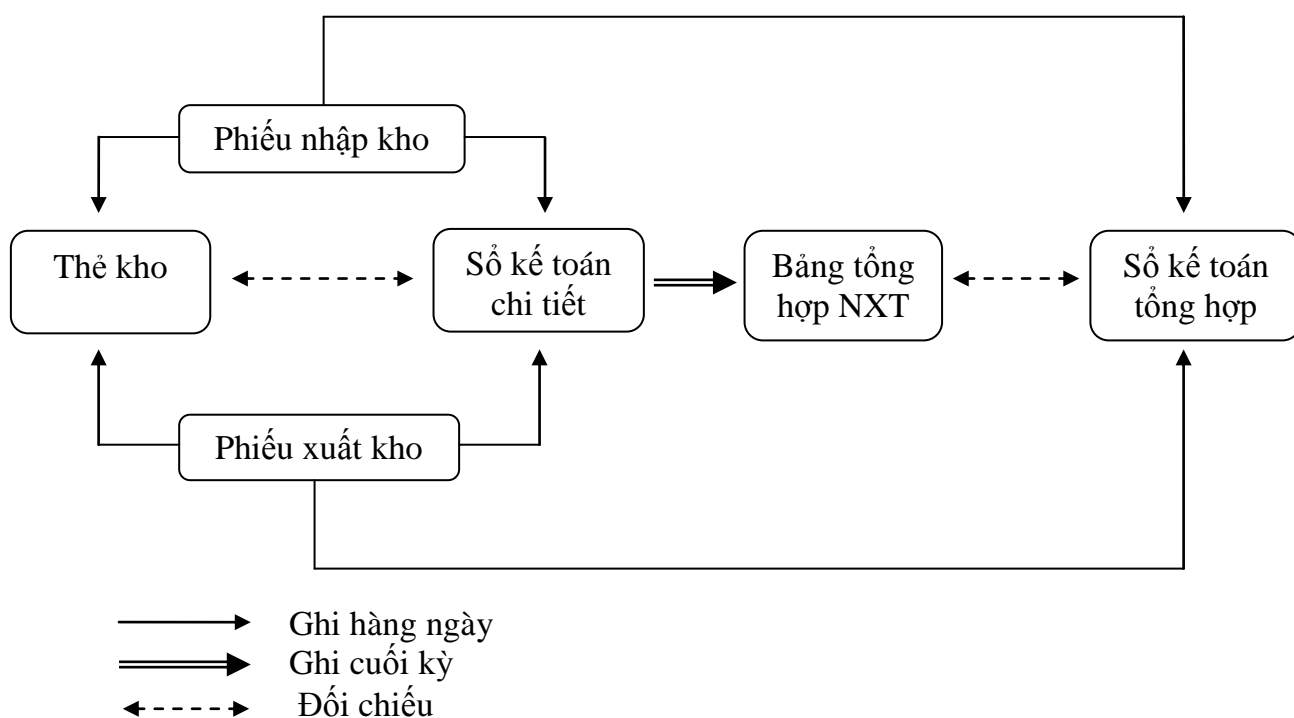
Nguyên vật liệu là một trong những đối tượng kế toán cần phải tổ chức hạch toán chi tiết không chỉ về mặt giá trị mà cả số lượng, không chỉ theo từng kho mà phải chi tiết theo từng loại, nhóm, thứ nguyên vật liệu.

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là việc theo dõi, ghi chép sự biến động nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu sử dụng trong sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin chi tiết để quản trị từng danh điểm vật tư.

Hiện nay, tùy theo đặc điểm của từng doanh nghiệp, tùy theo trình độ của nhân viên kế toán và thủ kho, để tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong ba phương pháp: Thẻ song song, Sổ đối chiếu luân chuyển và Sổ số dư.

1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song được mô tả theo sơ đồ 1.1 như sau:



Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

- *Tại kho:* Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu về mặt số lượng. Mỗi chứng từ ghi một dòng vào thẻ kho. Thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật liệu. Cuối tháng, thủ kho phải tiến hành tổng công số nhập, xuất, tính ra số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm vật liệu.

- *Tại phòng kế toán:* Kế toán nguyên vật liệu mở thẻ (sổ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu cho từng danh điểm vật liệu tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Thẻ (sổ) này có nội dung tương tự thẻ kho, chỉ khác là theo dõi cả về mặt giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho do thủ kho chuyển tới, nhân viên kế toán nguyên vật liệu phải kiểm tra, đối chiếu và ghi đơn giá hạch toán vào thẻ (sổ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu và tính ra số tiền. Cuối tháng, tiến hành cộng thẻ (sổ) kế toán chi tiết và đối chiếu với thẻ kho.

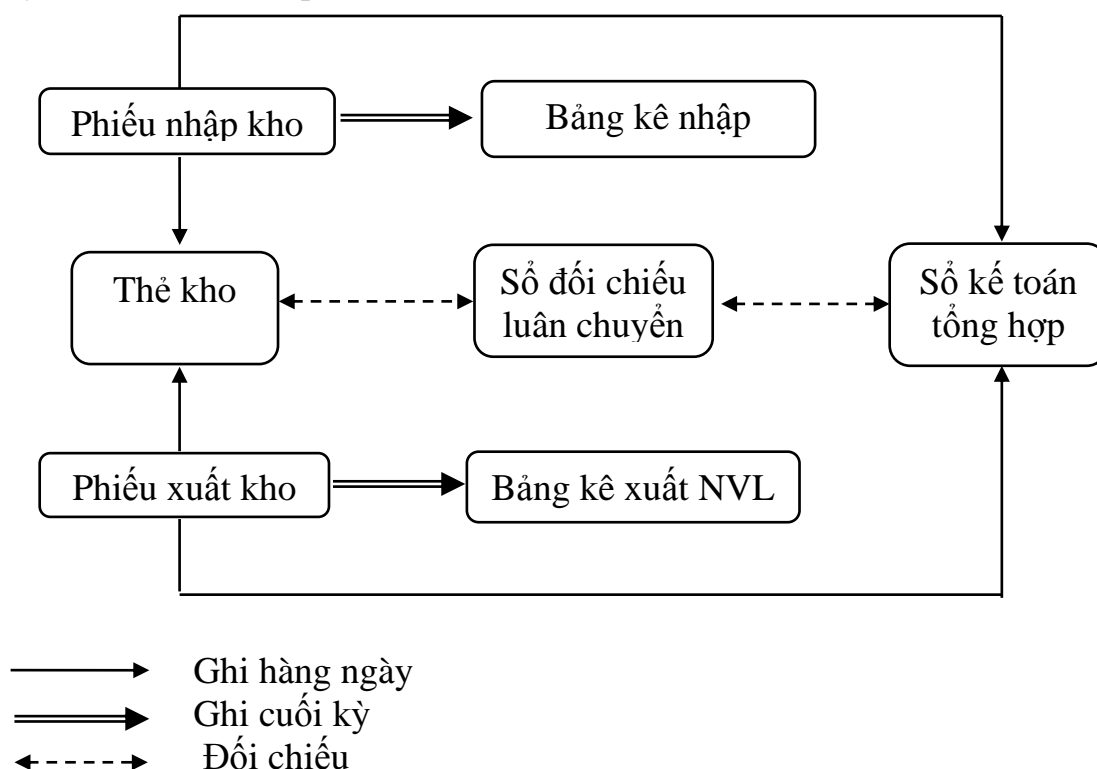
Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và chi tiết, kế toán phải căn cứ vào thẻ (sổ) kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho của

từng loại nguyên vật liệu. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của phần kế toán tổng hợp.

- Phương pháp thẻ song song có ưu điểm là ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu. Nhưng có nhược điểm là việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chi tiêu số lượng, khối lượng ghi chép còn nhiều.

1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển được miêu tả qua sơ đồ 1.2, như sau:



Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- *Tại kho:* thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu giống như phương pháp thẻ song song.

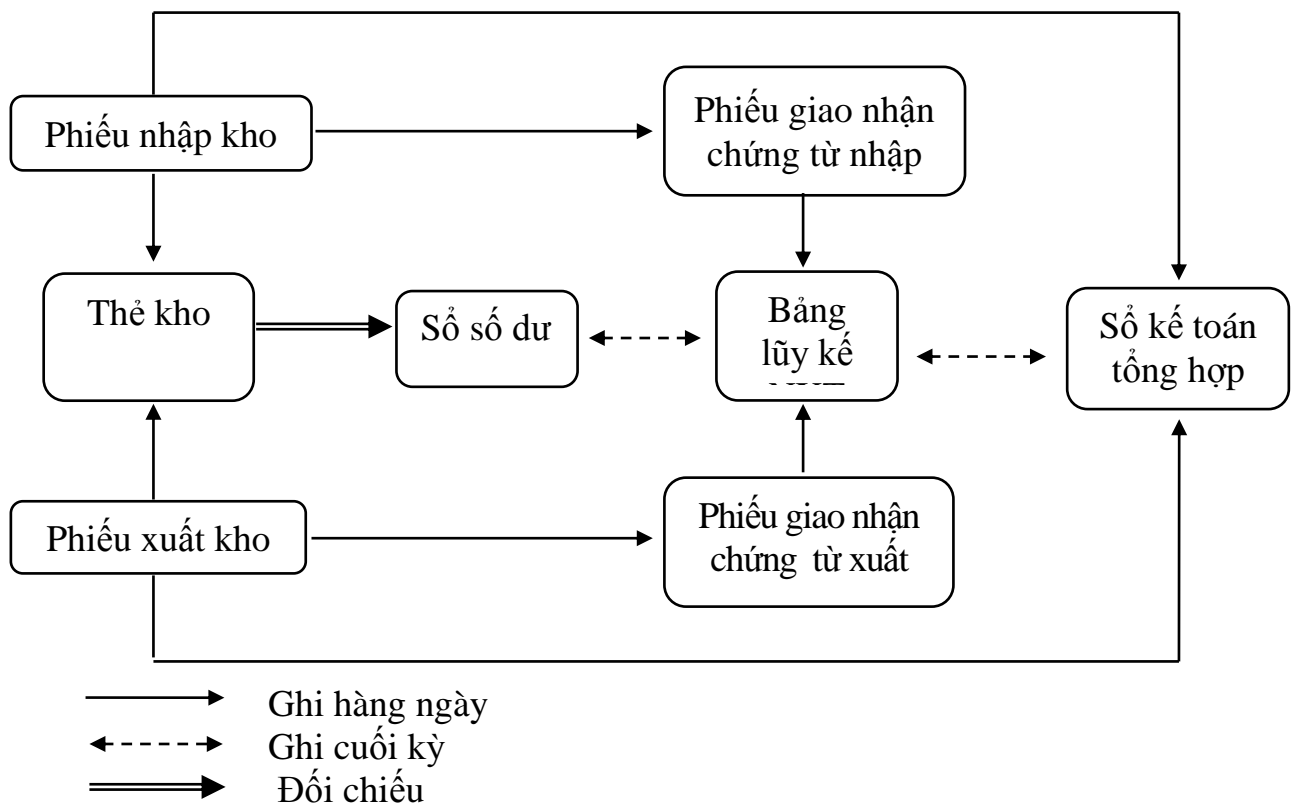
- *Tại phòng kế toán:* kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng thứ (danh điểm) nguyên vật liệu theo từng kho. Sổ này ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập, xuất phát sinh trong tháng của từng thứ nguyên vật liệu, mỗi thứ chỉ ghi một

dòng trong sổ. Cuối tháng, đối chiếu số lượng nguyên vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho, đối chiếu số tiền với kế toán tổng hợp.

- Phương pháp sổ đối chuyển luân chuyển có ưu điểm là khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng nhưng có nhược điểm là ghi sổ trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng; việc kiểm tra, đối chiếu giữa kho và phòng kế toán chỉ tiến hành được vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư được mô tả qua sơ đồ 1.3 như sau:



Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư

- *Tại kho:* Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho để ghi chép như hai phương pháp trên. Định kỳ, sau khi ghi thẻ kho thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập kho, xuất kho phát sinh theo từng nguyên vật liệu quy định. Sau đó, lập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu.

Ngoài ra, thủ kho còn phải ghi số lượng nguyên vật liệu tồn kho cuối tháng theo từng danh điểm nguyên vật liệu vào sổ số dư. Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm, trước ngày kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ. Ghi xong thủ kho phải gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

- *Tại phòng kế toán:* Định kỳ, nhân viên kế toán phải xuống kho để hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép thẻ kho của thủ kho và thu nhận chứng từ. Khi nhận được chứng từ, kế toán kiểm tra và tính giá theo từng chứng từ (giá hạch toán) tổng cộng số tiền và ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời, ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm nguyên vật liệu (nhập riêng, xuất riêng) vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu. Bảng này được mở cho từng kho, mỗi kho một tờ được ghi trên cơ sở các phiếu giao nhận chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu.

Tiếp đó, cộng số tiền nhập, xuất trong tháng dựa vào sổ dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm nguyên vật liệu. Số dư này được dùng để đối chiếu với cột “số tiền” trên sổ số dư.

- Phương pháp sổ số dư có ưu điểm là hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, đảm bảo số liệu kế toán được chính xác và kịp thời. Nhưng phương pháp này có nhược điểm là không biết được sự biến động của từng thứ nguyên vật liệu, việc kiểm tra, phát hiện sai sót, nhầm lẫn giữa kho và phòng kế toán rất phức tạp.

1.2.2. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Để đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp, kế toán nguyên vật liệu phải được tiến hành đồng thời ở kho và phòng kế toán trên cùng một cơ sở chứng từ theo chế độ chứng từ kế toán quy định được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Các chứng từ về kế toán nguyên vật liệu đã ban hành bao gồm:

- | | |
|------------------------|--------------|
| - Phiếu nhập kho | Mẫu số 01-VT |
| - Phiếu xuất kho | Mẫu số 02-VT |
| - Biên bản kiểm nghiệm | Mẫu số 03-VT |

- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ Mẫu số 04-VT
- Biên bản kiểm kê vật tư Mẫu số 05-VT
- Hoá đơn GTGT (bên bán lập) Mẫu số 01GTKT-3LL
- Hoá đơn thông thường (bên bán lập) Mẫu số 02GTTT-3LL
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ Mẫu số 03PXK-3LL
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu số 05-VT)
- Bảng kê mua hàng (Mẫu số 06-VT)
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Các chứng từ khác có liên quan như : Hóa đơn GTGT, Phiếu chi, Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy báo nợ, Ủy nhiệm chi,...

Trong đó có Biên bản kiểm nghiệm và Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ là các chứng từ hướng dẫn còn lại là các chứng từ bắt buộc.

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng, giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên, liên tục trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho. Phương pháp này có độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời, cập nhật. Theo phương pháp này, tại bất kỳ thời điểm nào, kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập, xuất, tồn kho từng loại hàng tồn kho nói chung và nguyên vật liệu nói riêng.

Với những tiện ích như trên, phương pháp này được sử dụng phổ biến ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, với những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hóa có giá trị thấp, thường xuyên xuất dùng, xuất bán thì việc áp dụng phương pháp này sẽ tốn rất nhiều công sức.

Tài khoản sử dụng

*TK 152 “Nguyên liệu, vật liệu”: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 152:

Bên Nợ:

+ Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.

+ Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

Bên Có:

+ Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc đưa đi góp vốn.

+ Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá người mua.

+ Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng.

+ Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm tra.

Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

**TK 151 “Hàng mua đang đi đường”:* Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại hàng hóa, vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bên cảng, bên bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 151:

Bên Nợ: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường.

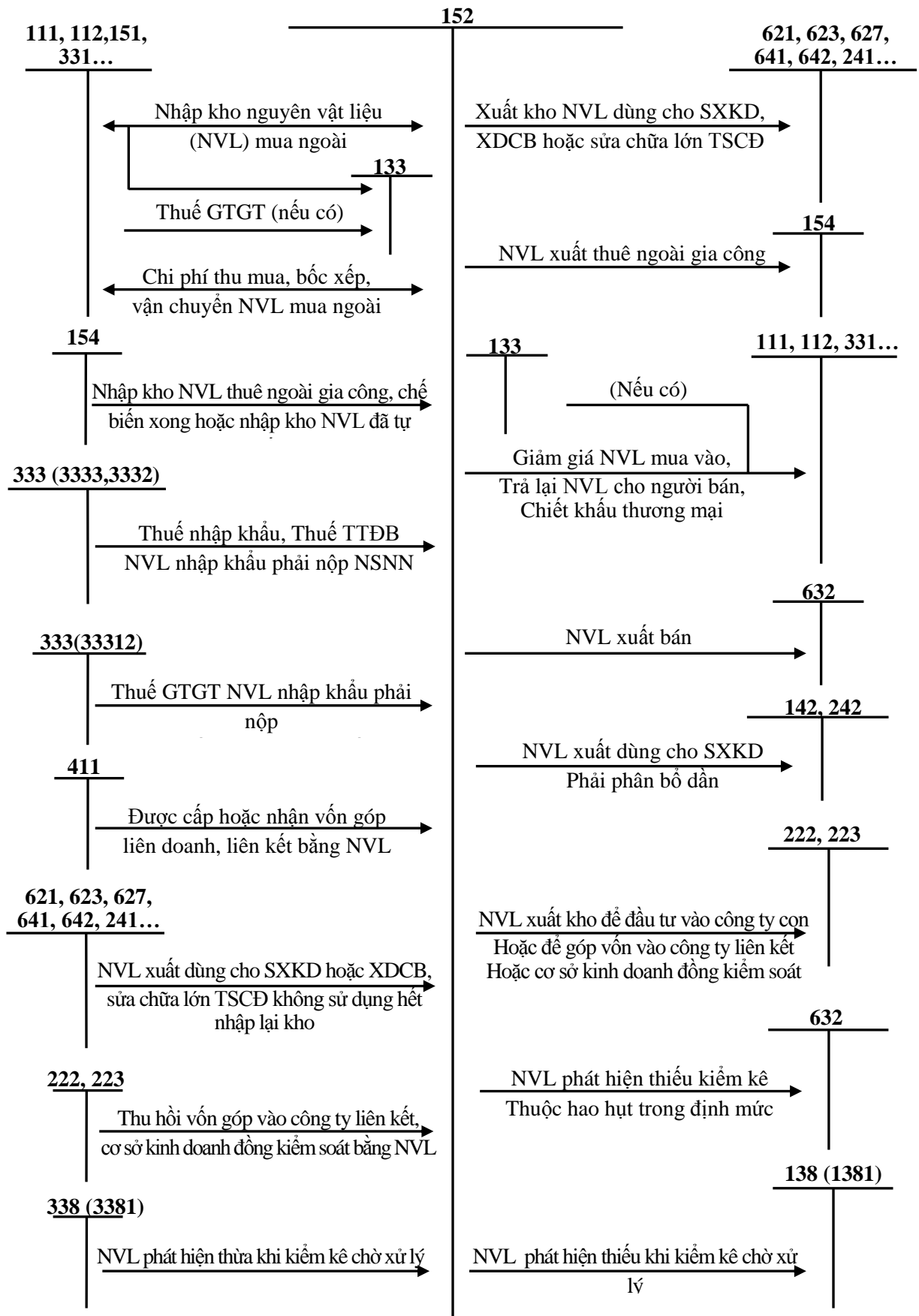
Bên Có: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đã nhập về kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng.

Số dư bên Nợ: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa nhập về kho đơn vị)

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như TK 133, TK 331, TK 111, TK 112,...

Phương pháp hạch toán.

Theo phương pháp này, sự biến động của nguyên vật liệu được tổng hợp thông qua sơ đồ 1.5 như sau:



Sơ đồ 1.5: Phương pháp kế toán tổng hợp Nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi một cách thường xuyên, liên tục về tình hình biến động của các loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho mà chỉ phản ánh giá trị tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ của chúng trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ, xác định lượng tồn kho thực tế. Từ đó, xác định lượng xuất dùng cho sản xuất kinh doanh và các mục đích khác trong kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị vật liệu xuất dùng trong kỳ} = \text{Giá trị vật liệu tồn kho đầu kỳ} + \text{Tổng giá trị vật liệu tăng thêm trong kỳ} - \text{Giá trị vật liệu tồn kho cuối kỳ}$$

Độ chính xác của phương pháp này không cao mặc dù tiết kiệm được công sức ghi chép và nó chỉ thích hợp với các đơn vị kinh doanh những chủng loại hàng hóa, vật tư khác nhau, giá trị thấp, thường xuyên xuất dùng, xuất bán.

Tài khoản sử dụng

*TK 611 “Mua hàng”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 611:

Bên Nợ:

+ Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê).

+ Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ; hàng hóa đã bán bị trả lại,...

Bên Có:

+ Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê)

+ Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ).

+ Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

TK 611 không có số dư cuối kỳ và có hai tài khoản cấp hai:

+ TK 6111 “Mua nguyên liệu, vật liệu”

+ TK 6112 “Mua hàng hóa”.

*TK 152 “Nguyên liệu, vật liệu”: dùng để phản ánh thực tế nguyên, vật liệu tồn kho, chi tiết theo từng loại.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 152:

Bên Nợ: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Bên Có: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ.

Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Tài khoản 152 có thể mở chi tiết theo từng loại nguyên vật liệu tùy theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Chi tiết theo công dụng có thể chia thành 5 tài khoản cấp 2:

-TK 1521 - Nguyên vật liệu chính

-TK 1522 - Vật liệu phụ

-TK 1523 - Nhiên liệu

-TK 1524 - Phụ tùng thay thế

-TK 1528 - Vật liệu khác

*TK 151 “Hàng mua đang đi đường”

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 151:

Bên Nợ: Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường cuối kỳ.

Bên Có: Kết chuyển giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ.

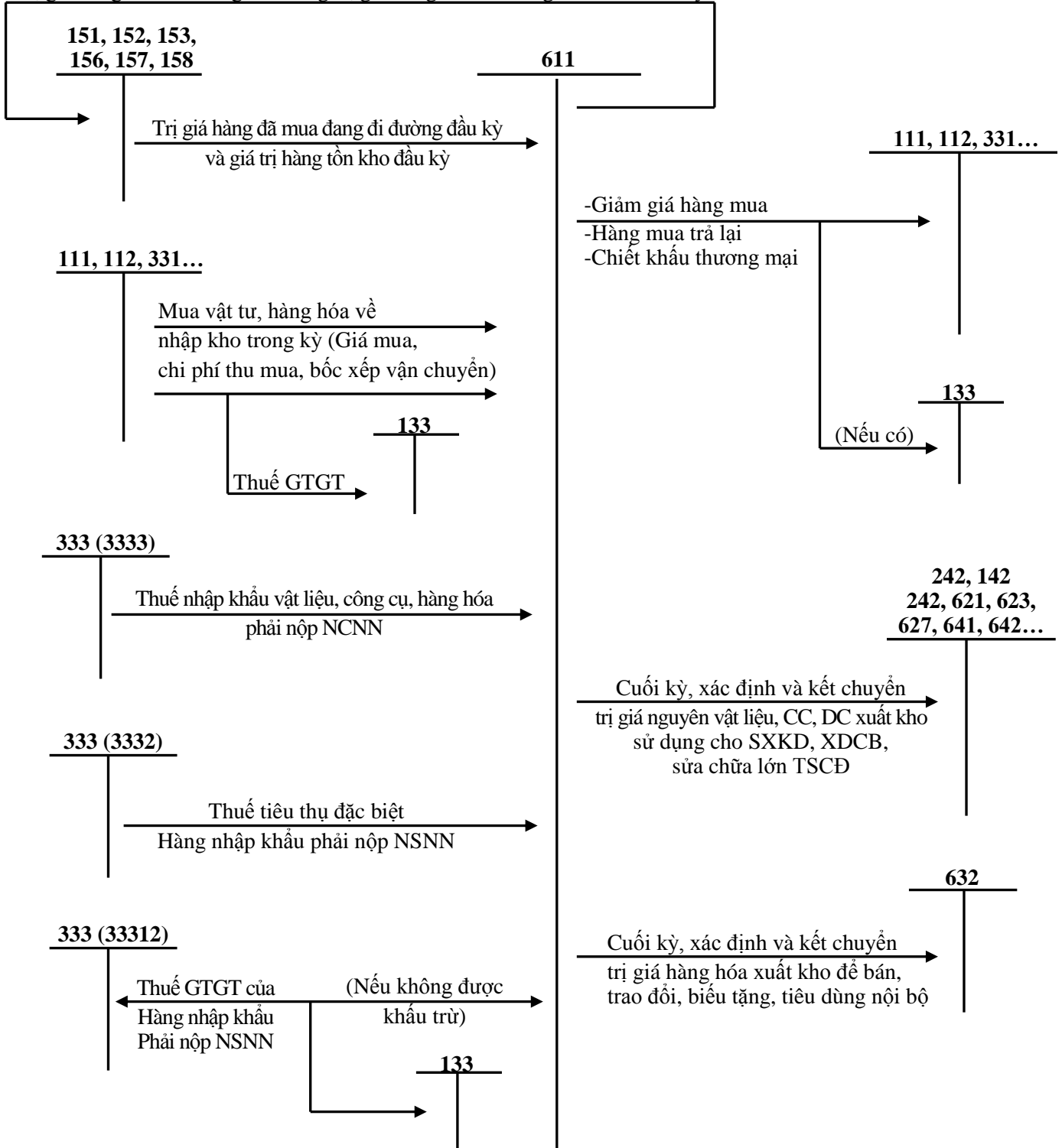
Số dư bên Nợ: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa nhập về kho đơn vị).

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như TK 133, TK 331, TK 111, TK 112,...

Phương pháp hạch toán.

Theo phương pháp này, sự biến động của nguyên vật liệu được tổng hợp thông qua sơ đồ 1.6 như sau:

Trị giá hàng đã mua đang đi đường trị giá hàng tồn kho và gửi đi bán cuối kỳ



Sơ đồ 1.6: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được quy định trong chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho như sau:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện hiện có ở thời điểm ước tính. Ngoài ra, khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải tính đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho.

Nguyên liệu, vật liệu, và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đánh giá thấp hơn giá gốc nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ mà giá thành sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, thì nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho được đánh giá giảm xuống bằng với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng TK 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”: tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 159:

Bên Nợ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại thời điểm lập dự phòng nếu giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thì phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp sau:

- Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá vật tư} \\ \text{hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư hàng} \\ \text{hóa thực tế tồn kho} \\ \text{tại thời điểm lập} \\ \text{báo cáo tài chính} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá gốc hàng} \\ \text{tồn kho theo} \\ \text{sổ kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có thể} \\ \text{thực hiện được của} \\ \text{hàng tồn kho} \end{array}$$

- Nếu số dự phòng giảm giá phải trích lập bằng số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thì doanh nghiệp không phải trích lập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho;

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Nếu số dự phòng giảm giá phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thì doanh nghiệp được trích thêm phần chênh lệch vào giá vốn hàng bán ra trong kỳ.

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch và ghi giảm giá vốn hàng bán.

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

CHƯƠNG II
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN-VINASHIN

2.1. Khái quát về công ty TNHH Nội thất thủy Sejin-vinashin

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

- Tên công ty: Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin-vinashin.
- Tên giao dịch: Sejinvina
- Là một liên doanh giữa Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam Vinashin và Công ty Công nghệ kỹ thuật Sejin Hàn Quốc.
- Ngày thành lập : Ngày 09 tháng 7 năm 2003
- Giấy Phép Đầu tư: Số 2338/ GPĐT được cấp bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 09 tháng 7 năm 2003.
- Tổng vốn đầu tư : 9,250,000 USD
- Người đại diện : Ông Mai Văn Hòa/ Tổng Giám đốc
- Địa chỉ : Khu Công nghiệp tàu thủy An Hồng-An Dương-HP
- Tel: +84 31 618378 Fax: +84 31 594015/ 618379
- Email: sejinvina@vnn.vn [http:// www.sejinvina.com.vn](http://www.sejinvina.com.vn)

Sejinvina là công ty đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam chuyên sản xuất tấm tường, tấm trần, hệ cửa ngăn cháy bằng thép và buồng vệ sinh đồng bộ chuyên lắp cho tàu thủy.

Kể từ khi nhà máy đi vào hoạt động từ tháng 12 năm 2004 đến nay, Sejinvina đã cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho hơn 20 dự án với hàng loạt tàu 3,000 và 6,500 tấn. Trong đó phải kể đến dự án tàu 15,000 và 13,500 tấn là những dự án lớn nhất mà Sejinvina đã thực thi. Đó là những con tàu đòi hỏi tiêu chuẩn kỹ thuật hết sức nghiêm ngặt và Chứng chỉ của các Tổ chức Đăng kiểm Quốc tế.

Vào đầu năm 2005 Sejinvinna trở thành nhà phân phối tại Việt Nam của ROCKWOOL A/S INTERNATIONAL - một tập đoàn sản xuất vật liệu cách nhiệt hàng đầu thế giới.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy trình công nghệ chủ yếu.

- Lĩnh vực kinh doanh : cung cấp trọn bộ gói sản phẩm nội thất cho ngành đóng tàu và xây dựng

- Sản phẩm:

+ Tấm tường (BM25, BM50, BM50C, BM50S)

+Tấm trần (CC25, CC75)

+Hệ cửa ngăn cháy (D/A-38, D/A-48, D/B 38 and D/B 38 Z) và buồng vệ sinh đồng bộ.

+Vách ngăn cách âm cho tàu thủy và văn phòng.

+Nội thất gỗ và kim loại

Dịch vụ

+ Tư vấn, thiết kế và lắp đặt.

+Phân phối các sản phẩm cách nhiệt cho ROCKWOOL A/S INTERNATIONAL tại Việt Nam.

- Để bảo đảm các sản phẩm luôn đạt chất lượng cao Sejinvinna áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 và đã được cấp Chứng chỉ bởi Global U.K.A.S vào tháng 8 năm 2006.

- Công suất của Sejinvinna :

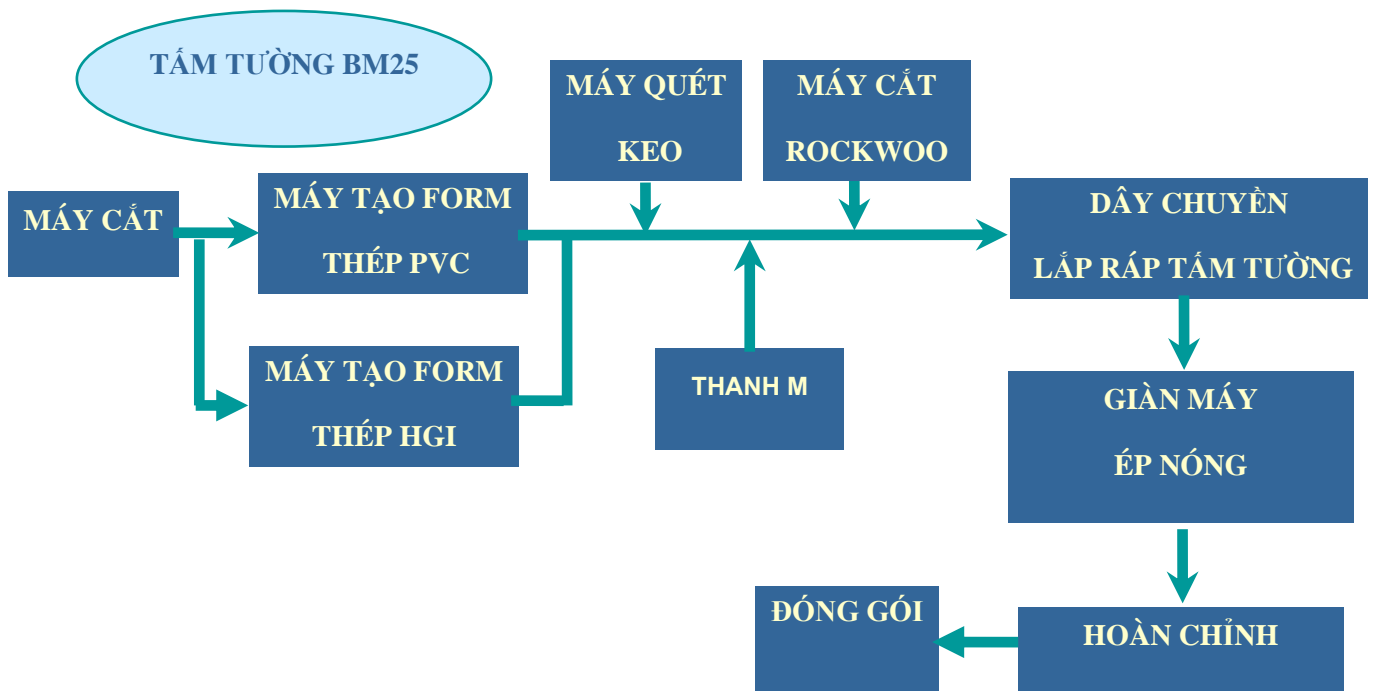
+Tấm tường: 100,000m²/ năm

+Tấm trần: 60,000m²/năm

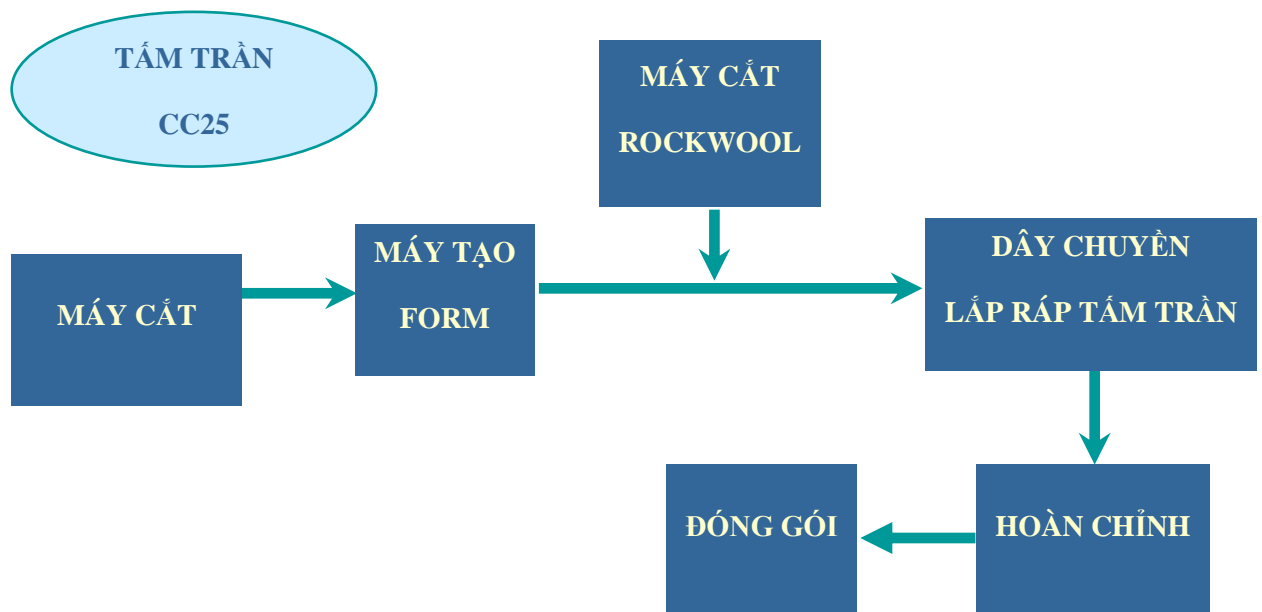
+Hệ cửa ngăn cháy: 2,400 bộ/ năm

+Buồng vệ sinh đồng bộ: 1,500 bộ/năm

+ Các sản phẩm khác: theo yêu cầu



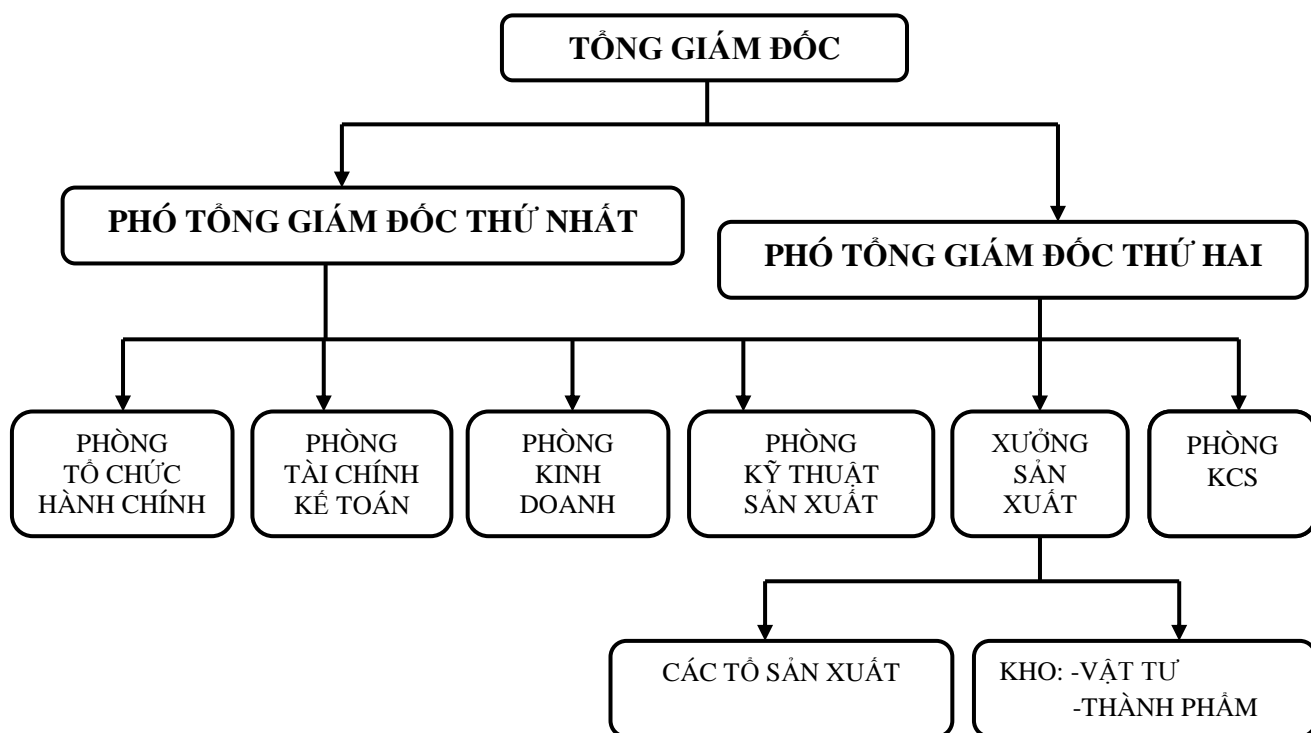
Sơ đồ 2.1.1 Quy trình sản xuất tấm tường BM25



Sơ đồ 2.1.2 Quy trình sản xuất tấm trần CC25

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức quản lý trực tuyến - chức năng, có nghĩa là Tổng giám đốc trực tiếp xem xét quản lý tất cả các phòng ban công ty, bên cạnh đó thông qua các Phó tổng giám đốc để giám sát tình hình hoạt động của công ty.



Sơ đồ 2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Chức năng từng phòng ban :

❖ Phòng tổ chức – nhân sự :

- Tổ chức quản lý nhân sự toàn công ty xây dựng các công trình thi đua, khen thưởng và đề bạt khen thưởng thay đổi nhân sự ở các bộ phận phòng ban.
- Xây dựng bảng chấm công và phương pháp trả lương, tổ chức đào tạo, huấn luyện tuyển chọn nhân sự toàn Công ty. Xây dựng các bảng nội quy, đề ra các chính sách về nhân sự.

❖ Phòng kế toán - tài chính:

- Theo dõi và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính tháng, quý, năm.

- Xây dựng và tổ chức bộ máy kế toán cũng như kế hoạch báo cáo định kỳ.
- Xây dựng các kế hoạch tài chính, kế hoạch vay vốn, thay mặt giám đốc giám định với ngân hàng về mặt tài chính.

❖ **Phòng kỹ thuật :**

- Đề xuất các giải pháp công nghệ tham gia sản xuất sản phẩm
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ, nghiên cứu thiết kế sản phẩm.
- Tư vấn hướng dẫn thao tác vận hành máy móc, dây chuyền.

❖ **Phòng kinh doanh :**

- Tham mưu cho Giám đốc xây dựng chiến lược kinh doanh, các chương trình phát triển dài hơn, trung hạn, ngắn hơn.
- Xây dựng và tổng hợp các kế hoạch hàng tháng, giúp các đơn vị cơ sở trong việc triển khai, quyết toán và phân tích các hoạt động kinh doanh.

❖ **Xưởng sản xuất:**

- Điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất điều phối và quản lý nhân sự trong phạm vi đơn vị quản lý, đề xuất khen thưởng, kỷ luật nhân viên của đơn vị.
- Cùng với các phòng ban chức năng tham gia kế hoạch Công ty.

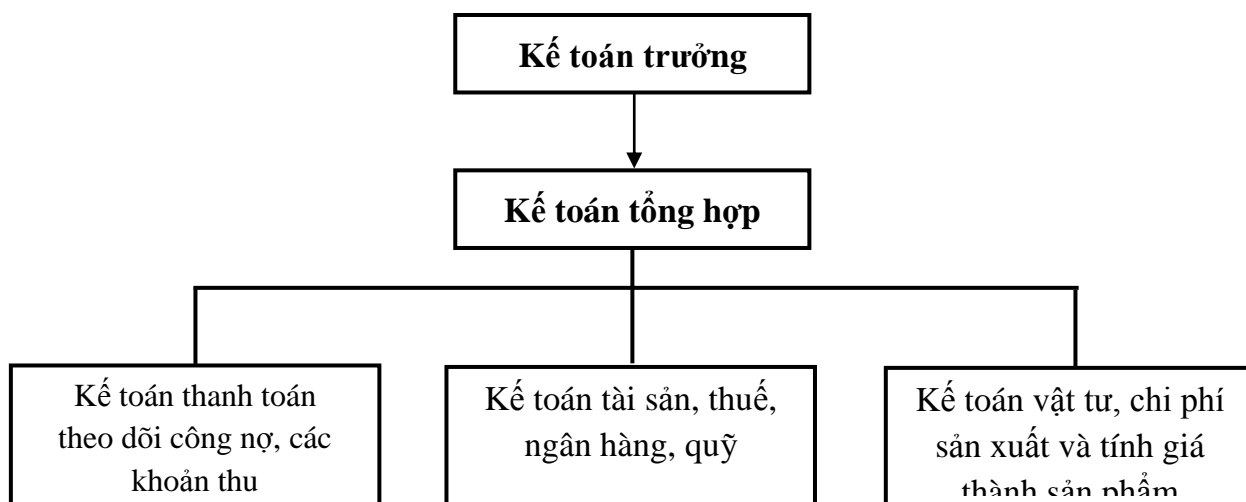
❖ **Phòng kiểm định chất lượng (Phòng KSC):** Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng sản phẩm. Giám sát quy trình sản xuất theo đúng qui định và chỉ tiêu sản phẩm và kiểm định chất lượng đạt yêu cầu.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

*** Cơ cấu tổ chức**

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Do áp dụng kế toán máy nên bộ máy tổ chức công tác kế toán được giảm nhẹ và hiệu quả. Số lượng nhân viên trong phòng là 04 người, được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tổng giám đốc và hoạt động theo sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

*** Trách nhiệm và quyền hạn các vị trí tại phòng Tài chính – Kế toán**

❖ Kế toán trưởng

- *Quyền hạn:* Có quyền độc lập về chuyên môn nghiệp vụ Kế toán, phân công và chỉ đạo tất cả các nhân viên về công việc kế toán thống kê. Có quyền ký duyệt các báo cáo tài chính, thống kê và các tài liệu báo cáo có liên quan.

- *Trách nhiệm :* Chịu trách nhiệm trước BGD về công tác tài chính kế toán. Tham mưu cho BGD xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn và chiến lược lâu dài và về công tác quản lý vốn và các chi phí sản xuất kinh doanh

❖ Kế toán tổng hợp

- *Quyền hạn :* Giúp lãnh đạo phòng dự thảo các văn bản về công tác tài chính - kế toán được ban hành trong Công ty. Tham mưu nghiệp vụ kế toán cho Kế toán trưởng và kiến nghị xử lý những trường hợp vi phạm chế độ kế toán.

- *Trách nhiệm:* Tổ chức chi chép phản ánh, tổng hợp số liệu về các loại vốn, các loại quỹ của doanh nghiệp. Xác định các khoản thanh toán với ngân sách Nhà nước, với ngân hàng, khách hàng và nội bộ Công ty

❖ Kế toán thanh toán, theo dõi công nợ và các khoản thu

- *Quyền hạn:* Lập phiếu thu, chi cho những khoản tiền được duyệt. Chỉ giao tạm ứng mới cho CBCNV khi đã thanh toán hết số tạm ứng cũ.

- *Trách nhiệm:*

+ Theo dõi việc thực hiện và thanh lý hợp đồng của các khách hàng và nhà cung cấp. Nhắc, báo nợ các hợp đồng bán hàng cho bộ phận thị trường .

+ Phản ánh kịp thời các khoản thu chi bằng tiền mặt. Thực hiện việc kiểm tra đối chiếu số liệu thường xuyên với thủ quỹ để bảo đảm giám sát chặt chẽ luồng tiền. Kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản tính lương cho cán bộ công nhân viên

❖ ***Kế toán vật tư hàng hoá và tính giá thành sản phẩm***

- *Quyền hạn:* Nhận bản dự trữ vật tư của phòng Kỹ thuật sản xuất kiểm tra giám sát và có quyền từ chối nếu so với định mức không đúng theo quy định.

- *Trách nhiệm :* Theo dõi tình hình nhập xuất hàng tồn kho, tập hợp phân tích thông tin số liệu hàng tồn kho.

❖ ***Kế toán tài sản, thuế, ngân hàng, quỹ***

- *Quyền hạn:* Ngăn chặn những luồng tiền không rõ nguồn gốc. Không làm thủ tục chuyển khoản cho những hồ sơ không hợp lệ, nguồn gốc, thiếu chi tiết.

- *Trách nhiệm:* Theo dõi ghi chép kiểm tra chặt chẽ nhằm bảo đảm việc quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả. Phản ánh tình hình thuế và nộp thuế của các sắc thuế mà Công ty sử dụng.

2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ tại công ty.

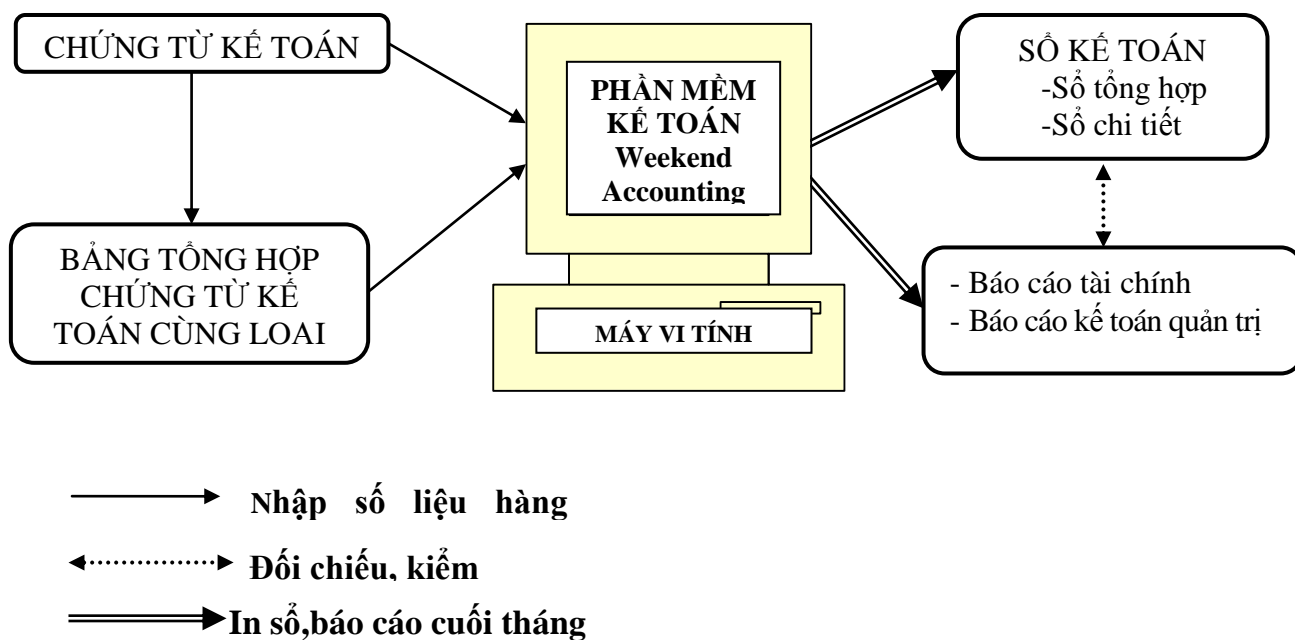
Hệ thống chứng từ kế toán của công ty áp dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản tại công ty

Hệ thống tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty.

Công ty áp dụng hình thức Kế toán máy, mẫu sổ sách theo hình thức Nhật ký chung



Sơ đồ 2.1.5 : Quy trình hạch toán theo hình thức Kế toán máy

*** Giới thiệu về phần mềm kế toán Weekend Accounting**

Công ty Sejinvina áp dụng hình thức kế toán máy từ năm 2005. Phần mềm kế toán mà Sejinvina sử dụng là phần mềm Weekend Accounting. Đây là một phần mềm được thiết kế riêng để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh đặc trưng của công ty.

Bên cạnh việc thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán theo quy định tại thông tư 103/2005/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2005, phần mềm Weekend Accounting còn có những ưu điểm nổi bật như:

- Phần mềm kế toán song ngữ Anh Việt, dễ học, dễ sử dụng, giao diện nổi bật.
- Phần mềm chia thành các modul tương ứng các phân hệ kế toán rõ ràng, rất tiện lợi cho doanh nghiệp chia, phân quyền, giao việc cho từng kế toán với từng nhiệm vụ.
- Phần mềm sử dụng Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server, dữ liệu được bảo mật tuyệt đối theo hệ thống phân quyền của hệ điều hành.
- Phần mềm có khả năng lưu trữ dữ liệu lớn, tốc độ truy xuất dữ liệu nhanh
- Chức năng Tổng hợp – Chi tiết (Drill – Down)

- Phần mềm Kế toán sản xuất: Tính giá thành chi tiết cho từng sản phẩm, từng nhóm sản phẩm theo nhiều phương pháp tính giá thành và từng công đoạn khác nhau. Hỗ trợ quản lý vật tư với số lượng lớn.

- Hệ thống Kế toán tức thời: Cho phép người dùng có thể xem các báo cáo tại bất cứ thời điểm nào mà không cần qua các bước tổng hợp số liệu trung gian.

- Phần mềm Kế toán quản trị: Công cụ trợ giúp các nhà quản lý phân tích và đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời, hiệu quả. Quản lý nhiều cấp, nhiều chiều, xem xét thông tin trên nhiều góc độ .

- Tính Toàn diện: Tuân thủ các quy định về chế độ kế toán. Có đầy đủ các phân hệ kế toán phù hợp với các phần hành kế toán trong doanh nghiệp. Chạy trên mạng nhiều người dùng, bảo mật và phân quyền chi tiết từng chức năng.

- Hệ thống mở: Mềm dẻo, linh hoạt

*** *Khái quát về cách sử dụng phần mềm***

Khởi động Weekend Accouting : Kích đúp vào biểu tượng Weekend trên màn hình desktop.

Sau khi khởi động Weekend Accouting, hộp hội thoại Đăng nhập sẽ tự động xuất hiện cho phép người sử dụng mở dữ liệu kế toán. Sejinvin thực hiện việc phân quyền trong hạch toán. Theo đó, mỗi kế toán viên sẽ làm việc với một tài khoản riêng với một hoặc một số những phần hành cố định được phụ trách. Phần mềm được thiết kế với 7 phân hệ : tiền, hàng hóa, công trình, giá thành, tài sản, tổng hợp, và hệ thống. (Hình 1.1 và Hình 1.2).



Hình 1.1



Hình 1.2

2.1.4.5. Hệ thống báo cáo tài chính

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty áp dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B09-DN)

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nội thất thủy Sejin-vinashin.

2.2.1 Đặc điểm công tác quản lý và phân loại nguyên vật liệu tại công ty Sejinvina

2.2.1.1. Đặc điểm công tác quản lý

Là công ty sản xuất nên Sejinvina sử dụng rất nhiều nguyên vật liệu với số lượng lớn và thường xuyên. Chi phí nguyên vật liệu chiếm 60%-70% trong giá thành sản phẩm. Mặt khác, vật liệu có tính chất dễ bị ảnh hưởng bởi thời tiết nếu không được bảo quản cẩn thận và dễ bị hao hụt trong quá trình vận chuyển. Chính vì vậy công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả sẽ giúp giảm chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm.

Quản lý vật liệu là khâu quan trọng đầu tiên để đảm bảo cho quá trình sản xuất, việc quản lý nguyên vật liệu ở đây không chỉ về mặt số lượng mà phải quản lý cả về chất lượng nhằm đảm bảo cho nguyên vật liệu không bị biến chất, giảm giá trị sử dụng.

* Khâu thu mua của công ty: công ty có bộ phận chuyên công tác thu mua, vận chuyển, bốc dỡ. Các bạn hàng, nhà cung ứng khá uy tín nên công tác thu mua và dự trữ nguyên vật liệu ít bị ngưng trệ

* Khâu bảo quản dự trữ: hiện nay tình hình quản lý nguyên vật liệu tại công ty ... đã được chú trọng và quan tâm với cách tổ chức, sắp xếp gồm có 2 kho: kho vật tư và kho thành phẩm. Việc sắp xếp trong từng kho cũng được thực hiện khá hợp lý, thuận tiện cho quá trình sản xuất.

* Khâu sử dụng: công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu, và kế hoạch tiêu thụ để chủ động có kế hoạch mua vật tư nên lượng tồn kho rất ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng, giá thành sản phẩm sẽ hạ bớt phần nào.

Công tác quản lý nguyên liệu, vật liệu được thực hiện ở phòng Kỹ thuật sản xuất, phòng KCS, thủ kho và phòng kế toán.

* Phòng kỹ thuật sản xuất: có trách nhiệm quản lý, lập kế hoạch thu mua, nhập, xuất nguyên vật liệu trong tháng, tìm hiểu lựa chọn các nguồn cung cấp tốt nhất, có lợi nhất. Định kỳ tiến hành kiểm kê, tham mưu cho giám đốc về các loại nguyên vật liệu cần nhập, các loại nguyên vật liệu còn tồn đọng nhiều,... và các biện pháp giải quyết hợp lý tránh tình trạng cung ứng vật liệu không đủ cho sản xuất hoặc để tồn đọng quá nhiều gây lãng phí, giảm chất lượng nguyên vật liệu.

* Thủ kho: là người có trách nhiệm nhập xuất nguyên vật liệu theo phiếu nhập, phiếu xuất, thực hiện đầy đủ thủ tục công ty quy định, tổ chức sắp xếp bảo quản nguyên vật liệu. Hàng ngày tiến hành ghi chép vào thẻ kho, cuối tháng đối chiếu số liệu với kế toán vật tư, đồng thời kết hợp với các cán bộ chuyên môn tiến hành kiểm kê vật liệu thừa thiếu trong tháng.

* Kế toán vật tư: là người chuyên theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, đồng thời hạch toán nguyên vật liệu, cuối kỳ đối chiếu số liệu với thủ kho.

2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu tại công ty Sejinvinha rất đa dạng về chủng loại, kích cỡ và được chia thành các loại như sau:

- Nguyên vật liệu chính: Đây là đối tượng chính cấu thành nên sản phẩm tấm tường, tấm trần, cửa, buồng vệ sinh đồng bộ. Đó là các loại thép (thép cuộn, thép lập lá, thép lá, thép hộp), tôn cuộn mạ HK, sợi khoáng.

- Nguyên vật liệu phụ: là những vật liệu có tác dụng cùng với nguyên vật liệu chính để tạo nên sản phẩm hoàn chỉnh đó, gồm: keo, sơn và dung môi, vít các loại...

- Vật tư đóng gói: đinh, túi nilon, dây đai nhựa, bìa carton...

- Phụ kiện: gồm phụ kiện trần (thanh ren, bộ móc treo, ống kẹp, đinh rút...), phụ kiện cửa (bản lề, đệm cửa, khóa cửa...)

- Nhiên liệu: là vật liệu phụ dùng để cung cấp nhiệt năng cho quá trình sản xuất như xăng, dầu... phục vụ cho các loại dây chuyền, máy móc và xe ô tô.

- Phụ tùng thay thế: là nguyên vật liệu dưới dạng các chi tiết thiết bị của máy móc, nằm trong dây chuyền sản xuất của công ty. Như vòng bi, xéc măng, van bích, ê cu, bu lông....

- Vật tư thu hồi: là các loại nguyên vật liệu đã qua sử dụng, nhưng đã cũ hoặc hết thời gian sử dụng, cũng có thể là bị thay thế do thay đổi dây chuyền sản xuất... những loại nguyên vật liệu này vẫn có thể dùng lại, hoặc có thể bán ra ngoài.

2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu

*** Nguyên vật liệu nhập kho**

Các loại nguyên vật liệu sử dụng sản xuất trong công ty đều là các nguyên vật liệu mua ngoài, cán bộ phòng vật tư mua về và nhập kho. Công ty tổ chức kê khai thuế VAT theo phương pháp khấu trừ thuế nên giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{Nguyên vật} \\ \text{liệu nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua ghi trên} \\ \text{HDGTGT} \\ \text{(chưa bao gồm VAT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{thực tế phát sinh} \end{array}$$

Ví dụ 1: Theo HDGTGT 0048902 (Biểu 2.2.1), Sejinvinha nhập kho thép lá inox SUS 304 0.8tx1219x2438 của công ty cổ phần quốc tế CNM, số lượng 567 kg, đơn giá 65.455đ/kg, thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%, hình thức thanh toán chuyển khoản. Hàng được bên bán vận chuyển thẳng tới và giao tại kho Sejinvinha. Tuy nhiên phát sinh chi phí cắt thép trước khi nhập kho, số tiền

1.003.130 đồng. Chi phí này được hạch toán vào giá thực tế nhập kho của lượng thép trên.

$$\begin{aligned}
 \text{Trị giá thực tế nhập kho thép lá inox} &= \text{Giá mua ghi trên hóa đơn} + \text{Chi phí phát sinh} \\
 &= \text{Số lượng} * \text{Đơn giá} + \text{Chi phí phát sinh} \\
 &= 567\text{kg} * 65.455 \text{ đồng/kg} + 1.003.130 \text{ đồng} \\
 &= 38.115.831 \text{ đồng.}
 \end{aligned}$$

***Nguyên vật liệu xuất kho**

Do đặc điểm sản xuất, công ty Sejinvina lựa chọn phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ để tính giá nguyên vật liệu xuất kho. Theo phương pháp này, căn cứ vào giá trị thực tế vật liệu tồn đầu kỳ và nhập kho trong kỳ, kế toán xác định đơn giá bình quân của một đơn vị vật liệu. Căn cứ vào lượng vật liệu xuất trong kỳ và đơn giá bình quân để xác định giá trị thực tế của vật liệu xuất trong kỳ.

Công thức tính giá xuất kho nguyên vật liệu theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ như sau:

$$\begin{aligned}
 \text{Trị giá thực tế xuất kho} &= \text{Số lượng} * \text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} \\
 \text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} &= \frac{\text{GTTT vật tư, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{GTTT vật tư, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{SL vật tư, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{SL vật tư, hàng hóa nhập trong kỳ}}
 \end{aligned}$$

Ví dụ 2: Tháng 12/2010, tình hình thép lá inox SUS 304 0.8tx1219x2438 như sau:

I. Tồn đầu kỳ: 215 kg, trị giá: 18.614.263

II. Trong tháng phát sinh những nghiệp vụ sau:

1. Ngày 04/12, nhập 567 kg thép, đơn giá chưa thuế: 65.455 đồng/kg và từ đó đến cuối tháng không nhập thêm.

2. Ngày 07/12, xuất 151 kg thép cho tổ Cửa 2

3. Ngày 07/12, xuất 0,5 kg thép cho tổ Cửa 1

4. Ngày 09/12, xuất 54 kg thép cho tổ Cửa 2

- 5. Ngày 15/12, xuất 38 kg thép cho tổ Cửa 2
- 6. Ngày 18/12, xuất 2 kg thép cho tổ Cửa 2
- 7. Ngày 21/12, xuất 8 kg thép cho tổ Cửa 1
- 8. Ngày 21/12, xuất 3kg thép cho tổ Cửa 2

Ta có đơn giá bình quân xuất kho thép lá inox là:

$$= \frac{18.614.263 + 567 * 65.455}{215 + 567} = 72.545 \text{ đồng/kg}$$

Trị giá thép lá xuất kho tháng 12:

- Ngày 07/12 (tổ Cửa 2): $151 * 72.545 = 10.954.295$
- Ngày 07/12 (tổ Cửa 1): $0,5 * 72.545 = 36.273$
- Ngày 09/12: $54 * 72.545 = 3.917.430$
- Ngày 15/12: $38 * 72.545 = 2.756.710$
- Ngày 18/12: $2 * 72.545 = 145.090$
- Ngày 21/12 (tổ Cửa 1): $8 * 72.545 = 580.360$
- Ngày 21/12 (tổ Cửa 2): $3 * 72.545 = 217.635$

2.2.3.Thủ tục nhập - xuất nguyên vật liệu

2.2.3.1.Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

- Các bước nhập kho vật tư:

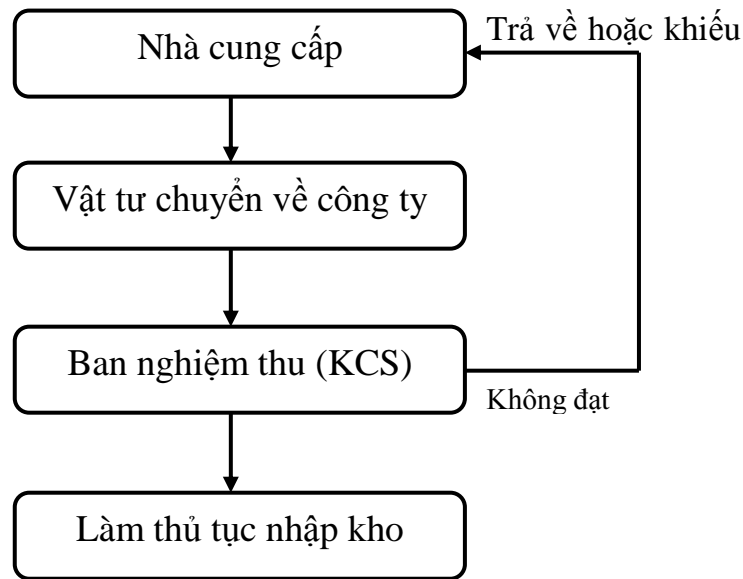
Bước thứ nhất: Vật tư hàng hóa được chuyển về nhà máy

Bước thứ hai: Bộ phận vật tư, hàng hóa gửi yêu cầu kiểm tra chất lượng cho phòng KCS

Bước thứ ba: Phòng chất lượng kiểm tra chất lượng vật tư hàng hóa

Bước thứ tư: Bộ phận mua vật tư, hàng hóa làm thủ tục nhập kho

Quy trình nhập vật tư hàng hóa được thể hiện theo Sơ đồ 2.2.1 như sau:



Sơ đồ 2.2.1: Quy trình nhập kho vật tư hàng hóa

- Nghiệm thu vật tư

Thành phần nghiệm thu

- + Cán bộ vật tư chịu trách nhiệm về lô vật tư đó
- + Đại diện phòng chất lượng
- + Thủ kho

Biên bản nghiệm thu chất lượng được lập thành 3 bản (do phòng KCS phát hành)

- + Bộ phận vật tư: 1 bản
- + Phòng KCS: 1 bản
- + Phòng Tài chính-kế toán: 1 bản

Căn cứ vào kết quả nghiệm thu theo phương pháp cân, đo, đong, đếm hoặc bằng cảm quan để quyết định. Trong trường hợp nghi ngờ về chất lượng của vật tư, phòng chất lượng sẽ lấy mẫu xét nghiệm thành phần hóa học của vật tư

+ Trường hợp thứ nhất: Đối với những vật tư không đáp ứng yêu cầu (chất lượng, kích cỡ, màu sắc, tính năng sử dụng) sẽ trả về và yêu cầu nhà cung cấp đổi lại vật tư hàng hóa đạt chất lượng thay thế. Cán bộ vật tư mua hàng sẽ chịu trách nhiệm khiếu nại về lô hàng mình đã nhập.

+ Trường hợp thứ hai: Vật tư đạt yêu cầu tiến hành làm thủ tục nhập kho

Trong thời gian vật tư chuyển về công ty, xưởng sản xuất sẽ chịu trách nhiệm hỗ trợ nhân lực, phương tiện bốc xếp để phục vụ cho công tác nghiệm thu và nhập kho.

Căn cứ vào hóa đơn thương mại hoặc phiếu xuất kho (của bên bán) và biên bản nghiệm thu chất lượng (đã đạt yêu cầu) thì kế toán vật tư tiến hành định khoản nghiệp vụ nhập kho vật tư vào phần mềm. Sau đó, phiếu nhập kho vật tư sẽ được in ra từ phần mềm và được chuyển đến các bộ phận liên quan để ký xác nhận, hoàn thành thủ tục nhập kho.

Phiếu nhập kho vật tư được lập thành 3 bản:

+ Bộ phận vật tư: 1 bản

+ Cán bộ mua hàng: 1 bản (để thanh toán)

+ Phòng Tài chính-kế toán: 1 bản (kế toán vật tư lưu) và được dùng làm căn cứ định khoản vào phần mềm kế toán.

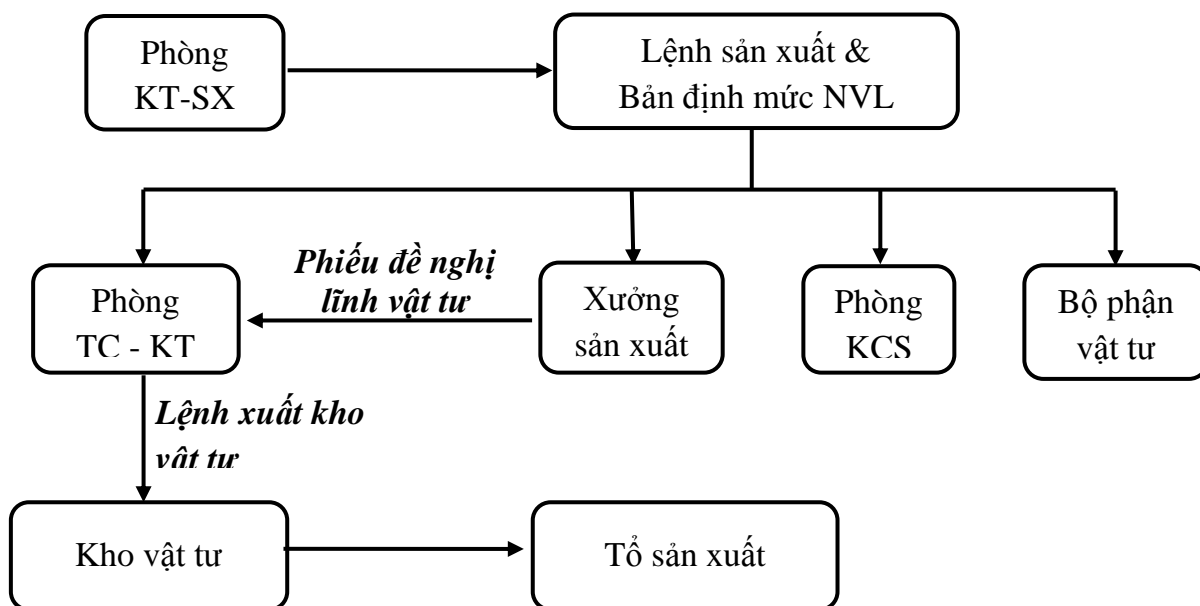
2.2.3.2.Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Khi công ty ký một hợp đồng sản xuất và cung cấp sản phẩm theo một dự án hoặc đơn hàng, căn cứ vào Bảng kê chi tiết hàng hóa đi kèm hợp đồng, phòng Kỹ thuật - sản xuất tiến hành thiết kế sản phẩm theo đúng hợp đồng. Từ đây, phòng Kỹ thuật - sản xuất sẽ tiến hành bóc tách nguyên vật liệu và xây dựng bản dự thảo tiến độ sản xuất sản phẩm phục vụ cho dự án (đơn hàng) bằng các lệnh sản xuất và định mức nguyên vật liệu cho mỗi đơn vị sản phẩm. Sau khi được Tổng giám đốc ký duyệt, đây sẽ là các lệnh sản xuất chính thức.

Lệnh sản xuất được lập thành 05 bản và sẽ được chuyển cho các bộ phận liên quan, gồm: Phòng Tài chính-kế toán, Xưởng sản xuất, Phòng kiểm định chất lượng (KCS) và bộ phận Vật tư. Xưởng sản xuất sau đó sẽ làm giấy đề nghị lĩnh vật tư theo lệnh sản xuất của phòng Kỹ thuật - sản xuất và chuyển sang phòng Tài chính-kế toán (Kế toán vật tư) để viết lệnh xuất kho vật tư (chỉ phản ánh vật tư về mặt số lượng). Lệnh xuất kho vật tư này được lập thành 03 bản: 1 bản lưu ở phòng TC-KT, 1 bản lưu tại bộ hồ sơ của dự án (đơn hàng), 1 bản lưu tại xưởng sản xuất. Lệnh xuất kho vật tư này là một phương tiện quản

lý nội bộ phục vụ cho quy trình cấp phát vật tư tại Sejinvin. Lệnh xuất kho vật tư do phòng Tài chính-kế toán lập tiếp đến được chuyển xuống kho vật tư. Đến đây, kho vật tư căn cứ theo lệnh xuất kho vật tư nhận được, sẽ tiến hành cấp phát vật tư cho các tổ sản xuất. Trong suốt quá trình triển khai dự án (đơn hàng), bộ phận vật tư sẽ cân đối số lượng vật tư để cung cấp kịp thời cho sản xuất. Kho vật tư cấp phát vật tư cho các tổ sản xuất có trách nhiệm bảo quản các vật tư từ khi lĩnh cho đến khi giao thành phẩm. Trong trường hợp, vật tư không đủ chất lượng như yêu cầu, tổ sản xuất có quyền trả lại thủ kho. Thủ kho có trách nhiệm mời bộ phận KCS xuống kiểm tra, xác định nguyên nhân và có biện pháp xử lý.

Quy trình cấp phát vật tư được mô hình hóa theo sơ đồ 2.2.2 như sau:



Sơ đồ 2.2.2. Sơ đồ quy trình cấp phát vật tư

2.2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Sejinvin

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán. Để phục vụ cho công tác hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công ty...sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu của công ty trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

2.2.4.1. Chứng từ sử dụng:

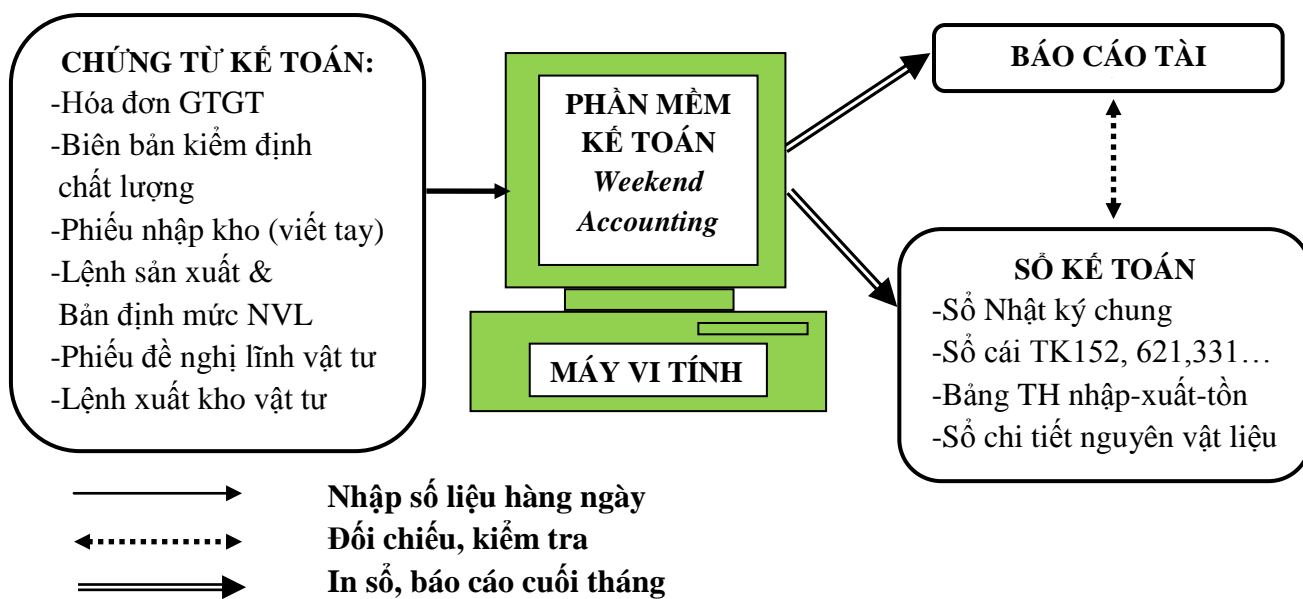
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng:

- TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu
- TK liên quan: TK111, TK331, TK 133, TK621, TK 627

2.2.4.3. Quy trình hạch toán

Hàng ngày, sau khi nhận được chứng từ do thủ kho chuyển đến, kế toán kiểm tra lại chứng từ, xác định giá trị và hoàn chỉnh chứng từ. Kế toán sử dụng các chứng từ ở trên để định khoản vào phần mềm.



Sơ đồ 2.2.3: Quy trình hạch toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán máy

Ví dụ 3:

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0048902 (Biểu 2.2.1), phòng Chất lượng lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (Biểu 2.2.2), sau khi kiểm nghiệm xong, thủ kho làm thủ tục nhập kho. Kế toán vật tư sau khi định khoản nghiệp vụ nhập kho vào phần mềm sẽ in ra Phiếu nhập kho 0120/12 (Biểu 2.2.3).

Biểu 2.2.1. Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0048902

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL																
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			QV/2010B																
Liên 2: Giao khách hàng			0048902																
Ngày 13 tháng 12 năm 2010																			
Người bán hàng: Công ty Cổ Phần Quốc tế CNM																			
Địa chỉ: P309A, tòa nhà TD Business centre Lô 20A, đường Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng																			
Số tài khoản:																			
Điện thoại: MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	1	1	2	2	7	8	4				
0	2	0	1	1	2	2	7	8	4										
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin-Vinashin																			
Địa chỉ: Khu CNTT An Hồng - An Dương - Hải Phòng																			
Số tài khoản:																			
Hình thức thanh toán: CK MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	5	6	1	8	2	0				
0	2	0	0	5	6	1	8	2	0										
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=2 x1														
1	Thép lá inox 304/20 (1,5x1250)	kg	470	62.727	29.481.690														
2	Thép lá inox 304/20 (0,8x1000)	kg	567	65.454,5	37.112.705														
Cộng tiền hàng:					66.594.395														
Thuế suất GTGT 10% Tiền thuế GTGT:					6.659.435														
Tổng cộng tiền thanh toán:					73.253.830														
Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi ba triệu hai trăm lăm mươi ba nghìn tám trăm ba mươi nghìn đồng chẵn																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)															
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>																			

Biểu 2.2.2. Biên bản kiểm định chất lượng vật tư nhập kho



CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THUỶ SEJIN VINASHIN
SEJIN - VINASHIN Marine accommodation CO., LTD
 KCN An Hồng, An Dương, Hải Phòng; Tell 031.618378

BM – KTCL- 03

**KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG VẬT TƯ NHẬP
 (RAW MATERIAL INSPECTION REPORT)**

Yêu cầu nhập hàng/ Purchasing Request: Phục vụ sản xuất

Đơn vị gửi phiếu yêu cầu kiểm tra: Phòng kinh doanh

Inspection Request by Department

Thời gian kiểm tra/ Inspecting time: 15 giờ 00 phút, ngày 4 tháng 12 năm 2010.

Địa điểm/ At: Tại kho vật tư Công ty.

I – THÀNH PHẦN/ PARTICIPANTS:

- 1- Ông Vũ Hoàn Kiên Phòng Chất lượng
- 2- Ông Đặng Hữu Đông Phòng Kinh doanh

II - NỘI DUNG KIỂM TRA/ CONTENTS:

STT No	DIỄN GIẢI/ DESCRIPTION					HÌNH THỨC KIỂM TRA	GHI CHÚ
	TÊN VẬT TƯ	QUY CÁCH	ĐVT	SỐ LƯỢNG	CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG		
	<i>Materials</i>	SPECIFICATIO N (TxWxCOIL)	UNI T	Q'ty	CERTIFICAT E		
1	Thép lá inox 1,5t	1250x2600	kg	470		Đo - Kiểm Measuring	
2	Thép lá inox 0,8t	1001x2200	kg	112		Đo - Kiểm Measuring	
3	Thép lá inox 0,8t	1001x2000	kg	455		Đo - Kiểm Measuring	

III - KẾT LUẬN/ CONCLUSION:

Vật tư đúng quy cách và đạt yêu cầu chất lượng.

Hải phòng, ngày 04 tháng 12 năm 2010

PHÒNG KINH DOANH

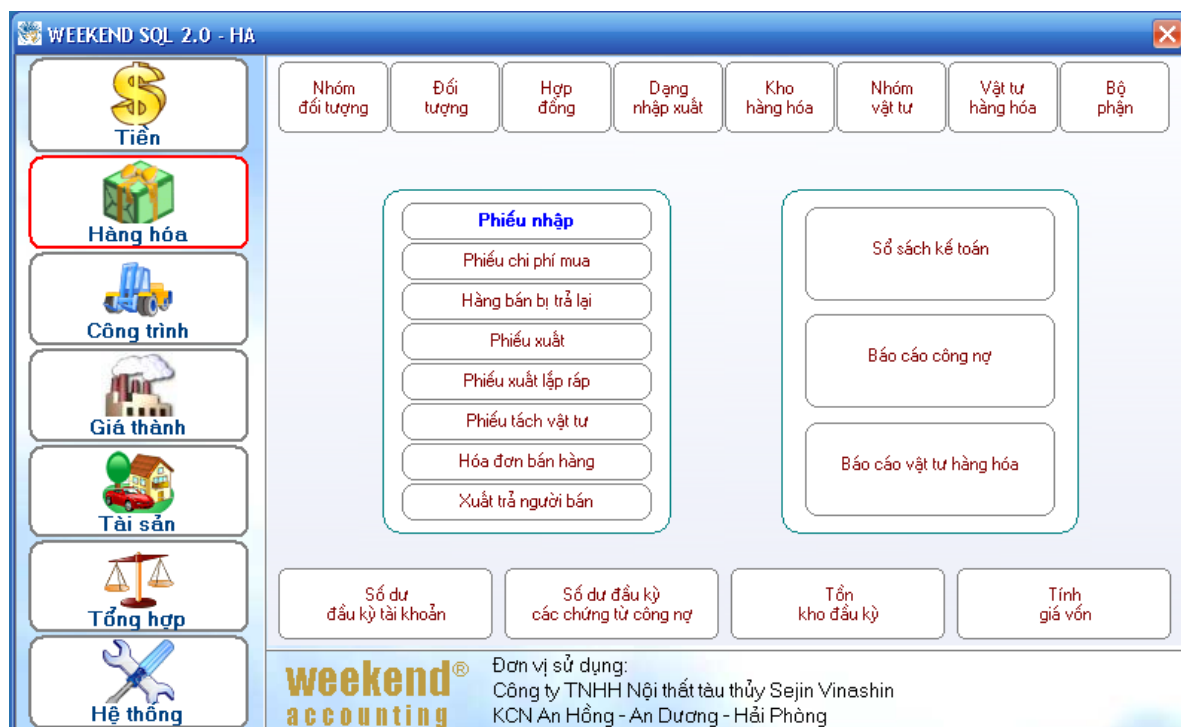
PHÒNG CHẤT LƯỢNG

SALES. DEPT (MATERIAL SECTION)

(QA-QC DEPT)

Kế toán vật tư tiến hành định khoản nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu vào phần mềm theo trình tự sau:

Sau khi mở phần mềm kế toán Weekend Accounting, kế toán chọn phân hệ [Hàng hóa], chọn [Phiếu nhập] (Hình 2.2.1)



Hình 2.2.1

- Kế toán chọn chức năng [Thêm] trên thanh công cụ hoặc ấn F2 để tạo phiếu nhập kho vật tư mới
- Tại giao diện phiếu nhập kho mới, kế toán nhập các nội dung:
 - + Ngày : 04/12/2010
 - +Số chứng từ: 0120/12 (phần mềm tự động điền)
 - + Đối tượng : CNMQTE (được khai báo ban đầu cho Công ty CP quốc tế CNM)
 - +Diễn giải: Nhập thép lá Inox theo HĐ 48902 (13/12/2010)
 - + Mã nhập xuất: 331
 - + Tài khoản có: 3312
 - + Tại cột vật tư, kế toán chọn mã 1TI0003, Kho công ty (KCT), nhập Số lượng (theo Phiếu nhập 0120/12) và Đơn giá chưa thuế trên HĐ GTGT 48902 của Thép lá inox SUS 1,5tx1219x2438.

Tương tự nhập nội dung cho Thép lá inox SUS 0,8tx1219x2438.

+Thuế GTGT (%): 10%, TK nợ VAT: 1331, TK có: 3312

+ Ngày hóa đơn: 13/12/2010, Số: 48902.

Kết thúc, kế toán chọn [Chấp nhận] để lưu nghiệp vụ. Giao diện nghiệp vụ khi kết thúc như sau. (Hình 2.2.2 và hình 2.2.3)

Kế toán in Phiếu nhập kho 0120/12 (Biểu 2.2.3), bằng cách ấn lệnh [In phiếu] tại giao diện Hình 2.2.3.

Vật tư	Tên vật tư	Đvt	Tk nợ	Kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1TI0003	Thép lá inox 1.5x1219x2438	kg	1521	KCT	470.00	62 727.00	29 481 690.00
1TI0001	Thép lá inox SUS 304 0.8x1219x2438	kg	1521	KCT	567.00	65 455.00	37 112 701.00

Hạn thanh toán: 0
 Thuế GTGT (%): 10
 Giá có thuế: K
 Tiền thuế GTGT: 6 659 439.00
 Tiền hàng: 66 594 391.00
 Tk nợ VAT: 1331
 Tk có: 3312
 Tiền mặt: 0.00
 Tiền thuế XNK: 0
 Ngày hóa đơn: 13/12/2010
 Số: 48902
 Tổng tiền: 73 253 830.00

Hình 2.2.2

Cử	Ngày	Số	Diễn giải	Đối tượng	Tổng tiền
PN	01/12/2010	0117/12	Nhập đinh ghim phi 3x40 của DN Hùng Thanh theo HD 24247(C	Doanh nghiệp tư nhân Hùng Thanh	6 050 000.00
PN	01/12/2010	0118/12	Nhập vật tư phụ các loại theo HD 71235(18/12/2010)	Cty CP TM sản xuất và dịch vụ Hải Cường	5 352 000.00
PN	01/12/2010	0119/12	Nhập vật tư phụ các loại theo HD 71235(18/12/2010)	Cty CP TM sản xuất và dịch vụ Hải Cường	4 738 000.00
PN	04/12/2010	0120/12	Nhập thép lá Inox theo HD 48902(13/12/2010)	Công ty CP Quốc Tế CNM	73 253 830.00

CNMQTE - Công ty CP Quốc Tế CNM || Dư nợ: 35 000 000
 4/14
 Tiền VND: 66 594 391.00
 Tiền thuế: 6 659 439.00

Hình 2.2.3

Ví dụ 5: Căn cứ vào Lệnh xuất kho vật tư số 0588/12 và phiếu đề nghị lĩnh vật tư đi kèm, Kế toán vật tư tiến hành định khoản nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu vào phần mềm. Lệnh xuất kho vật tư này là một tài liệu lưu hành nội bộ như một phương tiện phục vụ cho quy trình cấp phát vật tư của đơn vị và không phải là một chứng từ kế toán. Lệnh xuất kho này có vai trò như một văn bản làm căn cứ ghi nhận nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu về mặt số lượng cho cả bộ phận kế toán vật tư và ở kho

Biểu 2.2.4. Lệnh sản xuất số 06, DA 38/10/BĐ-SJV

LỆNH SẢN XUẤT
Production Request

P.R No	DATE (Ngày thực hiện)	PROJECTION No. (Dự án số)	PROJECTION NAME (Tên dự án)	SHIPYARD (Đóng tàu)	ORDER No.	DEPT. (Phòng)	ESTIMATED BY (Người tính)
06	26/11/2010	38/10/BĐ-SJV	6500T-BẠCH ĐẰNG	BẠCH ĐẰNG		KTSX	

STT NO.	Danh mục DESCRIPTION	Kiểu dáng MODEL	Thông số kỹ thuật SPECIFICATION	Số lượng Q'TY	Đơn vị UNIT	Ngày hoàn thành FINISH TIME	Ghi chú REMARK
1	Cửa ngăn cháy	D/B38B	690x1590	2	Bộ/..../2010	Sơn màu H120BH23-01
		D/B38 (SUS)	600x1670	1	Bộ		
		D/W40 (SUS)	600x1650	4	Bộ		
		Cửa trượt	710x1760	2	Bộ		

TECHNICAL-PRODUCTION DEP Phòng kỹ thuật-Sản xuất	ESTIMATED (Người tính)	CHECKED BY (Kiểm tra)
	Tạ thị Nhạn Trịnh Thu Hiền	Vũ Ngọc Tùng

RECEIVED BY (Nơi nhận)			
SALES DEPARTMENT (Phòng Kinh doanh)	WORKSHOP (Xưởng sản xuất)	QC DEPT (Phòng chất lượng)	ACCOUNTING DEPT (Phòng Kế toán)

BOARD OF MANAGER Ban Giám đốc	APPROVED BY (Duyệt)
	Phạm Công Học

Biểu 2.2.5. Phiếu đề nghị lĩnh vật tư thuộc LSX06, DA 38/10/BĐ



CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJINVINASHIN
SEJIN-VINASHIN Marine accommodation CO.,LTD
 KCN An Hồng-An Dương-Hải Phòng

PHIẾU ĐỀ NGHỊ LĨNH VẬT TƯ

Ngày 6 tháng 12 năm 2010

- Họ và tên người lĩnh: Phan Thế Anh. Tổ sản xuất: Cửa 2
- Theo LSX số 06 ngày 26 tháng 11 năm 2010 của DA 38/10/BĐ-SJVN

TT	Tên Vật tư	Mã số	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG		Ghi chú
				Theo LSX	Thực xuất	
A	B	C	D	1	2	3
1	Vít đầu đầu chìm M5x15 inox	1VI0009	cái	217		
2	Thép lá inox SUS 304 0,8tx1219x2438	1TI0001	kg	151		
3	Cụm bản lề inox	1CU0035	bộ	12		

Hải Phòng, ngày 06 tháng 12 năm 2010

Xưởng sản xuất Người nhận hàng Thủ kho Người lập phiếu

Trình tự định khoản nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu vào phần mềm như sau:

- Sau khi mở phần mềm kế toán Weekend Accounting, kế toán vào phân hệ [Công trình], chọn [Xuất nguyên vật liệu] (Hình 2.2.4)



Hình 2.2.4

- Kế toán chọn chức năng [Thêm] trên thanh công cụ hoặc ấn F2 để tạo phiếu xuất kho vật tư mới
- Tại giao diện của Phiếu xuất kho mới, kế toán nhập các thông tin như sau:
 - + Ngày 07/12/2010
 - + Số chứng từ: 0588/12 (phần mềm tự động điền)
 - + Đối tượng: ANHPT (Được khai báo ban đầu cho Phạm Thế Anh-Tổ Cửa 2)
 - + Diễn giải: LSX06, DA 38/10/BĐ (26/11/2010) (Vật tư sản xuất 02 bộ cửa D/B15, 01 bộ cửa D/B15(SUS), 4 bộ cửa D/W40 (SUS))
 - + Mã nhập xuất: 621
 - + Tài khoản nợ: 6211
- Kế toán căn cứ vào nội dung trên Phiếu nhập kho để nhập số liệu vào giao diện, bao gồm: Mã vật tư và Số lượng thực xuất. Tại cột Tài khoản Có, kế toán chọn 1521 và chọn kho: KCT (kho công ty).
- Số tiền tại cột Đơn giá và Thành tiền sẽ được phần mềm tạm thời hiển thị số liệu theo phương pháp Bình quân liên hoàn.
- Kết thúc, kế toán ấn [Chấp nhận] để lưu nghiệp vụ. Giao diện nghiệp vụ khi kết thúc như sau. Hình 2.2.5 và Hình 2.2.6.

Tại giao diện của Hình 2.2.6, kế toán ấn lệnh [In phiếu] để in phiếu xuất kho PX 0588/12 (Biểu 2.2.4).

- Các phiếu xuất kho vật tư chỉ được kế toán vật tư in ra từ phần mềm vào cuối mỗi kỳ để đảm bảo giá trị vật tư xuất kho theo đúng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Cụ thể như sau: đến cuối tháng, sau khi đã nhập đầy đủ các nghiệp vụ nhập, xuất kho phát sinh trong kỳ, kế toán thực hiện thao tác xác định Đơn giá xuất kho nguyên vật liệu cho các vật liệu, phần mềm sẽ tính ra đơn giá xuất kho nguyên vật liệu trong kỳ và chạy ngược số liệu vào các nghiệp vụ xuất kho trong tháng. Và cũng đến cuối tháng, sau thao tác đó, kế toán vật tư sẽ tiến hành in các phiếu xuất kho từ phần mềm để hoàn chỉnh chứng từ.

Vật tư	Tên vật tư	Đvt	Tk có	Kho	Sản phẩm	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	F4
1VI0009	Vít đầu chìm M5x15 inox	cái	1521	KCT	HĐ 10-10/B	217.00	600.00	130 200.00	C
1TI0001	Thép lá inox SUS 304 0.8tx1219x2438	kg	1521	KCT	HĐ 10-10/B	151.00	72 545.00	10 954 295.00	C
1CU0035	Cụm bản lề Inox	bộ	1521	KCT	HĐ 10-10/B	12.00	225 000.00	2 700 000.00	C
								Tổng tiền	13 784 495.00

Hình 2.2.5

PHIEU XUAT KHO: F2-Them, F3-Sua, F7-In, F8-Xoa, F9-Loc, Spacebar-Danh dau, Esc-Thoat

Cttr	Ngày	Số	Diễn giải	Đối tượng	Tổng tiền
PX	03/12/2010	10-10/SMC	LXX, PGH 10-10/SMC-SJVN(03/12/2010) xuất VT theo HD 10-	Công ty TNHH MTV TV - TK - CN tàu thủy	814 297.00
PX	04/12/2010	02122010HL	LXX, PGH 02/12-2010/HL(03/12/2010) xuất vt theo Công văn	Cty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	42 423 914.00
PX	04/12/2010	0584A/12	Xuất VT theo DT bổ sung(30/11/2010) của DA 38/10/BĐ	Phạm Thế Anh	2 818 366.00
PX	04/12/2010	0585/12	LSX02.04.06.09, DA 38/10/BĐ(15.26.11, 02/12/2010) (VT SX	Phạm Thế Anh	12 900 786.00
PX	07/12/2010	0586/12	LSX09, DA38/10/BĐ(02/12/2010) (VT SX cửa buồng vệ sinh(5	Phạm Thế Anh	6 716 336.00
PX	07/12/2010	0587/12	LSX04, DA 38/10/BĐ(15/11/2010) (VT sx 45 bộ cửa D/B38B)	Phạm Thế Anh	473 600.00
PX	07/12/2010	0588/12	bộ cửa D/B15, 01 bộ cửa D/B15(SUS), 4 bộ cửa D/W40(SUS)	Phạm Thế Anh	13 784 495.00
PX	07/12/2010	0588A/12	LSX06, DA 38/10/BĐ(26/11/2010) (VT sx 02 bộ cửa D/B15, 01	Phạm Thế Anh	296 000.00
PX	07/12/2010	0588B/12	LSX09, DA 38/10/BĐ(26/11/2010) (VT sx 08 bộ cửa buồng VS	Phạm Thế Anh	104 000.00
PX	07/12/2010	0589/12	LSX08, DA 38/10/BĐ(30/11/2010) (VT sx 01 bộ cửa D/A38(60	Phạm Thế Anh	55 472.50
PX	07/12/2010	0590/12	LSX02, DA 38/10/BĐ(15/11/2010) (CCDC sx 14 bộ cửa D/A38	Phạm Thế Anh	57 468.00

Vật tư	Tên vật tư	Đvt	Tk	Mã kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1V10009	Vít đầu chìm M5x15 inox	cái	1521	KCT	217.00	600.00	130 200.00
1T10001	Thép lá inox SUS 304 0.8tx1219x2438	kg	1521	KCT	151.00	72 545.00	10 954 295.00
1CU0035	Cụm bản lề Inox	bộ	1521	KCT	12.00	225 000.00	2 700 000.00

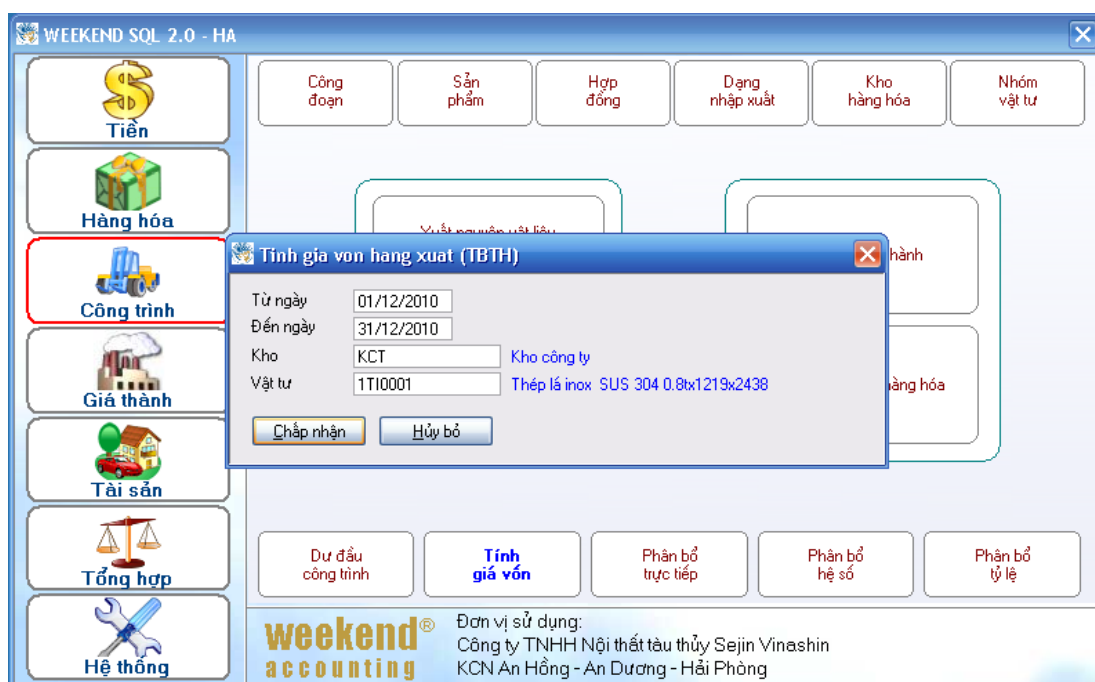
Tiền VND: 13 784 495.00
Tiền thuế: 0.00

Hình 2.2.6

- Kế toán thực hiện thao tác xác định Giá xuất kho bình quân gia quyền cho Nguyên vật liệu xuất kho trong tháng như sau:

Tại giao diện của phân hệ [Công trình], kế toán chọn [Tính giá vốn]. Tại hộp thoại Tính giá vốn hàng xuất, kế toán nhập thời gian của kỳ cần tính, chọn Kho KCT (kho công ty), chọn mã Vật tư cần tính. Kết thúc, chọn [Chấp nhận].

Hình 2.2.7



Hình 2.2.7

Biểu 2.2.6. Phiếu xuất kho số 0588/12

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJINVINASHIN**
 Địa chỉ: **KCN An Hồng-An Dương-Hải Phòng**

Mẫu số: **02-VT**
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 0588/12

Ngày 07 tháng 12 năm 2010

Nợ: 6211 13.784.495
 Có: 1521 13.784.495

- Họ và tên người nhận hàng: Phan Thế Anh
- Địa chỉ (Bộ phận): Cửa 2
- Lý do xuất kho: LSX06, DA38/10/BĐ (26/11/2010) (Vật tư sản xuất 02 bộ cửa D/B15, 01 bộ cửa D/B15(SUS), 4 bộ cửa D/W40 (SUS)
- Xuất tại kho: Kho công ty

STT	Tên Nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vít đầu đầu chìm M5x15 inox	1VI0009	cái	217		600	130.200
2	Thép lá inox SUS 304 0,8tx1219x2438	1TI0001	kg	151		72.545	10.954.295
3	Cụm bán lẻ inox	1CU0035	bộ	12		225.000	2.700.000
	Cộng						13.784.495

- Tổng số tiền (bằng chữ): *Mười ba triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng chẵn*
- Số chứng từ gốc kèm theo:

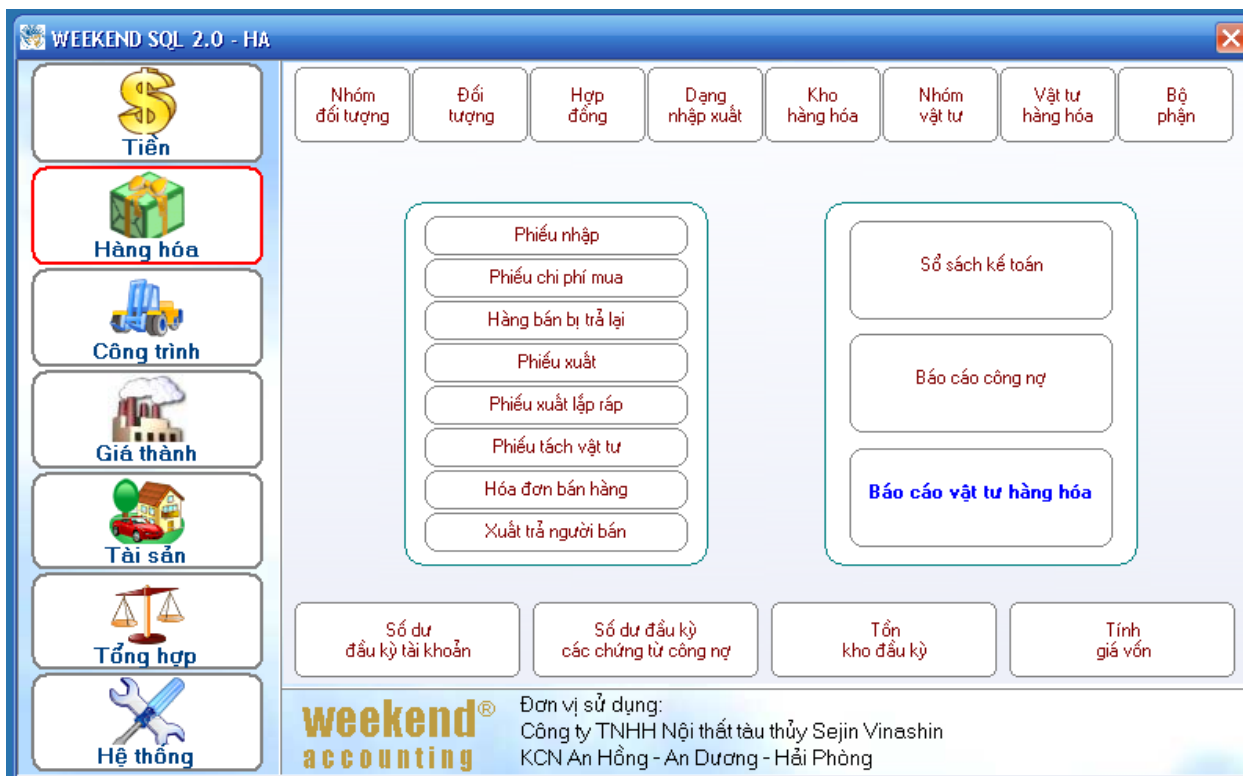
Xuất, Ngày 07 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

Cách xem và in ấn sổ sách kế toán trên phần mềm Weekend Accounting

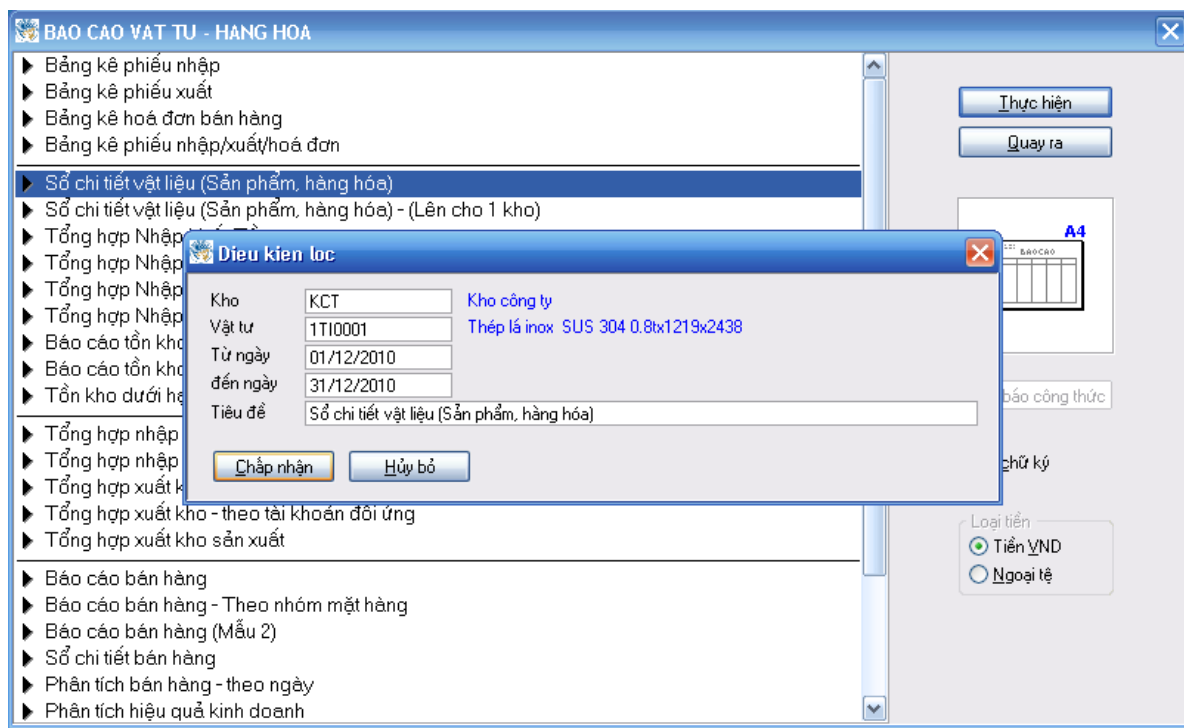
Để xem các sổ sách kế toán và các báo cáo vật tư, kế toán thực hiện như sau:

- Tại giao diện phân hệ [Hàng hóa], kế toán chọn [Báo cáo vật tư hàng hóa], hoặc chọn chức năng [Báo cáo] / [Báo cáo vật tư hàng hóa] trên thanh công cụ. Hình 2.2.8



Hình 2.2.8

- Để xem sổ chi tiết vật liệu của Thép lá inox SUS 0,8tx1219x2483 (Biểu 2.2.13) , kế toán chọn [Sổ chi tiết vật liệu (Sản phẩm, hàng hóa)] trên danh mục xuất hiện. Hộp thoại Điều kiện lọc xuất hiện, kế toán chọn kho KCT (kho công ty), nhập mã vật tư 1TI0001, nhập thời gian muốn xem và chọn [Chấp nhận] (Hình 2.2.9)

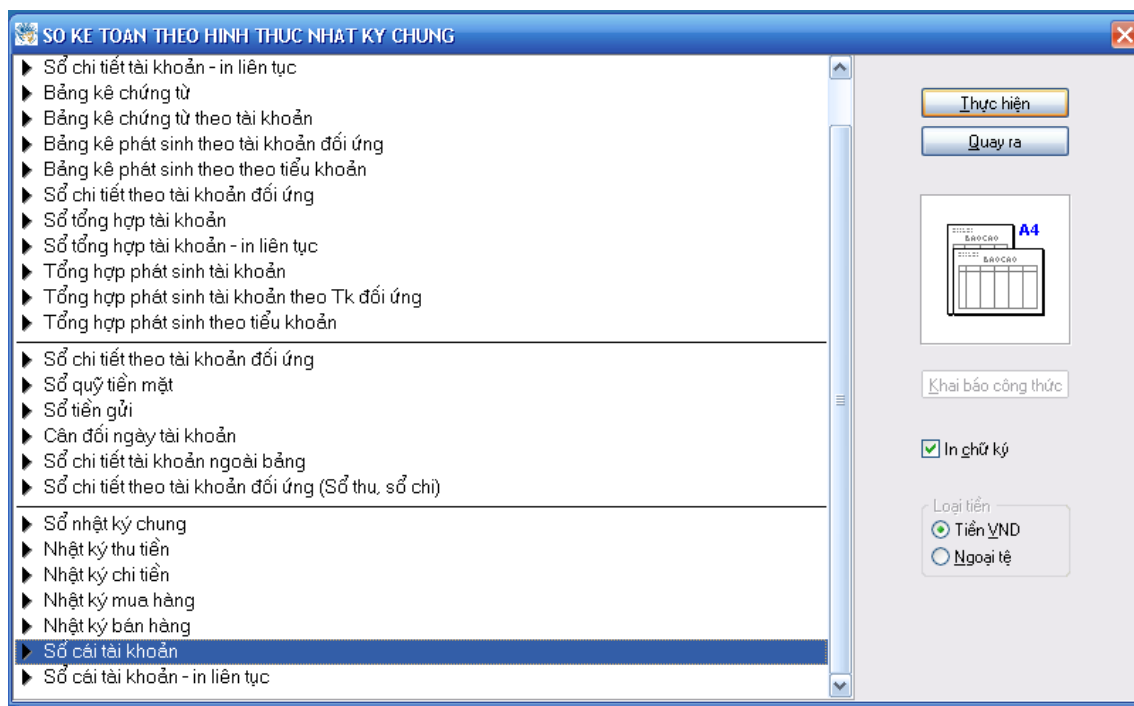


Hình 2.2.9

Kế toán thao tác tương tự để xem các báo cáo vật tư khác, bao gồm: Bảng tổng hợp nhập xuất tồn (Biểu 2.2.10), Báo cáo tồn kho, Tổng hợp Nhập kho, Tổng hợp Xuất kho....

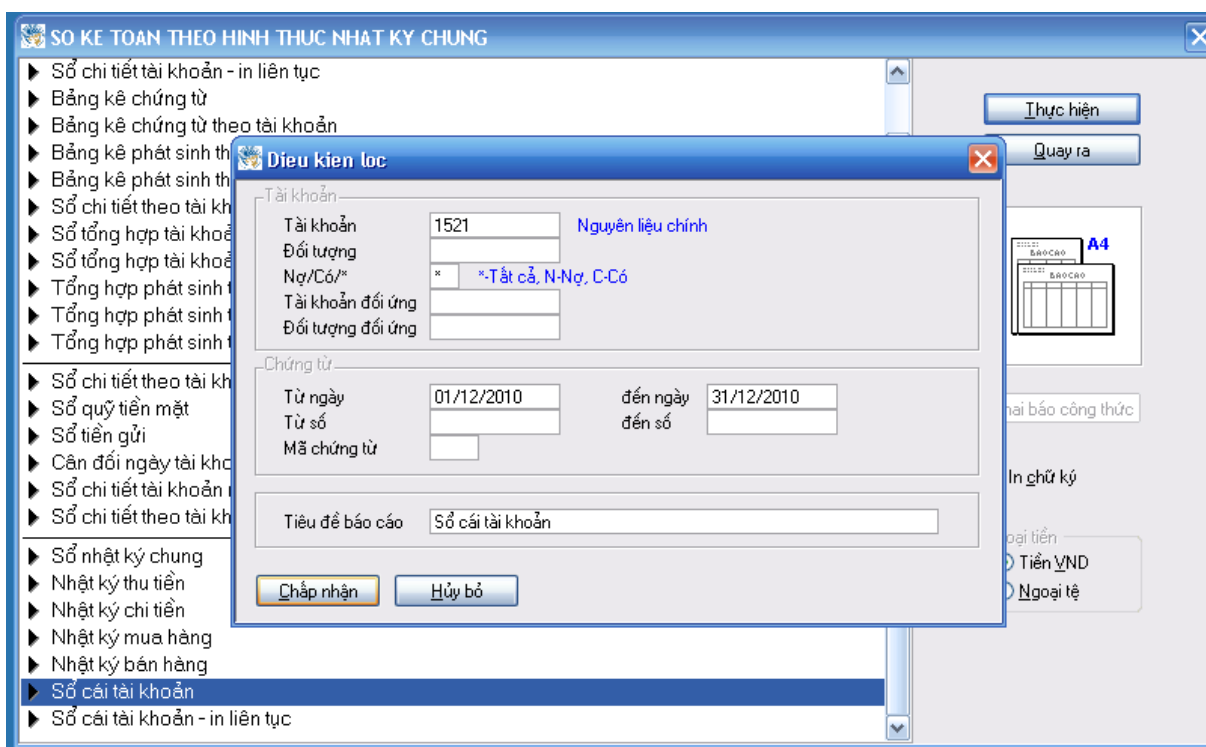
- Để xem sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2.7) và sổ cái Tài khoản 152 (Biểu 2.2.8) cũng như các sổ cái khác có liên quan, kế toán thực hiện như sau:

Tại giao diện của phân hệ [Hàng hóa], kế toán chọn [Sổ sách kế toán].
Hình 2.2.10



Hình 2.2.10

+ Để xem sổ cái tài khoản 152, kế toán chọn [Sổ cái tài khoản] trên danh mục xuất hiện. Hộp thoại Điều kiện lọc xuất hiện, kế toán chọn tài khoản 1521(Nguyên vật liệu chính), nhập khoảng thời gian hiện thị và chọn [Chấp nhận]. Hình 2.2.11



Hình 2.2.11

Biểu 2.2.7. Trích Nhật ký chung tháng 12

**CÔNG TY TNHH NỘI THẤT TÀU THỦY SEJIN VINASHIN
KCN AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG**

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
TỪ NGÀY 01/12/2010 ĐẾN NGÀY 31/12/2010

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	Tài khoản	PS Nợ	PS có
BC	1/12/2010	136	TT tiền mua hàng theo BG 08-10/HB (25/11/2010)			
	- -		Tiền Việt Nam tại vcb	1121VCB	2 127 840	
	- -		Phải thu của khách hàng trong nước	1311		2 127 840
PN	1/12/2010	0119/12	Nhập vật tư phụ các loại theo HĐ 71235(18/12/2010)			
	- -		Nguyên liệu chính	1521	3 800 000	
	- -		Công cụ, dụng cụ	153	938 000	
	- -		Phải trả cho người bán VND	3312		4 738 000
PT	2/12/2010	98	Rút tiền nhập quỹ			
	- -		Tiền mặt	1111	10 000 000	
	- -		Tiền Việt Nam tại vcb	1121VCB		10 000 000
CP	4/12/2010	110	CP vận chuyển hàng Inox đi cắt theo PN 120/12(04/12/2010) theo HĐ 44221(18/12/2010)			
	- -		Nguyên liệu chính	1521	1 800 000	
	- -		Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	1331	180 000	
	- -		Phải trả, phải nộp khác	3388		1 980 000
PN	4/12/2010	0120/12	Nhập thép lá Inox theo HĐ 48902(13/12/2010)			
	- -		Nguyên liệu chính	1521	66 594 391	
	- -		Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	1331	6 659 439	
	- -		Phải trả cho người bán VND	3312		73 253 830
PX	4/12/2010	02122010HL	LXK, PGH 02/12-2010/HL(03/12/2010) xuất vt theo Công văn vay 1285/CV-DTHL - DA(02/12/2010) do TGD duyệt			
	- -		Phải thu tiền nguyên vật liệu	13885	42 423 914	
	- -		Nguyên liệu chính	1521		42 423 914

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	Tài khoản	PS Nợ	PS có
PX	4/12/2010	0584A/12	Xuất VT theo DT bổ sung(30/11/2010) của DA 38/10/BĐ			
	- -		Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp _SX	6211	2 818 366	
	- -		Nguyên liệu chính	1521		2 818 366
PN	7/12/2010	0123/12	Nhập kính 10 ly của NM kính kiến an theo HĐ 35786(31/12/2010)			
	- -		Nguyên liệu chính	1521	583 200	
	- -		Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	1331	58 320	
	- -		Phải trả, phải nộp khác	3388		641 520
PX	7/12/2010	0588/12	LSX06, DA 38/10/BĐ(26/11/2010) (VT sx 02 bộ cửa D/B15, 01 bộ cửa D/B15(SUS), 4 bộ cửa D/W40(SUS))			
	- -		Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp _SX	6211	13 784 495	
	- -		Nguyên liệu chính	1521		13 784 495
PC	27/12/2010	413	TT nốt tiền mua hàng theo HĐ 48902(13/12/2010)			
	- -		Phải trả cho người bán VND	3312	253 830	
	- -		Tiền mặt	1111		253 830
PK	27/12/2010	12021	Vay ngắn hạn VNĐ(610tr) tt tiền mua vt phục vụ sx HĐồng vay 11-10(27/12/2010)			
	- -		Phải trả cho người bán VND	3312	610 000 000	
	- -		Vay ngắn hạn tiền mặt	3111		610 000 000
PX	31/12/2010	0641/12	Xuất vt theo băng TH lĩnh vt phụ T12/2010			
	- -		Chi phí vật liệu - cần phân bổ	62722	345 249	
	- -		Nguyên liệu chính	1521		345 249
PK	31/12/2010	12069	K/c Cp nguyên vật liệu trực tiếp T12/2010			
	- -		Chi phí SXKD dở dang XSS	1541	504 205 609	
	- -		Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp _SX	6211		504 205 609
	- -				
	- -		Tổng cộng		172 482 492 324	172 482 492 324

Biểu 2.2.8. Trích Sổ cái tài khoản 152

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT TÀU THỦY SEJIN VINASHIN
KCN AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 152
TỪ NGÀY 01/12/2010 ĐẾN NGÀY 31/12/2010

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK ĐÚ	PS Nợ	PS Có
-	-		Số dư đầu kỳ		7 776 906 835	
PN	1/12/2010	0117/12	Nhập đinh ghim phi 3x40 của DN Hùng Thanh theo HĐ 24247(07/12/2010)	3312	6 050 000	
PN	1/12/2010	0118/12	Nhập vật tư phụ cac loại theo HĐ 71235(18/12/2010)	3312	4 762 000	
PN	1/12/2010	0119/12	Nhập vật tư phụ cac loại theo HĐ 71235(18/12/2010)	3312	3 800 000	
PX	1/12/2010	04/1010/BĐ	LXK04/10-10/BĐ, PGH 04.1/10-10/BĐ(01/12/2010) theo HĐ 10-10/BĐ(10/11/2010)	1555		2 585 204
PX	3/12/2010	10-10/SMC	LXK, PGH 10-10/SMC-SJVN(03/12/2010) xuất VT theo HĐ 10-10/SMC(27/10/2010) (DA 40/10/SMC)	1555		814 297
PN	4/12/2010	0120/12	Nhập thép lá Inox theo HĐ 48902(13/12/2010)	3312	66 594 391	
CP	4/12/2010	110	CP vận chuyển hàng Inox đi cắt theo PN 120/12(04/12/2010) theo HĐ 44221(18/12/2010)	3388	1 800 000	
PX	4/12/2010	02122010HL	LXK, PGH 02/12-2010/HL(03/12/2010) xuất vt theo Công văn vay 1285/CV-DTHL - DA(02/12/2010) do TGD duyệt	13885		42 423 914
PX	4/12/2010	0584A/12	Xuất VT theo DT bổ sung(30/11/2010) của DA 38/10/BĐ	6211		2 818 366
PX	4/12/2010	0585/12	LSX02.04.06.09, DA 38/10/BĐ(15.26./11, 02/12/2010) (VT SX 47 cửa B15, 02 Z, 6 cửa A0, 03 cửa A60, 1 cửa B15(SUS), 8 cửa VS)	6211		12 900 786
PN	7/12/2010	0121/12	Nhập cụm bản lề và hanger set của DN Hùng Thanh theo HĐ 24247(07/12/2010)	3312	9 459 000	
PN	7/12/2010	0123/12	Nhập kính 10 ly của NM kính kiến an theo HĐ 35786(31/12/2010)	3388	583 200	
PX	7/12/2010	0588/12	LSX06, DA 38/10/BĐ(26/11/2010) (VT sx 02 bộ cửa D/B15, 01 bộ cửa D/B15(SUS), 4 bộ cửa D/W40(SUS)	6211		13 784 495
PN	30/12/2010	0132/12	Nhập thép EGI 0.6tx609.5 theo BG 12/2010(30/12/2010) HĐ 78869(30/12/2010)	3312	188 650 800	
PX	31/12/2010	0641/12	Xuất vt theo bảng TH lĩnh vt phụ T12/2010	62722		345 249
PX	31/12/2010	0645/12	Xuất hủy những vtr bảo hỏng năm 2010	6321		24 359 019
-	-		Cộng phát sinh trong kỳ		430 772 211	750 549 987
-	-		Số dư cuối kỳ		7 457 129 059	

Biểu 2.2.9. Sổ cái tài khoản 621

**CÔNG TY TNHH NỘI THẤT TÀU THỦY SEJIN VINASHIN
KCN AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG**

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 621
TỪ NGÀY 01/12/2010 ĐẾN NGÀY 31/12/2010

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	Tk Du	PS Nợ	PS Có
	- -		Số dư đầu kỳ			
PX	02/12/2010	0577/12	Xuất vt theo TB bổ sung tấm tường DA 40/10/SMC(01/12/2010) làm thêm BM50(1222/1222): 2.94m2	1521	63 203	
PX	02/12/2010	0578/12	Xuất vt theo TB bổ sung tấm tường DA 40/10/SMC(01/12/2010) làm thêm BM50(1222/1222): 2.94m2	1521	565 656	
PX	02/12/2010	0579/12	LSX09, DA38/10/BĐ(02/12/2010) (Vt sx cửa buồng vệ sinh(500x1400): 4 bộ, (550x1400): 4 bộ)	1521	11 238 580	
PX	02/12/2010	0581/12	LSX09, DA38/10/BĐ(02/12/2010) (VT sx cửa buồng vệ sinh(500x1400): 4 bộ, (550x1400): 4 bộ)	1521	344 307	
PX	02/12/2010	0583/12	LSX09, DA38/10/BĐ(02/12/2010) (VT sx cửa buồng vệ sinh(500x1400): 4 bộ, (550x1400): 4 bộ)	1521	69 406	
PX	02/12/2010	0584/12	LSX09, DA38/10/BĐ(02/12/2010) (VT ĐG cửa buồng vệ sinh(500x1400): 4 bộ, (550x1400): 4 bộ)	1521	76 440	
PX	04/12/2010	0584A/12	Xuất VT theo DT bổ sung(30/11/2010) của DA 38/10/BĐ	1521	2 818 366	
PX	04/12/2010	0585/12	LSX02.04.06.09, DA 38/10/BĐ(15.26/11, 02/12/2010) (VT SX 47 cửa B15, 02 Z, 6 cửa A0, 03 cửa A60, 1 cửa B15(SUS), 8 cửa VS)	1521	12 900 786	
PX	07/12/2010	0586/12	LSX09, DA38/10/BĐ(02/12/2010) (VT SX cửa buồng vệ sinh(500x1400): 4 bộ, (550x1400): 4 bộ) theo TB PKT cho toàn lệnh	1521	6 716 336	
PX	07/12/2010	0587/12	LSX04, DA 38/10/BĐ(15/11/2010) (VT sx 45 bộ cửa D/B38B)	1521	473 600	
PX	07/12/2010	0588/12	LSX06, DA 38/10/BĐ(26/11/2010) (VT sx 02 bộ cửa D/B15, 01 bộ cửa D/B15(SUS), 4 bộ cửa D/W40(SUS))	1521	13 784 495	
PX	07/12/2010	0588A/12	LSX06, DA 38/10/BĐ(26/11/2010) (VT sx 02 bộ cửa D/B15, 01 bộ cửa D/B15(SUS), 4 bộ cửa D/W40(SUS), cửa trượt: 2 bộ)	1521	296 000	
PX	07/12/2010	0589/12	LSX08, DA 38/10/BĐ(30/11/2010) (VT sx 01 bộ cửa D/A38(600x1720))	1521	55 473	
PX	09/12/2010	0600/12	LSX06, DA 38/10/BĐ(26/11/2010) (VT sx 02 bộ cửa trượt(710x1760))	1521	360 909	
PX	09/12/2010	0601/12	LSX06, DA 38/10/BĐ(26/11/2010) (VT sx 02 bộ cửa trượt(710x1760))	1521	70 000	
PX	09/12/2010	0602/12	LSX06, DA 25/09/TKV(08/12/2010)(VT sx BM25172.72m2, BM25(SUS): 162.91m2, BM50(SUS): 36.49m2, BM50: 70.79m2)	1521	222 387 307	
PK	31/12/2010	12069	K/c Cp nguyên vật liệu trực tiếp T12/2010	1541		504 205 609
	- -		Cộng phát sinh trong kỳ		2 828 894 635	2 828 894 635
	- -		Số dư cuối kỳ			

Biểu 2.2.10. Trích Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu tháng 12

**CÔNG TY TNHH NỘI THẤT TÀU THỦY SEJIN VINASHIN
KCN AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG**

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP-XUẤT-TỒN

TỪ NGÀY 01/12/2010 ĐẾN NGÀY 31/12/2010

Mã VT	Tên Vật tư	ĐVT	Tồn đầu	Dư đầu	SL Nhập	Tiền nhập	SL Xuất	Tiền Xuất	Tồn cuối	Dư cuối
1BU	Bu long, e cu, long đen			12 285 531		2 400 000		1 950 942		12 734 589
1BU0023	Bulông inox đầu lồi M5x30	Cái	585	468 000	2 000	2 000 000	1 690	1 613 950	895	854 050
1BU0024	Đệm cao su nhựa 25x25x10	Cái	3 428	5 419 100					3 428	5 419 100
1BU0025	Đệm cao su nhựa 50x25x15	Cái	2 000	3 600 000					2 000	3 600 000
1BU0028	Êcu M8 mạ	cái	3 000	900 000			24	7 200	2 976	892 800
1BU0029	Bulông + Êcu + Long Đen M16x60 Inox	bộ			20	400 000	10	200 000	10	200 000
1CU	Phụ kiện cửa			587 704 876		21 579 700		53 438 189		555 846 387
1CU0003	Gioăng đệm cửa 3tx15 - Cao su xốp	m	4 847	43 860 397			48	434 400	4 799	43 425 997
1CU0035	Cụm bản lề Inox	bộ			20	4 500 000	12	2 700 000	8	1 800 000
1PT	Phụ kiện trần			48 278 292		11 059 000		8 833 890		50 503 402
1PT0001	Thanh ren M8 loại 1m	thanh	3 840	35 633 505			181	1 679 680	3 659	33 953 825
1PT0002	Bộ móc treo	cái	307	1 217 846	1 102	4 959 000	325	1 424 800	1 084	4 752 046
1PT0003	Đinh rút inox phi 3	cái			7 000	5 600 000	6 740	5 392 000	260	208 000
1TI	Thép lá inox			37 954 243		68 394 391		38 771 879		67 576 755
1TI0001	Thép lá inox SUS 304 0.8tx1219x2438	kg	215	18 614 263	567	38 115 831	256,5	18 607 793	525,5	38 122 301
1TI0002	Thép lá inox 2.0tx1000x2000	kg	333	19 339 980					333	19 339 980
1TI0003	Thép lá inox 1.5tx1219x2438	kg			470	30 278 560	313	20 164 086	157	10 114 474
1VI	Vít			10 344 587		2 000 000		1 105 550		11 239 037
1VI0001	Vít tự ren M4x20 mạ	cái	39 164	4 111 408			4 074	427 770	35 090	3 683 638
1VI0003	Vít tự ren đầu lục lăng M5x20 mạ	cái	15 070	4 694 287					15 070	4 694 287

1VI0009	Vít đầu chìm M5x15 inox	cái			1 500	900 000	797	478 200	703	421 800
1VI0013	Vít tự ren M5x30	Cái	5	3 000					5	3 000
1VI0014	Vít M4x30 + sâu nở	bộ	600	156 000					600	156 000
1VI0015	Vít Inox M4x8	cái	90	40 500					90	40 500
1VI0016	Vít M5x10 mạ	Cái	1 288	140 392			620	67 580	668	72 812
1VI0017	Vít M8x20 Inox	Cái	20	44 000	500	1 100 000	60	132 000	460	1 012 000
1VI0018	Vít M4x50 Inox	Cái	50	75 000					50	75 000
1VI0019	Vít M5x10 INOX	Cái	2 160	1 080 000					2 160	1 080 000
									
	Tổng cộng			7 921 731 300		537 020 211		857 306 384		7 601 445 127

2.2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty Sejinvina

Quá trình nhập xuất tại công ty diễn ra thường xuyên nên công ty đã lựa chọn hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu được thực hiện song song giữa kho và phòng kế toán trong việc quản lý nguyên vật liệu. Theo phương pháp này, sự biến động của vật tư được phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ đồng thời cũng dễ dàng cho việc kiểm tra, giám sát sự biến động của chúng. Cụ thể như sau:

- *Ở kho:*

Việc theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho do thủ kho tiến hành trên thẻ kho. Mỗi thẻ kho theo dõi một loại nguyên vật liệu và được mở từng tháng. Đầu tháng, thủ kho ghi số lượng tồn đầu kỳ căn cứ vào lượng tồn cuối tháng trước. Hàng ngày, căn cứ vào các lượng chứng từ nhập, xuất, tồn kho được tập hợp cho từng loại vật liệu thủ kho sẽ tiến hành ghi vào thẻ kho về mặt số lượng, mỗi nghiệp vụ ghi một dòng trên thẻ kho, cuối ngày tính ra lượng tồn kho trong ngày. Cuối tháng, thủ kho cộng tổng số lượng nhập, xuất, tồn trong tháng của từng thứ nguyên vật liệu để đối chiếu với sổ kế toán chi tiết vật liệu do kế toán vật tư lập.

- *Tại Phòng kế toán:*

Sau khi đã hoàn thiện việc nhập các nghiệp vụ xuất kho và nhập kho vật tư phát sinh trong kỳ cũng như thực hiện thao tác xác định đơn giá xuất kho nguyên vật liệu vào cuối kỳ, kế toán vật tư sẽ in ấn và hoàn thiện chứng từ cũng như các sổ chi tiết nguyên vật liệu. Đây là cơ sở để đối chiếu với số liệu ghi chép của thủ kho để đảm bảo tình hình nhập xuất tồn vật tư trong kỳ được quản lý chặt chẽ và chính xác.

Ví dụ 6: Tại kho, thủ kho căn cứ vào Phiếu nhập kho 0120/12 và Lệnh xuất kho 0588/12 (đã có chữ ký của Kế toán trưởng) để tiến hành nhập xuất nguyên vật liệu, đồng thời ghi chép vào thẻ kho (Biểu 2.2.11). Cuối kỳ, thẻ kho sẽ được đối chiếu số liệu với sổ chi tiết nguyên vật liệu từ phần mềm của kế toán vật tư. (Biểu 2.2.12)

Biểu 2.2.11. Thẻ kho thép lá inox

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT TÀU THỦY SEJIN VINASHIN
KCN AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

THẺ KHO

Tháng 12 năm 2010

Ngày mở thẻ: 01/12/2010

- Tên vật liệu, dụng cụ (sản phẩm): Thép lá inox SUS 304 0.8tx1219x2438
- Đơn vị tính: kg
- Mã số: 1TI0001

Chứng từ			Diễn giải	Số lượng			Kế toán xác nhận
Ngày tháng	Số phiếu			Nhập	Xuất	Tồn	
	PN	PX					
1	2	3	4	5	6	7	8
- -			Tồn đầu kỳ			215	
12/04/2010	0120/12		Nhập kho theo HĐ 48902(13/12/2010)	567		782	
12/07/2010		0588/12	LSX06, DA 38/10/BĐ(26/11/2010) (VT sx 02 bộ cửa D/B15, 01 bộ cửa D/B15(SUS), 4 bộ cửa D/W40(SUS))		151	631	
12/07/2010		0589/12	LSX08, DA 38/10/BĐ(30/11/2010) (VT sx 01 bộ cửa D/A38(600x1720))		0,5	630,5	
12/09/2010		0598/12	LSX06, DA 38/10/BĐ(26/11/2010) (VT sx 02 bộ cửa trượt(710x1760))		54	576,5	
15/12/2010		0616/12	LSX01, DA 41/10/HL(15/12/2010)(Vt sx sửa chữa cửa trượt(947x2063))		38	538,5	
18/12/2010		0619/12	LSX02, DA 41/10/HL(16/12/2010) (VT sx 04 bộ cửa BD 2 cánh (1200x1700): 1 bộ, (900x1700): 1 bộ, (700x1700): 2 bộ)		2	536,5	
21/12/2010		0631/12	LSX01, DA 42/10/Visal(20/12/2010) (VT sx 03 cửa D/B38B)		8	528,5	
21/12/2010		0632/12	LSX01, DA 42/10/Visal(20/12/2010) (VT sx 01 cửa D/A48)		3	525,5	
- -			Cộng cuối tháng	567	256,5		
			Tồn cuối tháng			525,5	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.2.12. Sổ chi tiết thép lá inox

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THUỶ SEJIN-VINASHIN
KCN AN HỒNG-AN DƯƠNG-HẢI PHÒNG

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Từ ngày 1/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản: 152 Tên kho: Kho công ty

Tên vật liệu, dụng cụ (sản phẩm): Thép lá inox SUS 304 0.8tx1219x2438

Đơn vị tính:kg

Chứng từ		Diễn giải	TKDU	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ							215	18 614 263
0120/12	4/12/2010	Nhập thép lá Inox theo HĐ 48902	3312	65 455	567	37 112 701			782	55 726 964
110	04/12/2010	CP vận chuyển hàng Inox đi cắt theo PN 120/12 (4/12/2010) theo HĐ 44221	3388			1 003 130			782	56 730 094
0588/12	07/12/2010	LXS06, DA 38/10/BĐ(26/11/2010) (VT sx 02 bộ cửa D/B15, 01 bộ cửa D/B15(SUS), 4 bộ cửa D/W40(SUS))	6211	72 545			151	10 954 295	631	45 775 799
0589/12	07/12/2010	LXS08, DA 38/10/BĐ(30/11/2010) (VT sx 01 bộ cửa D/A38(600x1720))	6211	72 545			0.5	36 273	630.5	45 739 526
0598/12	09/12/2010	LXS06, DA 38/10/BĐ(26/11/2010) (VT sx 02 bộ cửa trượt(710x1760))	6211	72 545			54	3 917 430	576.5	41 822 096
0616/12	15/12/2010	LXS01, DA 41/10/HL(15/12/2010)(Vt sx sửa chữa cửa trượt(947x2063))	6211	72 545			38	2 756 710	538.5	39 065 386
0619/12	18/12/2010	LXS02, DA 41/10/HL(16/12/2010) (VT sx 04 bộ cửa BD 2 cánh (1200x1700): 1 bộ, (900x1700): 1 bộ, (700x1700): 2 bộ)	6211	72 545			2	145 090	536.5	38 920 296
0631/12	21/12/2010	LXS01, DA 42/10/Visal(20/12/2010) (VT sx 03 cửa D/B38B)	6211	72 545			8	580 360	528.5	38 339 936
0632/12	21/12/2010	LXS01, DA 42/10/Visal(20/12/2010) (VT sx 01 cửa D/A48)	6211	72 545			3	217 635	525.5	38 122 301
		Cộng			567	38 115 831	256.5	18,607,793	525.5	38 122 301
		Số dư cuối kỳ							525.5	38 122 301

Quá trình thanh toán tiền mua vật tư theo hóa đơn GTGT48902 (13/12/2010) cho Công ty CP Quốc tế CNM:

- Ngày 3/12/2010, Sejinvinatạm ứng 35.000.000 đồng (Ủy nhiệm chi biểu 2.2.14) tiền mua thép cho công ty CP QT CNM bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản tại VCB Hải Phòng. GBN 183.2.

- Ngày 27/12/2010, Sejinvinavay ngắn hạn ngân hàng Vietcombank Hải Phòng 610.000.000 đồng (Hợp đồng vay 11-10), để thanh toán tiền mua vật tư cho một số nhà cung cấp. Trong đó, thanh toán cho công ty CP QT CNM số tiền 38.000.000 đồng. Phiếu kế toán số: 12021 (Biểu 2.2.15)

- Ngày 27/12/2010, Sejinvinathanh toán nốt tiền hàng theo hóa đơn GTGT 48902 cho CNM bằng tiền mặt. Phiếu chi số 413 (Biểu 2.2.16), Số tiền: 253.830 đồng.

Biểu 2.2.13. Ủy nhiệm chi

ỦY NHIỆM CHI – PAYMENT ORDER						
<i>Ngày (date):</i>						
GHI NỢ TÀI KHOẢN (please debit account)	SỐ TIỀN (With amount)	PHÍ NH (Bank charges)				
SỐ TK (A/C no.): 0031000088210	BẰNG SỐ (In figures): 35,000,000 VNĐ	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 80%;">Phí trong Including</td> <td style="width: 20%;"><input style="width: 90%;" type="text"/></td> </tr> <tr> <td>Phí ngoài Excluding</td> <td><input style="width: 90%;" type="text"/></td> </tr> </table>	Phí trong Including	<input style="width: 90%;" type="text"/>	Phí ngoài Excluding	<input style="width: 90%;" type="text"/>
Phí trong Including	<input style="width: 90%;" type="text"/>					
Phí ngoài Excluding	<input style="width: 90%;" type="text"/>					
TÊN TK (A/C name): Công ty TNHH nội thất thủy Sejin-vinashin	BẰNG CHỮ (In words): Ba mươi lăm triệu đồng chẵn./.					
ĐỊA CHỈ (Address): An Hồng, An Dương, Hải Phòng						
TẠI NH (With bank): Ngoại thương Hải Phòng						
& GHI CÓ TÀI KHOẢN (& Credit account)	NỘI DUNG (Details of Payment): <i>T/ứng 1 phần tiền mua hàng</i>					
SỐ TK (A/C no.): 01270406666686	KẾ TOÁN TRƯỞNG CHIEF ACCOUNTANT	CHỦ TÀI KHOẢN KÝ VÀ ĐÓNG DẤU Acc Holder & Stamp				
TÊN TK (A/C name): Cty CP Quốc Tế CNM						
ĐỊA CHỈ (Address):						
TẠI NH (With bank): TMCP Quốc Tế - CN Hồng Bàng, Hải Phòng						
PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG (For bank's use only) MÃ VAT:						
Thanh toán viên	Kiểm soát	Giám đốc				

Biểu 2.2.14. Phiếu kế toán 12021

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN-VINASHIN
KCN An Hồng - An Dương - Hải Phòng

Mẫu số: 04-TT
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 12021

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Họ và tên: NH ngoại thương HP

Địa chỉ: 10 Hoàng Diệu, Hải Phòng

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau:

Tài khoản	Nội dung	PS Nợ	PS Có
3312	Vay ngắn hạn VNĐ (610tr) tt tiền mua vt phục vụ sx HĐồng vay 11-10 (27/12/2010)	235 000 000	
3312	Vay ngắn hạn VNĐ (610tr) tt tiền mua vt phục vụ sx HĐồng vay 11-10 (27/12/2010)	38 000 000	
3312	Vay ngắn hạn VNĐ (610tr) tt tiền mua vt phục vụ sx HĐồng vay 11-10 (27/12/2010)	157 000 000	
3312	Vay ngắn hạn VNĐ (610tr) tt tiền mua vt phục vụ sx HĐồng vay 11-10 (27/12/2010)	180 000 000	
3111	Vay ngắn hạn VNĐ (610tr) tt tiền mua vt phục vụ sx HĐồng vay 11-10 (27/12/2010)		610 000 000
Tổng cộng		610 000 000	610 000 000

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Người lập phiếu
 (Ký, họ tên)

Biểu 2.2.15. Phiếu chi số 413

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN-VINASHIN**
 Địa chỉ: **KCN An Hồng - An Dương - Hải Phòng**

Mẫu số: 02-TT
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Quyển số:.....

Số: 413

Nợ: 3312 253 830

Có: 1111 253 830

Họ tên người nhận tiền: **CÔNG TY CP QUỐC TẾ CNM**

Địa chỉ: P509A TD Plaza Lê Hồng Phong, Ngõ Quyền, HP

Lý do chi: TT nốt tiền mua hàng theo HĐ 48902 (13/12/2010)

Số tiền: **253 830 VNĐ** (viết bằng chữ) **Hai trăm năm mươi ba ngàn tám trăm ba mươi đồng chẵn**

Kèm theo:.....Chứng từ gốc:.....

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Thủ quỹ
 (Ký, họ tên)

Người lập phiếu
 (Ký, họ tên)

Người nhận tiền
 (Ký, họ tên)

Biểu 2.2.16. Sổ chi tiết thanh toán với người bán. Đối tượng Công ty CP quốc tế CNM

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT TÀU THỦY SEJIN VINASHIN
KCN AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Từ ngày 1/12/2010 đến 31/12/2010

Đối tượng: CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ CNM

Mã: CNMQTE

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
						Nợ	Có	Nợ	Có
	- -		Dư đầu kỳ						
BN	03/12/2010	138.2	T/ứng 1 phần tiền mua thép lá Inox	1121VCB		35 000 000			
PN	04/12/2010	0120/12	Nhập thép lá Inox theo HĐ 48902(13/12/2010)	1331			6 659 439		
PN	04/12/2010	0120/12	Nhập thép lá Inox theo HĐ 48902(13/12/2010)	1521			66 594 391		
PC	27/12/2010	413	TT nốt tiền mua hàng theo HĐ 48902(13/12/2010)	1111		253 830			
PK	27/12/2010	12021	Vay ngắn hạn VNĐ(610tr) tt tiền mua vt phục vụ sx HĐồng vay 11-10(27/12/2010)	3111		38 000 000			
	- -		Phát sinh trong kỳ			73 253 830	73 253 830		
	- -		Dư cuối kỳ						

2.3. Tổ chức công tác kiểm kê nguyên vật liệu

Cũng như các doanh nghiệp khác, theo quy định của Nhà nước mỗi năm công ty TNHH Nội thất thủy Sejinvinashin tiến hành kiểm kê hàng tồn kho và các tài sản khác một lần vào cuối năm.

Mục đích của việc kiểm kê vật liệu, công cụ dụng cụ là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng của vật tư trong kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý vật tư ở công ty. Trước mỗi lần kiểm kê, được sự thông báo của hội đồng kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để tạo điều kiện cho kiểm kê. Đồng thời, ở phòng kế toán, các sổ kế toán về vật tư đều được khóa sổ sau khi kế toán tính ra giá trị tồn kho của vật tư.

Thông qua việc cân, đo, đong, đếm...hội đồng kiểm kê phát hiện kết quả kiểm kê trên Biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào biên bản kiểm kê này, giám đốc công ty cùng với hội đồng kiểm kê sẽ có những quyết định xử lý thích hợp như: thanh lý, nhượng bán, quyết định đòi bồi thường nếu cá nhân làm mất hoặc hỏng...Căn cứ vào các biên bản xử lý kết quả kiểm kê kế toán tiến hành ghi sổ.

Nhìn chung công tác quản lý vật tư của công ty là khá tốt nên không có trường hợp mất mát, chỉ có một vài trường hợp thiếu, bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan.

Ví dụ 7: Theo kết quả kiểm kê nguyên vật liệu ngày 31/12/2009, Hội đồng kiểm kê lập Biên bản kiểm kê vật liệu (Biểu 2.3)

Biểu 2.3. Biên bản kiểm kê nguyên vật liệu



CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN-VINASHIN
SEJIN-VINASHIN Marine accommodation CO., LTD
 KCN An Hồng-An Dương-Hải phòng

Mẫu số: 05-VT
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

-Thời gian kiểm kê: 7 giờ 30 phút ngày 31 tháng 12 năm 2010

-Ban kiểm kê gồm:

- + Ông/bà: Hoàng Thị Hưng Chức vụ: Phó phòng Đại diện: Phòng Tài chính – kế toán. Trưởng ban
- + Ông/bà: Phạm Văn Thiện Chức vụ: Nhân viên Đại diện: Phòng Chất lượng Ủy viên
- + Ông/bà: Phạm Thị Thùy Hương Chức vụ: Thủ kho Ủy viên

Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

STT	Tên nhãn hiệu quy cách, phẩm chất, vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng theo kế toán	Số lượng theo kiểm kê	Chênh lệch		Phẩm chất			Nguyên nhân
							Thừa	Thiếu	Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Thép lá inox SUS 304 0,8t x1219x2348	1TI0001	Kg	72.545	525,5	525,5	-	-	x			
2	Thép lá inox 2,0t x1000x2000	1TI0002	Kg	58.043	333	333	-	-	x			
3	Thép lá inox 1,5t x1219x2348	1TI0003	Kg	64.422	157	157	-	-	x			
											
	Cộng											

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tổng giám đốc **Kế toán trưởng** **Thủ kho** **Trưởng ban kiểm kê**
 (Ý kiến giải quyết số chênh lệch)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN - VINASHIN

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nội thất thủy Sejin-vinashin

3.1.1 Ưu điểm

Trải qua thời gian tồn tại và phát triển, công ty Sejinvina đã thường xuyên đổi mới phương thức quản lý, đáp ứng yêu cầu không ngừng mở rộng quy mô sản xuất chiếm được lòng tin của khách hàng. Việc xây dựng được cơ cấu quản lý phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình đã phục vụ đắc lực cho quá trình sản xuất, góp phần nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên và đóng góp vào ngân sách Nhà nước của công ty Sejinvina.

- Về tổ chức sản xuất kinh doanh:

Với vị thế là công ty đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất các mặt hàng nội thất thủy, sau 8 năm chính thức đi vào sản xuất, Sejinvina đã hoàn thiện được tổ chức sản xuất kinh doanh của mình.

Hoạt động sản xuất được Sejinvina tổ chức theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 và đã được cấp chứng chỉ bởi Global U.K.A.S vào tháng 8 năm 2006. Thêm vào đó, hệ thống dây chuyền sản xuất hiện đại và được trang bị đồng bộ, nguồn nguyên vật liệu đầu vào được kiểm định chất lượng kỹ lưỡng. Có thể nói công tác tổ chức sản xuất tại Sejinvina là hợp lý và hiệu quả. Đây là yếu tố quyết định để tất cả sản phẩm của Sejinvina đều đạt chứng chỉ về chất lượng của các tổ chức đăng kiểm Quốc tế uy tín như: DNV(MED), NK, GL, ABS và đăng kiểm Việt Nam. Bên cạnh phục vụ thị trường trong nước, Sejinvina còn sản xuất theo các đơn đặt hàng xuất khẩu đi các nước như Bangladesh, Đan Mạch, Hàn Quốc...

- *Về tổ chức bộ máy quản lý:*

Với hình thức quản lý trực tuyến - chức năng, bộ máy quản lý tổ chức của Sejinvina gọn nhẹ, thống nhất. Bên dưới ban lãnh đạo, các phòng ban được xây dựng hợp lý, trực tiếp phụ trách các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ của mình, đồng thời các phân xưởng bố trí thực hiện nhiệm vụ sản xuất từ công ty đưa xuống đảm bảo số lượng được giao.

- *Về tổ chức bộ máy kế toán:*

Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin-vinashin hiện có bộ máy kế toán tổ chức tương đối gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ hiện hành, phù hợp với quy mô của công ty. Với mô hình kế toán tập trung và áp dụng hình thức kế toán máy, bộ máy kế toán đã phát huy hiệu quả của mình trong việc tăng cường hạch toán phục vụ cho quản lý và công tác kế toán nguyên vật liệu.

Trong phòng Tài chính - Kế toán, các nhân viên kế toán có trình độ tay nghề phù hợp, nhiệt tình với công việc đã tạo điều kiện tốt cho công tác hạch toán.

Trong công tác kế toán có sự phân công phân nhiệm vụ cụ thể đến từng cán bộ với từng phần hành kế toán một cách hợp lý. Các nhân viên kế toán phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước kế toán trưởng về phần hành của mình đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng kịp thời cho đối tượng sử dụng.

Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty, tập thể cán bộ phòng Tài chính - Kế toán không ngừng trau dồi trình độ nghiệp vụ của mình. Phòng Tài chính – Kế toán đã thực hiện tốt các công việc của mình từ việc thu nhận, xử lý, nhập dữ liệu và công tác kết chuyển cuối tháng, tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả kinh doanh. Việc sử dụng các chứng từ cũng như trình tự luân chuyển chứng từ thực hiện theo đúng quy định của Bộ tài chính ban hành. Sejinvina đã thực hiện đúng các chế độ hạch toán kinh tế, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ.

- *Về hình thức kế toán, chứng từ, sổ sách:*

Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức kế toán máy. Đây là hình thức kế toán với nhiều ưu điểm về tính chính xác, tiết kiệm, khoa học và hiệu quả. Đặc biệt phần mềm kế toán công ty sử dụng là một phần mềm được thiết kế chuyên biệt để phù hợp với đặc điểm sản xuất và hạch toán kế toán của công ty. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, đây là phương pháp đang được sử dụng phổ biến ở nước ta. Công ty vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo thông tin nhanh nhạy, hiệu quả.

Hiện nay, công ty thực hiện việc lập báo cáo kết quả kinh doanh một năm một lần, song hàng tháng công ty vẫn thực hiện xác định kết quả kinh doanh cho tháng đó và lập báo cáo quản trị để gửi lên ban lãnh đạo công ty để kịp thời theo dõi, đánh giá và có những biện pháp hữu hiệu nhất để có thể tăng doanh thu trong năm tới. Đây là việc làm tốt công ty cần phát huy và thực hiện thường xuyên.

- *Về công tác kế toán nguyên vật liệu:*

Góp phần làm nên vị trí quan trọng của phòng Tài chính – Kế toán hôm nay phải kể đến bộ phận kế toán nguyên vật liệu đã phản ánh chặt chẽ, toàn diện tài sản, tiền vốn của công ty, cung cấp thông tin một cách chính xác và kịp thời, phục vụ tốt cho công tác quản lý, phân tích lập kế hoạch và công tác lãnh đạo. Việc hạch toán nguyên vật liệu được doanh nghiệp thực hiện theo đúng chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp sản xuất. Hơn nữa, phương pháp hạch toán này đã giúp

công ty quản lý, theo dõi kiểm tra nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ chính xác, kịp thời hơn. Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song. Với phương pháp này giúp cho phòng kế toán có thể theo dõi chặt chẽ từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đồng thời việc kiểm tra, đối chiếu sổ và chứng từ cũng đơn giản. Việc ghi chép các thẻ kho và việc xử lý các nghiệp vụ về nguyên vật liệu phát sinh được công ty thực hiện kịp thời và đầy đủ. Điều này giúp cho việc đối chiếu giữa thẻ kho và các sổ chi tiết được chính xác, việc quản lý được dễ dàng và kịp thời.

Về khâu xuất dùng: Nguyên vật liệu được dùng đúng mục đích sản xuất và quản lý sản xuất dựa trên định mức vật liệu trước khi xuất vật liệu sản xuất. Điều này giúp cho việc quản lý nguyên vật liệu xuất vào sản xuất một cách chặt chẽ và là cơ sở chủ yếu cho việc phấn đấu hạ thấp giá thành sản phẩm của Sejinvina.

Về khâu thu mua nguyên vật liệu: Sejinvina đã tổ chức được bộ phận tiếp liệu chuyên đảm nhận công tác thu mua nguyên vật liệu trên cơ sở đã xem xét, cân đối giữa kế hoạch sản xuất và nhu cầu. Việc thu mua được tiến hành quy củ, chặt chẽ, không để phát sinh những chi phí không cần thiết và để cân bằng được giữa chất lượng, số lượng vật tư và hiệu quả kinh tế. Điều này là do Sejinvina đã làm tốt từ khâu chọn lựa nhà cung cấp, kí kết hợp đồng, nhận hàng cũng như kiểm định chất lượng. Chất lượng nguyên vật liệu đầu vào luôn được phòng Chất lượng KCS kiểm định chặt chẽ và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ban giám đốc về chất lượng vật tư mua về.

Về khâu dự trữ: Với khối lượng vật tư sử dụng tương đối lớn, chủng loại vật tư nhiều, đa dạng nhưng công ty vẫn đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời cho sản xuất, không để tình trạng ứ đọng nhiều nguyên vật liệu hoặc ngừng sản xuất. Có được điều này là do Sejinvina đã tổ chức tốt kế hoạch sản xuất cho từng đơn hàng. Trên cơ sở đó, xác định mức dự trữ nguyên vật liệu cần thiết, hợp lý đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn.

Về khâu bảo quản: Hệ thống kho tàng của công ty được bố trí tương đối hợp lý, phù hợp với cách phân loại vật liệu. Thêm vào đó, giữa bộ phận kho và phòng Chất lượng luôn có sự phối hợp để chất lượng vật tư luôn được đảm bảo từ khâu thu mua và bảo quản đến khi xuất dùng.

Tóm lại, quy trình mua, cấp phát và bảo quản nguyên vật liệu tại công ty Sejinvinna được tổ chức chặt chẽ, khoa học, đã lựa chọn phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phù hợp.

3.1.2. Hạn chế:

- Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin-Vinashin là một doanh nghiệp sản xuất. Nguyên vật liệu ở công ty rất đa dạng và biến động liên tục. Vì vậy, để phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý cần phải biết được một cách đầy đủ, cụ thể số hiện có và tình hình biến động của từng loại nguyên vật liệu được sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, đồng thời tiết kiệm thời gian trong việc đối chiếu giữa kho và phòng kế toán. Vấn đề đặt ra là muốn tìm kiếm thông tin về nguyên vật liệu nào thì nguyên vật liệu đó phải được phân chia chi tiết theo tính năng lý hóa, theo quy cách phẩm chất và quan trọng hơn là phải được mã hóa thành một hệ thống đảm bảo tính logic để sử dụng trong toàn công ty. “Sổ danh điểm nguyên vật liệu” chính là công cụ để thực hiện việc này. Tuy nhiên, công ty Sejinvinna chưa lập sổ danh điểm nguyên vật liệu.

- Khi nguyên vật liệu sử dụng không hết thì công ty chưa lập báo cáo vật tư còn lại cuối kỳ. Công ty trong kỳ số lượng nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất vẫn còn tình trạng lượng tiêu hao nguyên vật liệu thực tế ít hơn so với kế hoạch dẫn đến cuối kỳ vẫn còn nguyên vật liệu ở các phân xưởng chưa được sử dụng nhất là đối với nhiên liệu. Các bộ phận sản xuất cần lập phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ gửi cho phòng kế toán để theo dõi nguyên vật liệu tồn cuối kỳ đồng thời làm căn cứ để kiểm tra tình hình thực hiện định mức sử dụng nguyên vật liệu.

- Công ty vẫn thực hiện thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu đối với nguyên vật liệu mua về không qua kho: việc hạch toán nguyên vật liệu đôi khi

còn mang tính rườm rà như việc mua nguyên vật liệu về dùng ngay cho sản xuất, kế toán không hạch toán thẳng vào chi phí nguyên vật liệu mà tiến hành làm thủ tục nhập kho sau đó mới làm thủ tục xuất kho do đó phải mất nhiều công sức và thời gian cho công việc này.

- Về việc luân chuyển chứng từ: việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát chứng từ lại không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nội thất thủy Sejin-Vinashin

3.2.1. Sự cần thiết và các yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Sejinvina.

Để có xây dựng được thương hiệu Sejinvina uy tín như ngày nay trong vòng chưa đầy mười năm kể từ ngày chính thức đi vào sản xuất, tập thể cán bộ, công nhân, viên chức của Công ty đã phải có sự nỗ lực toàn diện ở tất cả các mặt từ việc hoạch định đến hoàn thành các chiến lược sản xuất và kinh doanh. Trong suốt quá trình đó, công tác kế toán của công ty đã được hoàn thiện dần để đạt được tính khoa học và tiết kiệm. Không đơn thuần là phản ánh chính xác, toàn diện tình hình sản xuất, kinh doanh mà công tác kế toán của Công ty còn thực sự tìm ra những biện pháp để cải thiện và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, luôn là “công cụ” đắc lực giúp ban giám đốc quản lý và phát triển công ty.

Đối với một doanh nghiệp sản xuất như Sejinvina thì yếu tố quan trọng nhất vẫn là sản xuất hiệu quả, tạo ra những sản phẩm chất lượng cao với giá thành hạ. Muốn được như vậy thì công tác kế toán nguyên vật liệu phải luôn được chú trọng hoàn thiện để doanh nghiệp có thể quản lý tốt và tối ưu hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, góp phần tính toán chính xác và hạ thấp được giá thành

sản phẩm. Bởi nguyên vật liệu thường chiếm từ 60 đến 70% chi phí trong giá thành sản phẩm. Hiểu được sự cần thiết này, cùng với các phần hành khác, kế toán nguyên vật liệu tiếp tục được Ban giám đốc và phòng Tài chính - kế toán của Sejinvina quan tâm nghiên cứu để hoàn thiện.

Bên cạnh việc đảm bảo được các nguyên tắc quan trọng trong công tác kế toán (như nguyên tắc nhất quán, nguyên tắc thận trọng) và các yêu cầu cơ bản (như yêu cầu về tính khách quan, trung thực, đầy đủ và kịp thời), việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu còn phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

Các biện pháp hoàn thiện phải xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý ở đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng về quản lý tài chính.

Hoàn thiện công tác kế toán phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hệ thống kế toán ban hành bắt buộc các doanh nghiệp phải áp dụng, nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao.

Hoàn thiện nhưng vẫn phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp xét cho đến cùng là lợi nhuận.

3.2.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nội thất thủy Sejin-Vinashin.

3.2.2.1. Hoàn thiện việc sử dụng các tiểu khoản nguyên vật liệu

Công ty đang tiến hành phân loại nguyên vật liệu theo vai trò và công dụng của chúng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trong quá trình hạch toán tổng hợp Công ty đã sử dụng tài khoản 152. Tuy nhiên, tất cả các nguyên vật liệu đều được công ty hạch toán chung trong tài khoản 152.1, bao gồm cả nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, vật tư đóng gói...Như vậy, thực

chất nguyên vật liệu không được phân loại chi tiết trong quá trình hạch toán. Trong khi Công ty có quá nhiều chủng loại vật liệu có vai trò, công dụng khác nhau. Việc phân loại chi tiết theo từng nhóm nguyên vật liệu trong hạch toán kế toán tại công ty là rất cần thiết.

Theo em, công ty nên mở thêm và sử dụng các tiểu khoản như sau trong hạch toán nguyên vật liệu:

- TK 152.1 Nguyên vật liệu chính
- TK 152.2 Nguyên vật liệu phụ
- TK 152.3 Nhiên liệu
- TK 152.4 Phụ tùng thay thế (vòng bi, dây điện...)
- TK 152.5 Vật tư đóng gói
- TK 152.6 Phụ kiện
- TK 152.8 Vật liệu khác

Việc hạch toán nguyên vật liệu theo tiểu khoản có hai lợi ích đối với hoạt động kế toán và sản xuất của doanh nghiệp:

- Công tác quản lý nguyên vật liệu trở nên dễ dàng hơn không chỉ về mặt số lượng mà quan trọng hơn là về mặt giá trị. Việc quản lý theo đó cũng được chi tiết, chặt chẽ và hiệu quả hơn.

- Sau khi đã hạch toán nguyên vật liệu theo tiểu khoản, giá trị nguyên vật liệu xuất kho cho sản xuất cũng như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sẽ được chi tiết theo từng nhóm nguyên vật liệu: nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, vật tư đóng gói, phụ kiện... Quá trình xác định và hạch toán chi phí nguyên vật liệu khi tính giá thành sản phẩm cũng được cụ thể hóa theo từng nguyên vật liệu với chức năng, vai trò riêng, từ đó, tạo điều kiện dễ dàng, thuận lợi trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu cũng như khi muốn tìm cách giảm chi phí nguyên vật liệu hay so sánh chi tiết chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm qua các kỳ.

3.2.2.2. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm nguyên vật liệu

Khối lượng nguyên vật liệu mà Sejinvin đang sử dụng là rất lớn và đa dạng về chủng loại, phẩm chất, kích cỡ. Sejinvin đã tiến hành phân loại chúng theo chức năng, vai trò chúng đảm nhiệm trong quá trình sản xuất sản phẩm. Với đặc điểm sản xuất và nguyên vật liệu như hiện tại, theo em, công ty Sejinvin nên xây dựng một hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty và sử dụng “Sổ danh điểm vật liệu”. “Sổ danh điểm vật liệu” là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu đã và đang sử dụng, được theo dõi cho từng loại, từng nhóm, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ, lôgic. Mỗi loại, mỗi nhóm vật liệu được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Việc xây dựng bổ sung này sẽ hoàn thiện thêm công tác quản lý cũng như hạch toán nguyên vật liệu tại Sejinvin. Trước hết, việc quản lý từng loại vật liệu sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa các xưởng trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập - xuất - tồn. Hơn nữa, thực hiện được điều này, việc cập nhật số liệu vào phần mềm của kế toán và việc ghi chép của thủ kho sẽ giảm nhẹ, thuận lợi hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý nguyên vật liệu trong công ty nói chung sẽ được chặt chẽ, thống nhất và khoa học hơn.

Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng là phải xây dựng được bộ mã nguyên vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, thuận tiện và hợp lý. Công ty có thể xây dựng bộ mã nguyên vật liệu dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào các loại nguyên vật liệu
- Dựa vào các loại nguyên vật liệu trong mỗi loại
- Dựa vào số thứ tự nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở số liệu các tài khoản cấp 2.

Bộ phận quản lý nguyên vật liệu có thể dùng số tự nhiên để quy ước dần theo từng chủng loại nguyên vật liệu. Em xin đề xuất quy ước sau để xây dựng bộ mã nguyên vật liệu:

- Ba số tự nhiên đầu tiên: biểu thị loại tài sản của Công ty (nguyên vật liệu)

- Số thứ tự thứ tư : biểu thị vai trò nguyên vật liệu, vị trí của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất (chính, phụ,...)
- Hai số thứ tự thứ năm và thứ sáu : biểu thị nhóm nguyên vật liệu có cùng tính chất, chức năng và vai trò tương tự nhau
- Hai số thứ tự thứ bảy và thứ tám: biểu thị quy cách, phẩm chất của mỗi loại nguyên vật liệu cụ thể trong nhóm nguyên vật liệu.

Ví dụ: Nguyên vật liệu chính 1521

Thép lá inox: TK 1521.01

Thép lá inox SUS 304 0.8tx1219x2438: TK 1521.0101

Thép lá inox 2.0tx1000x2000: TK 1521.0102

Thép lá inox 1.5tx1219x2438: TK 1521.0103

- Công ty có thể lập sổ danh điểm vật tư theo mẫu sau đây:

Biểu 3.1. Sổ danh điểm vật liệu

SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU

Ký hiệu		Mã số vật tư	Danh điểm vật liệu	Đơn vị tính	Ghi chú
Loại	Nhóm				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521.01		Thép lá inox	Kg	
		1521.0101	Thép lá inox SUS 304 0.8tx1219x2438	Kg	
		1521.0102	Thép lá inox 2.0tx1000x2000	Kg	
		1521.0103	Thép lá inox 1.5tx1219x2438	kg	
	1521.02		Thép cuộn PVC		
		1521.0201	Thép PVC màu 6295 (Trắng)	Kg	
		1521.0202	Thép PVC màu F12U (Hồng)	Kg	
		1521.0203	Thép cuộn PVC màu xanh 1267	Kg	
		1521.0204	Thép cuộn PVC màu 1220	Kg	
		1521.0205	Thép cuộn PVC màu 1222	Kg	
		1521.0206	Thép cuộn PVC màu 1137	Kg	
		1521.0207	Thép cuộn PVC màu vân gỗ	Kg	
				
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522.01		Keo		
		1522.0101	Keo Urethane 970SNF	Kg	
		1522.0102	Keo Urethane Ocuca 1000BT	Kg	
		1522.0103	Keo tuýp silicon	Lọ	
		1522.0104	Keo Epoxy - nhập khẩu	Kg	
		1522.0105	Keo AM 120C	Tuýp	
		1522.0106	Keo bugio 600 ml	Hộp	
	1522.02		Vít		
		1522.0201	Vít tự ren M4x20 mạ	Cái	
		1522.0202	Vít tự ren đầu lục lăng M5x20 mạ	Cái	
		1522.0203	Vít đầu chìm M5x15 inox	Cái	
		1522.0204	Vít tự ren M5x30	Cái	
		1522.0205	Vít M4x30 + sâu nở	Cái	
		1522.0206	Vít Inox M4x8	Cái	
		1522.0207	Vít M5x10 mạ	Cái	
		1522.0208	Vít M8x20 Inox	Cái	
		1522.0209	Vít M4x50 Inox	Cái	
		1522.0210	Vít M5x10 Inox	Cái	
				

Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu sẽ được lập lại theo danh điểm vật liệu mới như sau:

Biểu 3.2. Bảng tổng hợp nhập xuất tồn lập lại theo danh điểm vật liệu mới

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP-XUẤT- TỒN VẬT LIỆU

Loại vật liệu: Vật liệu chính

Tháng 12 năm 2010

Danh điểm vật tư	Tên vật tư	Đơn vị tính	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1521.0101	Thép lá inox SUS 304 0.8tx1219x2438	Kg	215	18 614 263	567	38 115 831	257	18 607 793	526	38 122 301
1521.0102	Thép lá inox 2.0tx1000x2000	Kg	333	19 339 980					333	19 339 980
1521.0103	Thép lá inox 1.5tx1219x2438	Kg			470	30 278 560	313	20 164 086	157	10 114 474
...										
Cộng										

3.2.2.3. Hoàn thiện việc chia kho trên phần mềm phù hợp với hệ thống kho vật chất hiện tại.

Hiện nay, trong quy trình bảo quản và dự trữ tại kho, hàng tồn kho được Sejinvinatổ chức thành hai kho vật chất: kho vật tư và kho thành phẩm. Tuy nhiên trong quá trình quản lý và hạch toán hàng tồn kho của mình trên phần mềm Weekend Accounting, Sejinvina không tiến hành phân kho trên phần mềm rõ ràng. Tất cả các nghiệp vụ về hàng tồn kho phát sinh đều được công ty thực hiện trong một kho chung là “Kho công ty”, thay vì tổ chức và hạch toán thành hai kho tương ứng trên phần mềm là “Kho vật tư” và “Kho thành phẩm”.

Đây là điều không phù hợp, bởi trong việc quản lý cũng như hạch toán hàng tồn kho của doanh nghiệp đang áp dụng hình thức kế toán máy, các kho trên phần mềm phải được tổ chức tương ứng với hệ thống kho vật chất tại công ty.

Công ty Sejinvina không thực hiện chia kho trên phần mềm sẽ gây những hạn chế, không thuận tiện trong việc theo dõi, kiểm soát chi tiết tình hình biến động cụ thể của hàng tồn kho trong mỗi kho giữa kế toán vật tư và thủ kho. Ví dụ, như hiện tại, số liệu trên Bảng tổng hợp nhập xuất tồn lấy từ phần mềm là số liệu của kho “Kho công ty”, tức là số liệu tổng của toàn bộ hàng tồn kho hiện tại. Khi muốn biết số dư cũng như tình hình nhập xuất tồn của riêng vật tư hay riêng thành phẩm thì kế toán vật tư phải lọc lại số liệu trên Bảng tổng hợp nhập xuất tồn của “Kho công ty”.

Thứ hai, trong trường hợp xảy ra có sự chênh lệch số liệu giữa theo dõi của kế toán vật tư và ghi chép của thủ kho, công ty sẽ không nhanh chóng biết được số chênh lệch phát sinh từ kho nào để có biện pháp kiểm kê, rà soát lại và kịp thời tìm ra nguyên nhân.

Vì những lý do trên, em xin mạnh dạn kiến nghị công ty Sejinvina tổ chức việc chia kho trên phần mềm kế toán đang sử dụng tương ứng với hệ thống kho vật chất hiện tại, để quy trình quản lý hàng tồn kho của công ty được chặt chẽ,

dễ dàng và khoa học hơn. Bên cạnh đó, đây cũng là việc có thể thực hiện được dễ dàng do công ty đang áp dụng phương pháp kế toán máy.

3.2.2.4. Thay đổi phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Hiện tại, công ty Sejinvinna đang tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ, kỳ tính giá là tháng. Phương pháp này có ưu điểm là công việc tính toán đơn giản, việc tính giá chỉ được thực hiện một lần vào cuối tháng và không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng loại vật tư, sản phẩm hàng hoá. Tuy nhiên, phương pháp này lại có xu hướng bình quân hoá các biến động về giá vật tư hàng hóa và trong trường hợp có xảy ra lạm phát thì mức giá bình quân sẽ không theo kịp giá thị trường nên giá trị nguyên vật liệu cũng không được phản ánh sát với giá hiện hành. Ngoài ra, theo phương pháp này phải chờ đến cuối kỳ, kế toán mới có đủ thông tin về số lượng vật tư, sản phẩm, hàng hoá để tính giá bình quân nên ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán khác mặt khác, lại không thể theo dõi được giá trị nguyên vật liệu sau mỗi lần nhập xuất do đơn vị chưa tính được giá thực tế bình quân. Thực tế, những ưu điểm của phương pháp tính giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ không còn phát huy được trong điều kiện sản xuất kinh doanh của Sejinvinna hiện nay mà ngược lại những hạn chế của phương pháp này sẽ có ảnh hưởng lớn đến công tác kế toán tài chính trong công ty.

Trong bối cảnh lạm phát của nền kinh tế hiện nay, giá cả các nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho các ngành sản xuất công nghiệp liên tục biến động theo chiều hướng tăng lên. Đặc biệt là mặt hàng thép. Mà đây lại là nguyên vật liệu chính, chiếm khối lượng lớn trong lượng vật tư mà công ty Sejinvinna phải mua vào. Thực tế hiện nay, đòi hỏi công ty phải có biện pháp để theo dõi sự biến động của giá trị nguyên vật liệu một cách liên tục, để kịp thời cho các quyết định sản xuất kinh doanh của ban giám đốc. Phương pháp tính giá bình quân liên hoàn sẽ giúp công ty thực hiện được yêu cầu này thuận tiện hơn. Bởi ưu điểm lớn nhất của phương pháp này là giá nguyên vật liệu sẽ được cập nhật lại liên

tục sau mỗi lần nhập, xuất. Theo đó các thông tin về chi phí nguyên vật liệu cũng như sự biến động của nó sẽ dễ dàng được theo dõi sát sao nhằm kịp thời phục vụ cho Ban giám đốc và phòng Tài chính-kế toán trong công tác quản trị chi phí trong công ty bằng cách hoạch định các chính sách dự trữ, sản xuất phù hợp với tình hình và xu hướng mới.

Mặt khác, việc áp dụng phương pháp tính giá bình quân liên hoàn công ty tại công ty Sejinvina là hoàn toàn khả thi vì phần mềm kế toán Weekend Accounting cho phép áp dụng cả bốn phương pháp tính giá xuất kho và Sejinvina hiện đang áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên đối với hàng tồn kho.

Ngoài tính phù hợp với đặc điểm hình thức kế toán hiện tại, phương pháp tính giá bình quân liên hoàn cũng có những ưu điểm hơn các phương pháp tính giá xuất kho còn lại. Ví dụ như, nếu so sánh với phương pháp nhập trước - xuất trước, về kết quả tính toán có thể trong một số trường hợp, phương pháp nhập trước - xuất trước sẽ cho kết quả tính toán gần giống với phương pháp bình quân liên hoàn. Mặc dù vậy, khi có biến động lớn và liên tục, giá tính theo phương pháp này lại không theo kịp với giá thị trường do giá được ghi nhận là giá của hàng tồn từ trước đó. Nên các chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu hiện hành và điều này có thể ảnh hưởng đến các chỉ tiêu: lãi gộp, doanh thu thuần.

Tóm lại, phương pháp tính giá bình quân liên hoàn nếu được áp dụng thay thế cho phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ, thì với những ưu điểm của mình cũng như dựa trên cơ sở là sự phù hợp của nó với phương pháp hạch toán kế toán hiện tại, nó sẽ giúp công ty Sejinvina hoàn thiện được công tác hạch toán nguyên vật liệu, góp phần vào nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu của mình.

3.2.2.5. Lập và phân tích báo cáo sử dụng vật tư toàn dự án theo kế hoạch sản xuất và thực tế phát sinh.

Do đặc điểm sản xuất kinh doanh theo dự án hoặc đơn đặt hàng là chủ yếu, nên các chi phí sản xuất phát sinh cũng như chi phí giá vốn hàng bán được công ty tập hợp theo đơn hàng, dự án.

Tại Sejinvin, quy trình cấp phát tất cả các loại vật tư tại Sejinvin tuân thủ theo các bản định mức nguyên vật liệu. Các bản định mức nguyên vật liệu này do phòng Kỹ thuật - sản xuất nghiên cứu xây dựng cho từng mặt hàng, sản phẩm của đơn đặt hàng (dự án) để đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật cũng như mỹ thuật của khách hàng. Các bản định mức nguyên vật liệu cũng được xây dựng để đảm bảo các sản phẩm khi sản xuất ra đều đạt các tiêu chuẩn về chất lượng của quốc tế cũng như Việt Nam mà công ty đã tham gia ký kết.

Như vậy, tất cả số lượng vật tư trên các lệnh xuất kho đều tuân thủ theo các bản định mức nguyên vật liệu trong từng Lệnh sản xuất. Tuy nhiên, trong thực tế sản xuất tại các tổ sản xuất, lượng vật tư thực tế phát sinh có những chênh lệch so với định mức kế hoạch. Công ty nên có biện pháp để theo dõi, quản lý, phân tích nguyên nhân của những phát sinh thừa, thiếu vật tư nói trên để từ đó làm cơ sở cho việc phân đấu hạ giá thành sản phẩm.

Khi kết thúc sản xuất một đơn hàng dự án, công ty nên yêu cầu các tổ sản xuất lập báo cáo tình hình nhận và sử dụng vật tư của tổ mình. Số liệu trên báo cáo này sau khi được đối chiếu với số liệu tổng hợp của kế toán vật tư và thủ kho, sẽ được tổng hợp trong bảng Báo cáo vật tư toàn dự án theo mẫu sau:

Biểu 3.3: Báo cáo vật tư toàn dự án

Đơn vị: Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin-Vinashin

Bộ phận:.....

BÁO CÁO VẬT TƯ TOÀN DỰ ÁN

Dự án:.....

Lệnh sản xuất:.....

STT	Danh điểm vật tư	Tên, quy cách vật tư	ĐVT	Kế hoạch	Thực xuất	Số đã sử dụng	Số chưa sử dụng	Số cần nhập bổ sung
	A	B	C	1	2	3	4	5

Ngày... tháng...năm...

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận báo cáo

(ký, họ tên)

Người lập

(ký, họ tên)

Bảng trên sẽ tổng hợp được toàn bộ số lượng và danh mục vật tư theo định mức kế hoạch cũng như thực tế tình hình cấp phát, sử dụng trong suốt thời gian sản xuất phục vụ dự án (đơn hàng). Kế toán sẽ tổ chức để các tổ sản xuất lập các báo cáo về lượng vật tư tổ mình được nhận, đã sử dụng và còn tồn là bao nhiêu sau mỗi dự án. Các tổ sẽ phải giải trình cụ thể lý do cho lượng vật tư xin cấp bổ sung hoặc còn thừa. Sau khi được đối chiếu với so sánh với theo dõi của kế toán vật tư, những thông tin này sẽ được kết hợp với định mức và kế hoạch sử dụng nguyên vật liệu cho dự án của phòng kỹ thuật sản xuất để lập ra “Báo cáo vật tư toàn dự án”.

Từ những phát sinh chênh lệch, tăng giảm giữa lượng vật tư thực tế với định mức kế hoạch được phát hiện, tổng hợp từ báo cáo trên, bộ phận kế toán và bộ phận kho sẽ làm việc để phát hiện ra những thiếu sót, sơ hở trong quá trình cấp phát vật tư. Sau đó, sẽ làm việc với phòng Kỹ thuật - sản xuất để tìm ra giải pháp hoàn thiện việc xây dựng định mức nguyên vật liệu để một mặt vừa đảm

bảo được chất lượng sản phẩm vừa phù hợp với thực tế sản xuất, mặt khác tìm ra những biện pháp sản xuất mới tận dụng được hết nguyên vật liệu dư thừa, không để lãng phí, thất thoát vật tư.

Lượng vật tư chênh lệch có thể được xuất phát từ những nguyên nhân sau:

-Quy trình cấp phát đã có những sơ xuất khiến lượng vật tư xuất dùng không được kiểm soát kỹ càng, lượng thực xuất cao hơn định mức.

-Chất lượng vật tư xuất dùng không đảm bảo, đã không đáp ứng được yêu cầu sản xuất, dẫn đến việc phải thay thế gây lãng phí vật tư, giảm hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại công ty và thậm chí, nếu không được phát hiện thay thế kịp thời lượng vật tư kém chất lượng sẽ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm khi xuất xưởng.

-Do dây chuyền máy móc vận hành không đảm bảo gây tiêu tốn nguyên vật liệu trên định mức thiết kế ban đầu.

-Do tay nghề của công nhân. Một số khâu, đoạn thủ công trong quy trình sản xuất, tay nghề công nhân sẽ quyết định đến mức nguyên vật liệu có được sử dụng trong định mức hay không. Một số những vật tư phụ hoặc vật tư đóng gói sẽ chịu ảnh hưởng lớn bởi yếu tố này.

Đội ngũ kế toán không trực tiếp làm giảm lượng vật tư xuất dùng cần thiết, nhưng với phương pháp quản lý, phân tích khoa học của mình, họ sẽ đưa ra những thông tin tổng hợp quý báu giúp cho các bộ phận khác cũng như ban giám đốc có cơ sở và căn cứ để kịp thời ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại đơn vị.

Ngoài ra, ở công ty số lượng nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất vẫn còn tình trạng lượng tiêu hao thực tế ít hơn kế hoạch dẫn đến cuối kỳ vẫn còn vật tư ở tổ sản xuất chưa được sử dụng, vì vậy, theo em, kế toán nên lập phiếu báo cáo vật tư còn lại cuối kỳ, theo mẫu sau:

Biểu 3.4: Báo cáo vật tư còn lại cuối kỳ

Đơn vị: Công ty TNHH NTT Sejin-Vinashin

Bộ phận:

BÁO CÁO VẬT TƯ CÒN LẠI CUỐI KỲ

Ngày... tháng... năm...

Số:.....

Bộ phận sử dụng:.....

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Lý do
A	B	C	D	1	E

Phụ trách bộ phận sử dụng

(Ký, họ tên)

Phiếu này dùng để theo dõi số lượng vật tư còn lại cuối kỳ hạch toán của đơn vị, làm căn cứ tính giá thành sản phẩm và kiểm tra tình hình thực hiện định mức vật tư sử dụng. Số lượng vật tư còn lại cuối kỳ ở đơn vị sử dụng được phân thành 2 loại:

- + Loại không dùng nữa: Lập phiếu nhập kho, và được nhập lại kho
- + Loại tiếp tục sử dụng: Lập phiếu báo cáo vật tư còn lại cuối kỳ

Phiếu báo cáo vật tư còn lại cuối kỳ do bộ phận sử dụng (các tổ sản xuất) lập thành 2 bản, 1 bản lưu tại tổ sản xuất, bản còn lại giao cho phòng kế toán.

Do đặc điểm sản xuất theo đơn đặt hàng, nên khi kết thúc một dự án, các xưởng sản xuất nên tổng kết số lượng vật tư thừa có nguyên nhân cụ thể, làm đề nghị chuyển phòng Kế toán viết phiếu nhập lại kho. Việc làm này phải được tiến

hành nhanh chóng ngay sau khi dự án kết thúc để thuận tiện cho việc xác định giá vốn hàng bán của dự án cũng như xác định kết quả sản xuất kinh doanh của dự án. Theo em, công ty nên lập Báo cáo vật tư theo kế hoạch sản xuất (theo mẫu sau đây), để dễ dàng tổng kết, theo dõi và quản lý tình hình sử dụng nguyên vật liệu cho mỗi dự án, đơn hàng.

3.2.2.6. Phân tích sự biến động của chi phí nguyên vật liệu theo kế hoạch và thực tế phát sinh

Sau khi hoàn thành và quyết toán một dự án hoặc đơn hàng, Sejin Vina sẽ đánh giá lại toàn bộ chi phí và lợi nhuận từ dự án (đơn hàng) đó. Để phục vụ cho mục đích tìm ra biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu trong doanh nghiệp mình, đội ngũ cán bộ, nhân viên phòng Tài chính - kế toán cần kết hợp với các phòng ban khác có liên quan để tổng hợp, phân tích sự biến động trong tình hình sử dụng nguyên vật liệu cũng như chi phí nguyên vật liệu trên cả hai mặt: khối lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá xuất kho nguyên vật liệu. Khi phân tích xong, doanh nghiệp sẽ biết chi phí nguyên vật liệu chênh lệch là do nguyên nhân giá cả nguyên vật liệu hay khối lượng nguyên vật liệu và cụ thể mỗi nhân tố trên đã ảnh hưởng như thế nào đến lượng chi phí nguyên vật liệu bị chênh lệch. Theo em, đội ngũ kế toán công ty có thể sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn làm phương pháp phân tích. Đây là một phương pháp đơn giản, hơn nữa, mức độ ảnh hưởng được phản ánh, phân tích tương đối rõ ràng, cụ thể, có thể đáp ứng được yêu cầu phân tích chi phí nguyên vật liệu của công ty.

Chi phí nguyên vật liệu sẽ được phân tích theo phương pháp thay thế liên hoàn như sau:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp = Số lượng nguyên vật liệu * Đơn giá xuất kho
nguyên vật liệu

Goi: $-CP_0$, CP_1 lần lượt là chi phí nguyên vật liệu theo kế hoạch và chi phí nguyên vật liệu thực tế phát sinh

- SL_0, SL_1 lần lượt là khối lượng nguyên vật liệu theo kế hoạch và khối lượng nguyên vật liệu thực tế phát sinh

- P_0, P_1 lần lượt là đơn giá nguyên vật liệu xuất kho theo kế hoạch và đơn giá nguyên vật liệu xuất kho thực tế phát sinh

$$\Rightarrow CP_0 = \sum SL_0 * P_0$$

$$CP_1 = \sum SL_1 * P_1$$

Chi phí nguyên vật liệu phát sinh chênh lệch (ΔCP) được đánh giá theo giá trị:

$$\Delta CP = CP_1 - CP_0$$

$$\Delta CP = \sum SL_1 * P_1 - \sum SL_0 * P_0$$

Chi phí nguyên vật liệu phát sinh chênh lệch được đánh giá theo phần trăm (I_{CP})

$$I_{CP} = \frac{CP_1}{CP_0}$$

-Ảnh hưởng của nhân tố khối lượng nguyên vật liệu đến chỉ tiêu chi phí nguyên vật liệu:

$$\begin{aligned} \Delta CP_{(SL)} &= \sum SL_1 * P_0 - \sum SL_0 * P_0 \\ &= \sum SL_1 * P_0 - CP_0 \end{aligned}$$

-Chỉ số khối lượng xuất kho ảnh hưởng đến chỉ tiêu chi phí nguyên vật liệu:

$$I_{CP(SL)} = \frac{\sum SL_1 * P_0}{\sum SL_0 * P_0}$$

-Ảnh hưởng của nhân tố đơn giá xuất kho nguyên vật liệu đến chỉ tiêu chi phí nguyên vật liệu:

$$\begin{aligned} \Delta CP_{(P)} &= \sum SL_1 * P_1 - \sum SL_1 * P_0 \\ &= CP_1 - \sum SL_1 * P_0 \end{aligned}$$

-Chỉ số đơn giá xuất kho ảnh hưởng đến chỉ tiêu chi phí nguyên vật liệu:

$$I_{CP(P)} = \frac{\sum SL_1 * P_1}{\sum SL_1 * P_0}$$

*Tổng hợp các nhân tố:

$$\begin{aligned} \Delta CP &= \Delta CP_{(SL)} + \Delta CP_{(P)} \\ &= \sum SL_1 * P_0 - CP_0 + CP_1 - \sum SL_1 * P_0 \\ &= CP_1 - CP_0 \end{aligned}$$

$$I_{CP} = I_{CP(SL)} * I_{CP(P)}$$

$$\begin{aligned} I_{CP} &= I_{CP(SL)} * I_{CP(P)} \\ &= \frac{\sum SL_1 * P_0}{\sum SL_0 * P_0} * \frac{\sum SL_1 * P_1}{\sum SL_1 * P_0} \\ &= \frac{\sum SL_1 * P_1}{\sum SL_0 * P_0} \\ &= \frac{CP_1}{CP_0} \end{aligned}$$

Báo cáo sẽ lấy ví dụ từ một dự án trong tháng 12/2010 của công ty Sejinvinna để minh họa. Đó là hợp đồng 11-10/Visal – một hợp đồng có quy mô nhỏ để tiện minh họa:

Từ số liệu tổng hợp theo bảng đính kèm sau đây ta có:

$$\begin{aligned} \Delta CP_{(SL)} &= \sum SL_1 * P_0 - \sum SL_0 * P_0 \\ &= \sum SL_1 * P_0 - CP_0 \\ &= 51.075.309 - 50.857.737 \\ &= 217.572 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} I_{CP(SL)} &= \frac{\sum SL_1 * P_0}{\sum SL_0 * P_0} * 100\% \\ &= \frac{51.075.309}{50.857.737} * 100\% \\ &= 100,43\% \end{aligned}$$

Do khối lượng nguyên vật liệu xuất kho thay đổi làm cho chi phí nguyên vật liệu phát sinh tăng 0,43% tương ứng 217.572 đồng.

$$\begin{aligned}
 \Delta CP_{(P)} &= \sum SL_1 * P_1 - \sum SL_1 * P_0 \\
 &= \sum CP_1 - SL_1 * P_0 \\
 &= 52.631.528 - 51.075.309 \\
 &= 1.556.219 \\
 I_{CP(P)} &= \frac{\sum SL_1 * P_1}{\sum SL_1 * P_0} * 100\% \\
 &= \frac{52.631.528}{51.075.309} * 100\% \\
 &= 103,047 \%
 \end{aligned}$$

Do đơn giá nguyên vật liệu xuất kho thay đổi làm cho chi phí nguyên vật liệu phát sinh tăng 3,047% tương ứng 1.556.219 đồng.

Từ bảng phân tích trên ta thấy: cả công tác quản lý về giá vật tư và khối lượng vật tư xuất phục vụ hợp đồng 11-10/Visal công ty đều làm chưa tốt. Cụ thể: cả giá nguyên vật liệu đầu vào doanh nghiệp còn chưa quản lý tốt, khiến doanh nghiệp bị động và chịu ảnh hưởng nhiều từ biến động giá trên thị trường. Đặc biệt là các mặt hàng thép. Sejinvin cần tìm những nhà cung cấp uy tín lâu dài để một mặt đảm bảo được khối lượng nguyên vật liệu cần mua, một mặt ổn định được giá cả đầu vào cho mình trong bối cảnh giá nguyên vật liệu thường xuyên biến động tăng giảm như hiện nay. Nếu kiểm soát và giảm thiểu được biến động tăng của giá cả nguyên vật liệu đầu vào, sẽ làm giảm được chi phí nguyên vật liệu xuất dùng, nâng cao hiệu quả sản xuất trong công ty.

Về khâu xuất dùng: các sản phẩm đều được Sejinvin thiết kế theo một mức định mức nguyên vật liệu chuẩn và khi tiến hành các viết các lệnh xuất kho đều theo định mức này. Tuy nhiên, trong thực tế sản xuất, một số loại vật tư phụ đều phát sinh cao hơn định mức, ví dụ, vít hay đinh rút là những vật tư thường xuyên phát sinh tăng so với định mức thiết kế. Công ty cần có biện pháp xuống các tổ sản xuất để nâng cao tay nghề và trách nhiệm của công nhân từ đó giảm thiểu được lượng vật tư phải xuất quá định mức, sử dụng tiết kiệm tối đa lượng

vật tư đã được cấp phát và nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu nói chung trong toàn công ty

3.2.3.3. Một số giải pháp khác nhằm nâng cao việc sử dụng nguyên vật liệu

Trong các ngành sản xuất một số biện pháp để hạ giá thành trong công tác sản xuất là tiết kiệm các yếu tố chi phí sản xuất, nhưng để thực hiện được mục tiêu đó thì khi sử dụng không phải là bớt xén một cách máy móc mà phải đảm bảo trong điều kiện chi phí giảm nhưng tất cả sản phẩm sản xuất ra vẫn đạt các tiêu chuẩn chất lượng. Do đó giá thành hạ doanh nghiệp mới có lãi trên cơ sở mở rộng quy mô sản xuất. Đây là một trong những yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Nguyên vật liệu là một trong những nhân tố cấu thành nên sản phẩm và nó chiếm một tỷ trọng lớn nhất trong chi phí, vì vậy việc tiết kiệm nguyên vật liệu có ảnh hưởng trực tiếp đến việc hạ giá thành sản phẩm.

Xuất phát từ thực tế công ty em xin mạnh dạn đưa ra một số biện pháp để tiết kiệm nguyên vật liệu như sau:

+ Trên cơ sở yêu cầu sản xuất của doanh nghiệp đặt ra phải tiến hành mua nguyên vật liệu do đó các đơn vị sản xuất phải chấp hành tốt về định mức nhưng cũng phải đảm bảo chất lượng sản phẩm.

+ Liên tục đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân sản xuất. Bởi tay nghề, trình độ của người sản xuất có ảnh hưởng đến việc nguyên vật liệu có được sử dụng trong đúng định mức hoặc tiết kiệm so với định mức hay không. Đồng thời, có chế độ kỷ luật khen thưởng thích đáng đối với những cá nhân, tập thể sử dụng tiết kiệm hay lãng phí.

+ Hệ thống máy móc phải luôn được bảo trì, duy tu và thay mới khi cần thiết để giảm mức hao tổn nguyên vật liệu do máy móc.

+ Giảm bớt mức hao phí thấp nhất trong công tác thu mua, vận chuyển, bảo quản và sử dụng vật tư. Không để cho vật tư hao hụt, mất mát hoặc xuống cấp.

Bên cạnh đó, Công ty cũng cần thiết phải có sự nghiên cứu, tìm hiểu thị trường nguyên vật liệu.

Mặc dù nguyên vật liệu hiện nay không thiếu, thậm chí một số nguyên vật liệu rất dồi dào nhưng các nguyên vật liệu này xuất phát từ nhiều nguồn gốc khác nhau, chất lượng khác nhau. Vì vậy, việc thiết lập những nguồn cung ứng nguyên vật liệu lâu dài là rất quan trọng, điều này công ty TNHH NTT Sejinvinashin đã và đang làm được. Tuy nhiên, bên cạnh những nhà cung cấp quen thuộc, công ty cần có kế hoạch thăm dò, tìm hiểu thị trường để tìm ra nguồn cung ứng tốt hơn, đem tới cơ hội tăng chiết khấu, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng có lợi cho doanh nghiệp.

Không những thế, tìm hiểu tốt thị trường còn giúp Công ty có những bước đi đúng đắn trong thu mua, dự trữ ở những thời điểm khác nhau, tránh tình trạng mua phải nguyên vật liệu với giá cao khi có sự khan hiếm hoặc thiếu nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

KẾT LUẬN

Công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH Nội thất thủy Sejinvin nói riêng là một vấn đề tương đối phức tạp và có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại doanh nghiệp.

Trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, đề tài đã phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp. Đồng thời cũng đã vận dụng lý luận vào nghiên cứu thực tiễn ở Công ty Sejinvin, trên cơ sở đó đưa ra những nội dung hoàn thiện phù hợp và có khả năng thực hiện được.

Thông qua các nội dung đã trình bày, đề tài đã hoàn thành các nhiệm vụ sau đây:

- Về mặt lý luận: đề tài đã hệ thống lại chế độ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: đã mô tả khá chi tiết về thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin-vinashin trên hai mặt:

+Về quy trình mua, cấp phát vật tư: công ty Sejinvin đã làm khá chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả.

+Về công tác hạch toán được thực hiện trên phần mềm WEEKEND ACCOUNTING (đề tài minh họa bằng số liệu tháng 12 năm 2010) có nhiều điểm chưa khoa học, chưa quản lý được chi tiết số liệu và chưa thực sự giúp được ban giám đốc trong việc đề ra các biện pháp sử dụng và quản lý nguyên vật liệu hiệu quả hơn.

- Trên cơ sở đối chiếu những vấn đề lý luận trong nghiên cứu với thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Nội thất thủy Sejinvinashin, đề tài đã đưa ra một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu ở Công ty, đó là các giải pháp:

+Sử dụng các tiểu khoản nguyên vật liệu và hoàn thiện việc lập sổ danh điểm nguyên vật liệu được xây dựng trên các tiểu khoản nguyên vật liệu được

xây dựng trước đó.

+Hoàn thiện việc chia kho trên phần mềm phù hợp với hệ thống kho vật chất hiện tại.

+Thay đổi phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho từ phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ sang bình quân liên hoàn.

+Lập và phân tích báo cáo sử dụng vật tư toàn dự án theo kế hoạch sản xuất và thực tế phát sinh.

Các giải pháp đưa ra đều xuất phát từ thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại Sejinvina và hy vọng sẽ góp phần giúp công ty nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu.

Hải phòng, ngày 01 tháng 7 năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thị Thanh Nhân

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính, “Chế độ kế toán doanh nghiệp”, NXB. Tài chính, 2006
2. GS.TS. Ngô Thế Chi, TS. Trương Thị Thủy, “Giáo trình kế toán tài chính”, NXB. Tài chính, 2008
3. TS. Nguyễn Phú Giang, “Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính”, NXB. Tài chính Hà Nội, 2007.
4. TS. Nguyễn Phú Giang, “Kế toán dịch vụ”, NXB. Tài chính, 2008
5. PGS.TS. Võ Văn Nhị, “Kế toán tài chính”, NXB. Tài chính, 2007
6. TS. Nguyễn Duy Tuấn, TS. Nguyễn Phú Giang, “Kế toán quản trị”, NXB. Tài chính, 2008
7. TS. Trần Quý Liên, TS. Trần Văn Thuận, TS. Phạm Thành Long, “Nguyên lý kế toán”, NXB. Tài chính, 2009.